



NHIỀU TÁC GIẢ

10 Truyện Ngắn
Hay Thế Giới



Có nhiều người ước mơ được du lịch thế giới, nhưng nếu chưa có điều kiện để thực hiện ước mơ đó, một cách đơn giản là bạn hãy đọc bộ sách “10 truyện ngắn hay thế giới”.

Tuyển tập truyện ngắn hay của các nước trên thế giới, với những sắc màu văn hóa, thiên nhiên, con người được phác vẽ thật phong phú, sinh động. Nếu có một cuộc hành trình đi khắp thế giới, bạn muốn mình sẽ bắt đầu từ đâu? Thật có rất nhiều sự lựa chọn, khi mỗi nền văn hóa, mỗi câu chuyện ở mỗi đất nước lại có sức hấp dẫn riêng. Và nhất là khi bạn được dẫn dắt bởi một người dẫn đường tài giỏi. Trong cuốn sách “10 truyện ngắn hay thế giới” các tác giả - người bắc cây cầu cho bạn đến với thế giới, đó chính là những dịch giả uyên bác và tâm huyết. Đọc cuốn sách tức là bạn đang du lịch với những hành trình văn học của nước đó với những tác gia tiêu biểu và những tác phẩm văn học nổi tiếng. Nào, hãy cùng du lịch tới đất nước đầu tiên, đất nước mặt trời – Nhật Bản với tác phẩm “Chỉ một lần thôi” của tác giả Hayashi Fumiko.

CHỈ MỘT LẦN THÔI

Hayashi Foumiko – Văn Hòa dịch

Một cơn gió gay gắt quét xuống mặt đường; hôm ấy trời rét căm căm. Vai mang túi xách, Ryo vội vã đi về hướng ánh mặt trời yếu ớt lọt giữa các ngôi nhà. Thỉnh thoảng, nàng đưa mắt tò mò nhìn quanh – nàng nhìn một ngôi nhà, một chiếc xe hơi bên vệ đường, một trong vô số hố sâu do bom đào lên trong khu thương mại thành phố Tokyo.

Khi nhìn ngang qua một hàng đậu, Ryo thấy một đồng sắt vụn hoen rỉ, cạnh đấy có một cái lều gỗ cửa kính. Chắc phải có lửa ở bên trong vì từ chỗ nàng đứng, Ryo nghe rõ tiếng gỗ cháy lách tách một cách vui vẻ. Một người đàn ông mặc đồ xanh, đầu buộc khăn đỏ, đứng trên thềm. Con người tráng kiện này có một vẻ gì rất đáng mến. Ryo lấy can đảm cất tiếng rao:

– Trà không? Ai mua trà không? Thưa ông, ông mua trà không ạ?

– Trà à?

– Vâng trà Shizuoka, – nàng đáp, miệng mỉm cười.

Nàng băng qua một kẽ hở nơi hàng đậu và tháo dây mở cái túi xách nàng vừa đặt xuống. Nàng thấy phía trong lều có một lò than hồng, bên trên treo một ấm nước. Một làn hơi nước phun ra từ cái vòi ấm.

Ryo hỏi:

– Ông có thể cho tôi sưởi một lát không ạ? Hôm nay trời rét quá và tôi đã đi quá nhiều.

Người đàn ông đáp:

– Được chứ, vậy mời cô vào. Cô khép cửa lại kéo lạnh.

Chàng mời nàng ngồi trên cái ghế đẩu độc nhất trong nhà và tự mình ngồi ở một cái thùng để dọc tường gỗ. Ryo do dự, đoạn mang cái túi xách vào trong lều và ngồi xõm trước lò than, sưởi hai tay trên ngọn lửa.

Chàng thanh niên nói:

– Cô ngồi trên cái ghế đầu này tiện hơn.

Và sau khi nhìn khuôn mặt mỹ miều của Ryo ửng hồng vì hơi nóng, cùng áo quần xác xơ của nàng, chàng tiếp:

– Có lẽ lần đầu tiên cô mang trà đi bán rong?

– Không ạ. Tôi kiếm ăn bằng nghề này. Người ta nói rằng tôi sẽ bán được trà ở đây, vậy mà chạy quanh khắp phố từ sáng đến giờ tôi chẳng bán được gói nào cả. Bây giờ tôi định trở về nhà, chỉ dừng lại để điếm tâm chút ít gì dọc đường.

– Cô có thể nghỉ ăn trưa tại đây nếu cô muốn. Cô đừng có ngại – người đàn ông mỉm cười nói. – Tất cả chỉ là sự may rủi. Chắc ngày mai cô sẽ may mắn hơn.

Nước sôi bắt đầu reo lên. Nhân khi người chủ nhà bận hạ cái ấm xuống, Ryo quan sát ngôi lều, nàng thấy trần nhà bằng gỗ ám khói, một cái bảng đen bên cạnh cửa sổ và một cái trang thờ...

Người chủ nhà lấy một cái gói mềm mềm trên bàn và lôi ra một khúc cá thu. Vài phút sau, mùi cá nướng thơm phức khắp phòng.

Chàng thanh niên nói:

– Bây giờ cô ngồi xuống và mời cô cứ tự nhiên.

Ryo lấy cái cặp lồng của nàng trong túi xách ra và đặt trên ghế đầu.

Chàng thanh niên vừa trở khúc cá thu trong cái chảo, vừa hỏi:

– Mỗi lạng trà cô kiếm được bao nhiêu lãi?

– Nếu bán được 35 đồng một lạng thì mới kiếm được chút ít lãi. Nhưng những người giao hàng cho tôi thường trộn trà xấu vào, nên phải may mắn tôi lắm mới bán được 30 đồng.

Ryo đã mang theo trong cặp lồng của nàng hai con cá nhỏ kho tương. Nàng bắt đầu ăn.

Người chủ nhà hỏi:

– Nhà cô ở đâu?

– Trong khu Shitaya. Nói thật, tôi không biết gì về Tokyo cả. Tôi mới đến đây có mấy tuần, và ở nhờ nhà một người bạn gái cho đến khi nào kiếm được chỗ trọ.

Cá thu đã chín. Chàng thanh niên xắt một nửa cho Ryo với cơm và khoai tây. Ryo khẽ nghiêng mình cảm ơn, đoạn nàng lấy một gói trà trong túi xách và đổ ra một ít trên cái khăn bằng giấy.

– Anh bỏ giùm trà này vào ấm.

Chàng lắc đầu cười, để lộ hai hàm răng trắng bóng.

–Ồ, đừng. Thứ ấy quá quý.

Với một cử chỉ nhanh nhẹn, Ryo dỡ cái nắp ấm và bỏ trà vào trước khi chàng có thể cản kịp. Người thanh niên bật cười, chàng đi lấy một cái tách và một cái chén tống ở trên kệ.

Chàng đặt chúng trên một cái thùng gỗ, và hỏi:

– Vậy chồng cô đâu? Vì cô đã có chồng, phải không?

– Phải, tôi đã có chồng và anh ấy vẫn còn ở Xibêri. Đó là lý do bắt buộc tôi làm nghề này.

Ryo nghĩ đến người chồng mà nàng bật tin từ sáu năm nay. Thời gian đã xóa nhòa hình ảnh chồng trong tâm trí nàng, cái hình ảnh mà nàng cố hồi tưởng lại, từ vóc dáng thể chất đến âm thanh tiếng nói của chàng, những điều mà nàng đã từng biết rất rõ. Mỗi sáng nàng thức dậy với một cảm giác trống rỗng và tuyệt vọng. Đôi khi nàng có cảm tưởng rằng, trong vùng Xibêri kia, chồng nàng, dưới sức giá băng của miền địa cực, đã biến thành ma, hoặc thành một cột nước đá, hoặc ngay chỉ là hơi gió lạnh lẽo. Bây giờ không ai còn nói đến chiến tranh nữa, và Ryo gần như ngại ngùng khi phải nói với họ rằng chồng nàng vẫn còn đang bị cầm tù.

Người chủ nhà kêu lên:

– Thật là một sự trùng hợp lạ kỳ! Tôi cũng đã từng ở Xibêri. Suốt ba năm trường chuyên đốn gỗ. Tôi mới trốn thoát và vừa hồi hương năm

ngoái. Vấn đề hên xui cả. Chồng cô cực nhọc thật, nhưng cũng vất vả cho cô nhiều.

– Như anh thấy, không ai nói anh từ rất xa trở về. Anh không có vẻ gì đau khổ cả.

Chàng nhún vai:

– Hiển nhiên là không. Nhưng ai biết được? Dầu sao, ít nhất tôi đã sống...

Trong khi xếp dọn cái "cặp lồng", Ryo quan sát người đang nói chuyện với nàng. Từ chàng toát ra một vẻ giản dị và ngay thật, khiến nàng nói chuyện với chàng một cách thoải mái mà nàng chưa bao giờ cảm thấy mỗi khi nói chuyện với những người có học hơn.

Chàng hỏi:

– Cô có con cái gì không?

– Có, một đứa con trai sáu tuổi. Nó phải đi học, nhưng tôi không làm sao ghi tên cho nó được. Tại Tokyo các công chức đều thành thạo trong cái nghệ thuật làm cho cuộc sống càng thêm khó khăn.

Người đàn ông dùng khăn quàng chùi cái tách và cái chén tổng, đoạn rót trà nóng ra. Chàng uống từng ngụm nhỏ và nói:

– Ngon tuyệt!

– Anh thấy thế sao? Chưa phải là thứ hảo hạng Thứ trà này giá chỉ hai trăm đồng một ký, giá sỉ. Nhưng anh nói đúng, nó cũng khá ngon.

Trong khi họ nói chuyện, ngoài trời gió thổi mỗi lúc một nhiều hơn. Gió thổi mạnh vào mái tôn. Ryo nhìn qua cửa sổ, nghĩ đến quãng đường dài trở về nhà mà lo ngại.

– Tôi sẽ mua cho cô một ít trà... Bấy lạng, – người chủ nhà vừa nói vừa rút ra ở túi áo hai tờ giấy bạc nhàu nát.

–Ồ, đừng làm vậy. Để tôi biểu anh.

– Không, công việc là công việc. Chàng đã nhét bạc vào tay nàng. Khi nào cô trở lại khu này, hãy ghé vào đây nói chuyện chơi một lát.

– Được vậy có gì sung sướng bằng, nhưng chắc không phải anh ở luôn tại đây, có phải không? – Ryo vừa hỏi, vừa đưa mắt nhìn quanh gian lều chật hẹp.

– Ở đây chứ! Tôi canh gác sắt vụn và giúp việc khuân lên xe chở đi. Tôi gần như luôn luôn có mặt ở đây.

Chàng mở một cánh cửa dưới cái kệ để lộ ra một phòng xép, ở đây có một cái giường, mền gối rất ngăn nắp. Ryo nhìn thấy một cái ảnh màu hình những quả chuông ở Yamada dán trên cánh cửa.

Nàng mỉm cười nói:

– Anh sắp xếp ngăn nắp thật. Ở đây anh cảm thấy tiện nghi chứ?

Nàng trầm nghĩ, chàng đã bao nhiêu tuổi.

*

**

Từ đây Ryo thường mang trà đến bán trong vùng Yotsugi; và mỗi lần như vậy nàng đều ghé vào cái lều gỗ trên bãi đất trống. Nàng đã biết tên người đàn ông là Yoshio Tsuruishi. Hầu như luôn luôn anh ta cố ý sắm sẵn một món ăn ngon lành, khi thì thịt bò, khi thì cá trích, khi thì mứt mật. Công việc làm ăn của Ryo càng ngày càng khá hơn, và bây giờ nàng đã có nhiều khách hàng quen thuộc trong vùng lân cận.

Một tuần sau ngày gặp gỡ đầu tiên, nàng dẫn Ryoukichi, con trai nàng đến. Tsuruishi nói chuyện với thằng bé một lát, đoạn dẫn nó đi chơi quanh phố. Khi trở lại, Ryoukichi đã cầm trong tay một cái bánh ngọt lớn.

Tsuruishi vuốt ve đầu tóc ngắn của đứa trẻ và nói:

– Nó ăn khỏe lắm.

Ryo tự hỏi một cách mơ hồ rằng nếu người bạn mới đã có vợ thì sao. Thật vậy, Ryo nhận thấy nàng đã tự đặt ra cho chính mình rất nhiều câu hỏi. Bây giờ nàng đã 29 tuổi và ngạc nhiên nhận thấy rằng lần đầu tiên nàng chú ý một cách đứng đắn đến một người đàn ông khác chồng nàng. Nàng

cảm thấy mình bị thu hút bởi tính ngay thật và giản dị ở Tsuruishi, tuy nhiên, nàng vẫn giữ vẻ xa vời, đoan chính, và để chàng tự đoán lấy.

Sau đó ít lâu, Tsuruishi đề nghị đưa Ryo và Ryoukichi đi viếng vùng Asakusa vào ngày nghỉ sắp tới của chàng. Họ hẹn gặp nhau trước phòng khách nhà ga Uero. Tsuruishi bận một bộ áo quần cũ màu xám, xem ra quá chật đối với chàng. Ryo mặc áo xanh và khoác một cái măng tô màu cà phê sữa. Mặc dầu quần áo thuộc loại rẻ tiền, nhưng trông nàng có vẻ trẻ trung và thanh lịch. Bên cạnh Tsuruishi quá to lớn với hình vóc vững chãi, người ta có thể nói nàng là một nữ sinh đi nghỉ hè. Nàng có mang theo đồ điểm tâm cho ba người trong một cái giỏ, gồm có bánh, cam, cơm, và thịt băm nấu với rong biển.

Tsuruishi vừa khẽ quàng tay Ryo để đưa nàng lên qua đám đông, vừa nói:

– Hôm nay trời trong xanh, hy vọng sẽ không mưa.

Họ đi xe điện ngầm cho đến Asakusa và tiếp đây, đi bộ xem những nhà hàng Maytsuya to lớn cho đến cửa Niten Shinto. Có hàng trăm tiệm nhỏ mỗi phía đường. Khu Asakusa không giống một chút nào với những gì mà Ryo tưởng tượng. Nàng lấy làm kinh ngạc khi Tsuruishi chỉ một ngôi đền nhỏ sơn đỏ và bảo nàng rằng đó là ngôi chùa nổi tiếng thờ Phật Bà Quan Âm. Tiếng kèn xắc-xô và trompette rên rĩ từ xa do một ống phồng thanh vắng đến tai nàng, hòa với tiếng gió thổi vi vu trong những cành cây sakakis cổ thụ, tạo thành những âm thanh kỳ quái.

Tsuruishi, Ryo và đứa trẻ đi ngang một cái chợ theo kiểu xưa, bán áo quần, và đi thông đến trước những quán gỗ chen nhau san sát bên bờ hồ Asakusa; người ta mua thức ăn ở đây; không khí nực mùi dầu rán cá. Tsuruishi mua một cái kẹo đường xoắn màu vàng cho Ryoukichi tại một trong những quán hàng này. Đứa trẻ gặm kẹo trong khi họ đi vào một con đường hẹp dựng đầy những biển quảng cáo tán dương các phim chiếu bóng, các tiệm ăn và các nhà hát kịch. Ryo gặp Tsuruishi chưa đầy một tháng, vậy mà nàng cũng cảm thấy dễ chịu trong tình bè bạn như là nàng đã từng quen biết chàng từ thuở ấu thơ.

Chàng đưa tay ra đằng trước và nói:

– Kìa, trời đã bắt đầu mưa.

Ryo ngẩng đầu lên: mưa rơi từng hạt từ bầu trời xám xịt. Cuộc du ngoạn đẹp đẽ của họ đã bị lãng phí, nàng thầm nghĩ.

– Ta đến trú đằng kia đi.

Tsuruishi vừa nói vừa đưa tay chỉ một cửa hàng phía trước, trên cây đèn lồng màu sáng chói có chữ "Song hỷ trà thất". Họ vào ngồi trong một gian phòng, trên trần trang trí hoa anh đào nhân tạo. Không khí không có gì thân mật, cũng không có gì hấp dẫn, nhưng họ quyết không để buồn chút nào; họ gọi trà. Ryo chia phần cơm, bánh và cam cho ba người. Bữa cơm đã kết thúc một cách nhanh chóng. Bây giờ trời mưa như trút.

Tsuruishi nói:

– Chúng ta hãy đợi cho đến khi trời ngớt mưa. Rồi tôi sẽ đưa cô về nhà.

Ryo tự hỏi, chàng muốn ám chỉ nhà nào? Nhà chàng hay nhà nàng? Nàng ở trong một ngôi nhà nhỏ của bạn nàng, người bạn đồng hương. Nàng không có ngay cả một gian phòng nhỏ cho chính mình. Nàng thích trở về ngay túp lều của Tsuruishi, nhưng ở đó những ba người cũng bất tiện. Nàng lấy tiền trong ví ra và kín đáo đếm dưới mặt bàn. Bảy trăm đồng chắc đủ để thuê một chỗ trú tại một lữ quán trong vài giờ.

Nàng nói:

– Anh biết tôi thích gì không? Tôi muốn chúng ta đi xem chiếu bóng, rồi đi ăn một chút gì trong một tửu quán trước khi chia tay nhau. Nhưng tôi sợ như thế quá tốn kém.

Tsuruishi cười:

– Ờ, chắc là tốn rồi, nhưng điều đó không có gì ngăn trở chúng ta thực hiện. Nào đi.

Chàng lấy áo choàng ở móc và che cho Ryoukichi trong khi họ chạy dưới cơn mưa rào đến rạp chiếu bóng. Rạp chiếu bóng không còn có một chỗ ngồi nào. Đứa trẻ đứng tựa vào Tsuruishi và ngủ một cách ngon lành.

Không khí hình như càng lâu càng trở nên nặng nề ngột ngạt. Người ta nghe tiếng mưa dội xuống mái nhà một cách hung bạo.

Khi họ rời khỏi rạp chiếu bóng thì trời đã tối hẳn. Họ vội vã đi dưới cơn mưa đang ào ào sa xuống những tàu lá chuối lay lắt trong gió. Cuối cùng họ tìm ra một lữ quán nhỏ và người chủ dẫn họ đi dọc theo một hành lang lộng gió, đến một gian phòng nhỏ phủ nệm. Ryo cởi đôi tất ướt mềm của nàng. Con trai nàng thì nằm quay ra ở một góc phòng và ngủ ngay. Tsuruishi lấy một cái gối dựa cũ luồn dưới đầu thẳng bé và nói:

– Cái này gối tốt đây.

Mưa ào ào dội xuống cửa sổ và nước tràn thành thác chảy ra sân. Người ta tưởng chừng như đang ở trong một ngôi làng hẻo lánh giữa rừng sâu. Tsuruishi móc túi lấy khăn tay và lau mái tóc ướt của Ryo. Nhìn chàng, Ryo cảm thấy lòng ngập tràn vui sướng. Dường như cơn mưa rào đã cuốn theo tất cả bao niềm buồn khổ đã chong chát trong lòng nàng suốt mấy năm qua.

Nàng đi xem thử có gì để ăn không, và đã gặp ở hành lang một cô bồi phòng phục sức theo lối tây phương, mang một khay trà đến. Ryo bảo lấy hai tô mì, đoạn nàng ngồi xuống chiếu đối diện với Tsuruishi để uống trà cạnh một lò than hồng. Một lát sau, Tsuruishi đến ngồi bên Ryo. Lưng chàng tựa vào tường, họ ngắm nhìn bầu trời đầy mây mỗi lúc một tối dần.

Tsuruishi hỏi:

– Ryo, cô bao nhiêu tuổi? Hai mươi lăm à?

Ryo bật cười:

– Không, Tsuru ạ. Tôi đã già rồi. Tôi hai mươi chín.

– Vậy thì cô hơn tôi một tuổi.

Nàng chăm chú nhìn khuôn mặt chàng, nhìn thẳng vào đôi mắt nâu dịu hiền của chàng ẩn dưới hai hàng mi dày. Mặt chàng khẽ ửng hồng và chàng vội cúi xuống cởi đôi tất ướt của mình. Mưa ào ào dội xuống từng đợt. Cô bồi phòng mang vào mấy tô mì sợi. Ryo đánh thức con trai nàng dậy và đưa cho nó một tô. Nó húp nửa tô và ngủ lại.

Tsuruishi nói:

Ryo ạ, chúng ta phải ở lại đây mất. Cô không thể trở về dưới cơn mưa tầm tã như thế này.

– Không, chắc không về được.

Tsuruishi bước ra khỏi phòng và trở lại ngay, tay mang mấy cái chăn trải xuống mặt phòng, Ryo cuốn con nàng vào một cái chăn. Thằng bé vẫn ngủ say. Đoạn nàng tắt đèn, thay áo quần và nằm ngủ. Nàng nghe Tsuruishi soạn ngủ ở góc phòng bên kia.

Một lát, Tsuruishi nói:

– Có lẽ mấy người trong lữ quán này tưởng chúng ta là vợ chồng.

– Chắc vậy, kể ra họ lầm cũng phải.

Nàng đã vui vẻ trả lời không nghĩ ngợi, nhưng bây giờ nằm trong chăn ấm, lần đầu tiên nàng nhận thấy một cảm giác mơ hồ về tội lỗi. Đột nhiên nàng nghĩ đến chồng, mặc dầu đã xa cách nhau bao nhiêu năm trời. Nàng thầm nhủ: nhưng ta ở lại đây chỉ vì trời mưa... và dần dần ý nghĩ của nàng quay về với những tưởng tượng thú vị hơn, nàng ngủ đi lúc nào không biết.

Khi nàng thức giấc, trời vẫn còn tối đen như mực. Nàng nghe Tsuruishi khẽ gọi tên nàng; nàng giật mình tỉnh giấc.

– Ryo, Ryo. Tôi có thể đến nói chuyện với cô một lát không?

– Đừng, Tsuru. Đừng làm thế không phải.

Mưa vẫn rả rích rơi trên mái, nhưng mưa không còn nặng hạt nữa mà chỉ còn là một cái lưới tơ bằng nước. Ngang qua tiếng mưa rơi, Ryo nghe có tiếng thở dài. Vài phút sau, nàng nói:

– Tsuru này, chắc tôi chưa hỏi anh điều này, anh đã có gia đình chưa?

– Không, hiện nay tôi sống một mình.

– Vậy thì trước kia có, phải không?

– Phải. Khi tôi giải ngũ trở về, tôi mới biết vợ tôi đã sống với một người khác.

– Anh...buồn không?

– Có chứ. Nhưng tôi không có thể thay đổi gì được. Cô ấy đã bỏ tôi và thế là hết.

Bầu không khí trở nên im lặng.

Người thiếu phụ nhắc lại:

– Anh muốn chúng ta nói về chuyện gì? Tsuruishi phì cười:

– Tôi cũng không biết nữa. Chỉ có mỗi một vấn đề thú vị nhất. Thứ mì sợi ấy không phải là thứ thượng hảo hạng, phải không?

– Dĩ nhiên không. Và người ta đã tính một trăm đồng mỗi khẩu phần, cũng khá đắt.

– Nếu có một căn nhà cho cô và Ryoukichi thì thật tốt biết bao. Cô không nghĩ thế sao?

– Ồ, điều đó thì tuyệt rồi. Có thể kiếm ra một căn nhà trong khu phố của anh không. Tôi thích ở gần nhà anh, anh có biết không?

– Thời buổi bây giờ kiếm chỗ ở thật khó khăn. Nhưng để tôi hỏi, rồi sẽ tin cho cô biết sau. Ryo, cô là một người tuyệt diệu.

– Tôi? Ryo bật cười lớn. Đừng có nói bậy nào.

– Thật, thật cô là một người hoàn toàn...thật đúng như vậy. Ryo lại nằm dài ra. Đột nhiên nàng ước ao được quàng đôi cánh tay quanh mình Tsuruishi để cảm thấy thân thể chàng sát vào da thịt mình. Nàng không dám nói nữa, sợ tiếng nói mình lộ ý muốn ấy ra. Hơi thở nàng dồn dập, máu chảy mạnh trong huyết quản của nàng. Một chiếc xe hàng chạy ngang qua ngoài đường với tiếng sắt rì đập vào nhau vang lên trong sự im lặng của bình minh.

Một lát sau, nàng hỏi:

– Tsuru, cha mẹ anh ở đâu?

– Ở tỉnh, gần Fukuoka.

– Nhưng anh có một bà chị tại Tokyo kia mà.

– Ủ, chị ấy sống một mình, như cô, với hai đứa con thơ phải dạy dỗ. Chị ấy có một cái may mắn và may mắn lắm. Chồng chị đã bị giết từ bao năm nay...trong thời chiến tranh, tại Trung Hoa. Chậc, chiến tranh!

Ryo thấy ánh sáng mờ mờ đầu tiên của bình minh chiếu xuống nền lát đá hoa. Thế là một đêm chung sống của hai người sắp chấm dứt, nàng thầm nghĩ với một chút buồn rầu. Nàng tiếc rằng Tsuruishi không khẩn khoản hơn chút nữa, tuy nhiên nàng có trực giác rằng, như vậy tốt hơn. Nàng có thể hiến thân mà không có ẩn ý cho một người xa lạ, hoặc cho một người đàn ông mà nàng không có sự ràng buộc nào. Nhưng với Tsuruishi thì khác, rất khác.

– Tôi không thể ngủ được Ryo ạ, – tiếng nói của Tsuruishi lại nổi lên từ cuối phòng. – Tôi thức trắng suốt đêm. Chắc có lẽ vì không có thói quen.

– Thói quen gì?

– Thói quen ngủ chung phòng với một người đàn bà.

– Ồ, Tsuru, đừng có nói với tôi rằng anh không gặp bạn gái, thỉnh thoảng.

– Chỉ với những cô gái chuyên nghiệp...

Ryo bật cười:

– Đàn ông sống dễ thật! Ít nhất trong một vài khía cạnh nào đó.

Nàng nghe tiếng Tsuruishi xê dịch. Và chàng đã đến sát bên, nghiêng xuống trên nàng. Ryo không nhúc nhích, ngay cả khi hai cánh tay Tsuru ôm ghì lấy nàng và khi khuôn mặt chàng áp xuống mặt nàng. Nàng có đôi mắt rõ to, mở ra trong bóng tối; đối với chàng đôi mắt nàng dường như đôi hỏa châu lấp lánh trong gian phòng. Tsuru áp đôi môi nóng bỏng của chàng vào môi nàng.

Ryo... Ryo...

– Đừng...bậy, – nàng khẽ nói. – Làm thế không phải với chồng tôi.

Nhưng nàng liền hối tiếc ngay sau khi nói. Bây giờ nàng đã phân biệt được cái hình dáng mờ mờ của Tsuru in trên nền trời mờ xám. Nghiêng

nghiêng như vậy, chàng có vẻ như đang sùng kính một vị thần linh nào. Ryo ngật ngừng giây lát, đoạn nàng thắt chặt đôi cánh tay ấm áp của mình quanh cổ Tsuru.

*

**

Hai ngày sau, Ryo vui vẻ dắt con đến thăm Tsuruishi. Khi đến đám đất trống, nàng ngạc nhiên không thấy chàng bên lều gỗ, với cái khăn quàng bất diệt buộc quanh đầu. Ryoukichi tốc tả chạy vào xem và trở ra ngay.

– Mẹ, có mấy người, nhưng con không biết ai cả.

Kinh hoảng, Ryo phóng mình chạy vào. Hai người thợ đang chất đồng vật dụng của Tsuruishi trong một góc phòng. Một trong hai người quay lại hỏi:

– Bà muốn gì, thưa bà?

– Tôi tìm Tsuruishi.

–Ồ, bà không biết sao? Anh ta đã chết từ hôm qua.

– Chết...

Nàng muốn nói thêm một điều gì đó, nhưng không tiếng nào thốt ra khỏi chiếc cổ nghẹn ngào được.

Nàng chú ý đến một cây đèn cầy đang cháy trên cái trang thờ. Bây giờ nàng đã hiểu, nó có nghĩa gì.

– Anh ấy đã mất từ hôm qua, khoảng tám giờ tối – Người thợ nói. – Anh cùng với một người bạn chờ sắt đi Omiya, khi trở về xe bị lật trên một cây cầu hẹp. Họ chết ngay tức khắc, cả hai người, anh ấy và người cầm lái. Chị của anh ấy đã đi Omiya hôm nay với một người nào đó để định ngày hỏa táng.

Với đôi mắt thất thần, Ryo nhìn hai người đàn ông thu dọn đồ đạc của Tsuruishi. Nàng nhận thấy gần cây đèn cầy, trên cái kệ, hai bao trà mà chàng đã mua của nàng lần đầu... – mới chỉ có hai tuần lễ – một gói đã hết phân nửa, còn gói kia thì vẫn y nguyên.

– Thưa bà, chắc bà là bạn của Tsuru. Anh ta là một người tốt. Không có gì bắt buộc anh ta phải đi sang bên kia cả. Người tài xế cảm thấy nhưc đầu, nên Tsuru đi theo để giúp hấn bỏ hàng xuống. Ngốc thật!... Sống sót sau chiến tranh, sau cảnh tù đầy ở Xibêri, rốt cuộc tự hủy mình một cách ngu ngốc!

Một trong những người thợ lột cái ảnh "chuông Yamada" và thổi cho sạch bụi. Ryo chiêm ngắm những vật dụng của Tsuruishi chõng chất trên nền nhà, cái ấm nước, cái chảo chiên, đôi ủng cao su. Khi đưa mắt nhìn về phía cái bảng đen, nàng chú ý lần đầu tiên đến một lời nhắn gửi viết vụng về bằng phấn đỏ:

"Ryo, anh đã đợi em cho đến hai giờ. Anh sẽ trở về chiều tối nay".

Nàng nghiêng mình chào hai người thợ và mang cái túi xách lên vai. Nàng đã rời khỏi cái lều gỗ như một người máy, tay dắt Ryoukichi, nhưng khi đi ngang qua cái hố bom đào, hai hàng lệ nóng hổi trào lên đôi mắt.

– Ông ấy chết rồi phải không má?

– Chết rồi con ạ.

– Vì sao ông chết thế má?

– Xe nhào xuống sông...

Bây giờ đôi dòng lệ đã tuôn xuống hai má nàng; cứ tuôn ra không ngừng trong khi hai mẹ con nàng rảo bước dọc đường. Họ đi ngang qua một cây cầu lừng lừng, trên sông Soumida, và đi dọc theo bờ sông phía Hakuho.

"Đừng lo có thai em ạ, nếu có gì, anh sẽ săn sóc em". Chàng đã nói như vậy buổi sáng hôm ấy ở Asakusa. Và mới đây, ngay trước khi họ chia tay, chàng đã nói: "Anh không có nhiều tiền, nhưng với lương anh, anh có thể cung cấp cho em hai nghìn đồng mỗi tháng".

Chàng đã dẫn Ryoukichi vào một cửa hàng đặc biệt bán đồ ngoại hóa và mua một cái mũ đánh dã cầu. Đoạn cả ba người vui vẻ cùng đi dọc theo con đường tàu điện, tránh những vũng nước lớn do trận mưa rào để lại. Tssuruishi đã mời mỗi người một cốc sữa lớn trong một tiệm giải khát...

Một cơn gió lạnh thổi lên trên con sông ảm đạm. Một đàn hải âu đã tụ họp trên bờ bên kia, có vẻ lạnh lẽo và hăm hiu. Trên dòng sông, những chiếc xà lúp ngược xuôi một cách chậm rãi.

– Mẹ, con muốn một quyển tập vẽ. Mẹ đã bảo mẹ sẽ mua cho con một quyển.

– Lát nữa con. Lát nữa mẹ sẽ mua cho con một quyển.

– Nhưng mẹ ạ, chúng ta vừa đi ngang qua trước một tiệm bán rất nhiều. Mẹ, con đói bụng. Có gì ăn không mẹ?

– Lát nữa con. Một lát nữa thôi.

Họ đi dọc theo một dãy nhà, kiến trúc giống nhau. Những cư xá, Ryo thầm nghĩ: "Những kẻ sống ở đây mỗi người chắc phải có một chỗ ở của mình. Một cái khăn vắt phơi nơi một cửa sổ. Một người đàn bà đang xếp dọn trong gian phòng.

Ryo chậm rãi rao:

– Ai mua trà không? Trà Shizoka hảo hạng đây, ai mua không?

Không một ai gọi mua, Ryo cất cao giọng thêm lần nữa, lớn hơn.

"Không mua", người đàn bà xẵng giọng đáp, bà ta cất cái chân và đóng mạnh cửa sổ với một cử chỉ thô lỗ.

Ryo đi từ nhà này đến nhà khác để rao mời, nhưng không ai mua. Ryoukichi chạy lúp xúp sau lưng mẹ, lằm bằm van đói và mệt. Vai Ryo đã thâm tím vì cái túi xách nặng trĩu, chốc chốc nàng phải dừng lại để đổi vai. Nhưng nàng đón nhận sự đau đớn thể chất này hầu như với một niềm khuây khỏa.

*

**

Ngày hôm sau, nàng để Ryoukichi ở nhà và đi một mình đến khu thương mại. Khi đến bãi đất trống, nàng thấy có ánh lửa bên trong cái lều gỗ. Nàng hấp tấp đến cửa và bước vào.

Ngồi bên cái lò than của Tsuruishi, một ông già bận đồ ngắn đang đun củi vào lò.

Căn lều đầy khói đang cuồn cuộn tuôn ra cửa sổ.

– Chị muốn gì?

– Tôi muốn mời ông mua trà Shizuoka.

– Trà Shizuoka à? Tôi đã có rồi, thứ hảo hạng. Ryo vội vã bước ra ngay mà không nói thêm gì. Nàng có ý định hỏi địa chỉ người chị của Tsuruishi để đến đốt một nén hương tưởng niệm chàng, nhưng điều đó đối với nàng dường như đột nhiên trở thành vô ích. Nàng lại trở xuống phía sông đang phản chiếu ánh chiều tà và ngồi bên một đồng bê-tông vụn. Cạnh đấy, xác một con mèo nhỏ đang bập bênh trôi. Nàng nghĩ đến Tsuruishi và tự hỏi một cách máy móc rằng, nếu nàng không gặp gỡ chàng thì tốt biết bao... Không, không, chắc chắn không. Nàng không hối tiếc đã biết chàng, cũng không hối tiếc những gì đã qua. Không hối tiếc cả việc nàng đến Tokyo. Thoạt tiên khi mới đến thủ đô, nàng định sẽ trở về quê trong vòng một tháng là sớm, nếu công việc buôn bán không trôi chảy, nhưng bây giờ nàng quyết ở lại Tokyo...phải, ở lại đây, ngay trong khu này, nơi Tsuruishi đã sống.

Nàng đứng dậy, lại mang túi xách trên vai và rời khỏi dòng sông. Trong một con đường hẹp, nàng chú ý đến một ngôi nhà nhỏ, chấp vá bằng những tấm ván cũ. Nàng đến gần cửa và cất tiếng rao:

– Trà không, ai mua trà không?

Cánh cửa mở, một người đàn bà hiện ra giữa khung cửa, phục sức có vẻ nghèo khổ hơn cả Ryo.

Người đàn bà hỏi:

– Bao nhiêu một ký? Thấy Ryo mang cái xách quá nặng nên bà ta tiếp:

– Cô vào trong này nghỉ một lát đã. Để tôi đi xem lại thử còn được bao nhiêu tiền. Có lẽ đủ để mua trà cho cô.

Ryo bước vào và để cái túi xách xuống. Trong gian phòng nhỏ, bốn cô gái ngồi quanh cái lò sưởi, đang may áo đầm và tất. Họ cũng như ta, Ryo thầm nghĩ trong khi nhìn những cây kim của họ lẹ làng xuyên qua làn vải. Bỗng nhiên nàng cảm thấy phấn khởi lạ lùng.

CON NGỰA TRẮNG

William Saroya – Trữ Vũ dịch

Vào thời hoa mộng ấy, lúc tôi mới chín tuổi và là lúc cõi đời còn chưa dựng thoi thì đủ thứ chuyện kỳ diệu mà trí người có thể tưởng tượng ra, lúc cuộc sống hãy còn là một giấc mơ thú vị ảo huyền, một buổi sáng từng bừng kia, Mourad, anh họ tôi, người mà ai nấy đều cho là điên cả trừ tôi ra, đã đến gõ vào cửa kính phòng tôi để đánh thức tôi dậy.

– Aram ơi! – Anh gọi.

Tôi nhảy xuống giường và nhìn ra cửa sổ.

Tôi không thể nào tin ở mắt tôi.

Trời chưa sáng hẳn, song lúc này là vào mùa hạ và, với ánh bình minh sắp hiện ra để soi sáng trần gian, kể ra thì cũng đã đủ ánh sáng để tôi hiểu rằng không phải là tôi đang nằm mộng.

Anh Mourad của tôi đang ngồi chễm chệ trên một con ngựa trắng tuyệt trần.

Tôi chồm lên cửa sổ và dụi mắt.

Anh Mourad nói bằng tiếng Arménie:

– Con ngựa thật đấy. Mà không mơ đâu. Mau ra đây, nếu mà muốn cưỡi ngựa.

Tôi vẫn biết rằng anh Mourad cũng là người biết yêu đời như bất cứ ai trong số những kẻ đã sinh lầm xuống thế gian này, song việc này thì thực là vượt quá tính dễ tin của tôi.

Trước hết là vì những kỷ niệm xưa cũ nhất của tôi chính là những kỷ niệm về ngựa và những ham muốn đầu tiên của tôi chính là ham muốn cưỡi ngựa.

Chính đây là điều kỳ diệu của câu chuyện.

Sau nữa là vì chúng tôi đều nghèo.

Và vì thế mà tôi không thể tin được điều tôi thấy.

Chúng tôi nghèo. Chúng tôi không có tiền. Tất cả gia tộc của tôi đều khốn đốn. Mỗi chi nhánh của giòng họ Garoghlanian đều sống trong một sự cơ cực kỳ dị và khô hài nhất trần gian. Không một ai, ngay cả người già cả trong gia tộc, lại có thể đi đến chỗ hiểu được rằng chúng tôi đã đào ở đâu ra tiền cho những bữa ăn mà chúng tôi nhét vào dạ dày. Và điều này quan trọng nhất là tất cả chúng tôi đều nổi danh về sự thật thà từ gần mười một thế kỷ nay, ngay cả trong lúc chúng tôi là gia đình giàu có nhất trong cái nơi mà chúng tôi thường gọi là thế gian. Trước nhất, chúng tôi tự hào; thứ nữa, chúng tôi thật thà; và cuối cùng, chúng tôi có một ý niệm rất rõ rệt về điều thiện và điều ác. Không một ai trong gia tộc chúng tôi có ý muốn lợi dụng về bất cứ cái gì và nhứt là trộm cắp thì lại càng không nữa.

Vậy, dù mắt tôi có thể nhìn thấy con ngựa, thật lộng lẫy; dù mũi tôi có thể ngửi thấy mùi lông ngựa thật thơm tho; dù tai tôi có thể nghe thấy tiếng ngựa thở thật hấp dẫn, tôi vẫn không thể nào tin rằng con ngựa này lại có thể đánh đập gì với anh Mourad, với tôi hay bất cứ ai trong gia tộc, dù là trong mộng tưởng hay ngoài thực tế; bởi vì tôi biết rằng anh Mourad mua nổi con ngựa, và nếu anh đã không thể không thể mua nổi con ngựa, thì hẳn rằng anh phải ăn cắp, mà tôi thì tôi không thể tin được rằng anh đã ăn cắp.

Không có một phần tử nào của giòng họ Garoghlanian này mà lại ăn cắp bao giờ.

Tôi nhìn thẳng người anh họ tôi, rồi đến con ngựa. Cả hai đều có thái độ bình tĩnh nghiêm trang, song đượm đầy vẻ hài hước, làm cho tôi vừa mừng vừa sợ.

Sau cùng tôi nói:

– Anh Mourad, anh ăn cắp con ngựa ở đâu đó?

Anh đáp:

– Nhảy ra cửa sổ đi, nếu mày muốn cưỡi ngựa đi dạo một vòng.

Thế ra là thật. Anh đã ăn cắp con ngựa. Không còn nghi ngờ gì nữa. Anh đến để cho tôi chọn hoặc là cưỡi ngựa hoặc là không; và chính tôi phải quyết định lấy.

Tôi nghĩ: Ủ, thì đúng là thế. Nhưng ăn trộm một con ngựa để đi dạo không phải giống như ăn trộm những thứ khác, chẳng hạn như là tiền bạc. Theo điều tôi biết thì đó có lẽ không phải là ăn trộm ăn cắp chi cả. Khi người ta say mê ngựa như tôi và anh Mourad thì đó không phải là ăn trộm. Việc này chỉ trở thành ăn trộm khi nào chúng tôi đem bán con ngựa để lấy tiền, nhưng mà đời nào chúng tôi lại làm thế.

Tôi bảo anh:

– Đợi em mặc quần áo đã.

– Ủ, anh đáp. Nhưng mà mau lên đi. – Tôi hấp tấp mặc quần áo. Xong, tôi nhảy qua cửa sổ, chạy ra sân và phóng ngay lên mông ngựa, đằng sau anh Mourad.

Năm ấy, nhà chúng tôi ở nơi rìa thành phố, trên đại lộ Walnut. Ngay đằng sau lưng nhà đã là đồng quê, với những ruộng nhỏ, vườn cây trái, những nương dẫn thủy và những con đường làng. Chưa đầy ba phút, chúng tôi đã đến đại lộ Olive, và bây giờ con ngựa khởi sự đi nước kiệu. Không khí buổi mai trong lành, thở thật khoan khoái. Cảm giác ngồi trên lưng ngựa đi nước kiệu thực thú vị. Và, anh Mourad mà chúng tôi đều cho là một trong những người điên nhất của giòng họ, bèn cất tiếng hát. Tôi muốn nói là anh rống lên.

Trong giòng họ tôi, đâu đó, có một mạch điên và bây giờ anh Mourad được xem như là kẻ kế thừa tự nhiên của cái mạch điên chảy xuyên qua bộ tộc chúng tôi. Trước anh, đã có chú Khosrove, một tay đại quái với một mái tóc đen rậm tốt và bộ râu mép vĩ đại nhất thung lũng San – Joaquin; một người tính tình nóng nảy, cáu bẳn, có những cơn giận thật điên cuồng, thường hay chặn ngang câu chuyện của bất cứ ai mà găm lên rằng: "Chuyện đó chẳng quan trọng quái gì cả: ông bạn đừng lo ngại".

Và thế là hết. Chẳng quan trọng chút nào cả, những gì người ta nói với chú. Một lần, chính thằng Arak con của chú đã ba chân bốn cẳng chạy qua tám con đường để đến báo tin cho chú, nơi tiệm bác thợ cạo mà chú Khosrove đến cạo râu mép, rằng nhà chú đang bị cháy. Tức thì, lão đại quái Khosrove liền ngồi nhồm lên khỏi lưng ghế dựa và gầm lên rằng: "Chuyện ấy chẳng quan trọng quái gì cả: mày đừng lo ngại." và bác thợ cạo nói với chú: "Nhưng thằng con bác nó đang nói rằng nhà bác bị cháy kia mà". Và chú Khosrove lại gầm lên: "Thôi đủ rồi, tôi cho bác hay rằng chẳng có gì đáng ngại cả".

Người ta xem anh Mourad như là đứa con tự nhiên của chú Khosrove, mặc dầu thực ra thì anh Mourad là con của ông Zorab, một người cha thực tế và chỉ có vậy. Nhưng ở trong bộ tộc tôi là như thế đấy: Một người có thể là cha phần xác của con hăn, nhưng điều ấy không có nghĩa rằng hăn cũng là cha phần hồn. Từ khởi thủy, trong bộ tộc chúng tôi, sự sắp đặt về tính chất và tinh thần của chúng tôi đã thất thường và bất định.

Chúng tôi cưỡi ngựa và anh Mourad cất tiếng hát. Người ta có thể tưởng là chúng tôi đang còn sống ở nơi xứ sở của ông bà tổ tiên chúng tôi, nơi mà, theo một vài người láng giềng, đáng lẽ chúng tôi phải ở lại đấy.

Cuối cùng, anh Mourad bảo tôi:

- Mày xuống đi. Tao muốn cưỡi một mình. Tôi hỏi anh:
- Thế chốc nữa anh có cho em cưỡi một mình không?
- Chuyện ấy còn tùy con ngựa. Xuống đi.
- Ngựa sẽ chịu cho em cưỡi mà, – tôi nói.
- Để xem. Mày đừng quên là tao có cách riêng của tao để ăn chịu với ngựa nhé!

Tôi quả quyết:

- Nếu anh có cách riêng để ăn chịu với ngựa, thì em cũng có nữa.
- Ừ, tao mong thế. Nhưng thôi xuống đi.

Tôi nhảy xuống đất và anh Mourad liền thúc gót giầy vào hông ngựa và hô: "Vazire" tức có nghĩa là: "chạy". Con ngựa tung vó trước, cất tiếng hí và lồng lên chạy với một tốc lực điên cuồng, thật tôi chưa bao giờ thấy một cảnh nào đẹp hơn thế! Anh Mourad cho ngựa phi qua một cánh đồng cỏ khô, đến tận một mương dẫn thủy mà ngựa tung mình phóng qua. Năm phút sau, anh trở lại, mồ hôi đầm đìa.

Mặt trời đã mọc.

Tôi nói:

– Bây giờ đến phiên em cưỡi một mình. Anh Mourad nhảy xuống ngựa và nói:

– Lên ngựa đi.

Tôi nhảy lên lưng ngựa và, trong một khoảnh khắc, tôi hiểu ra cái sợ khốc liệt nhất mà người ta có thể tưởng tượng – Con ngựa không nhúc nhích.

Anh Mourad bảo:

- Hãy thúc gót vào hông nó. Kìa, còn đợi gì nữa. Mình cần phải dẫn ngựa về trước khi thiên hạ ngủ dậy và đi ra đường.

Tôi thúc mạnh gót vào hông ngựa. Một lần nữa con ngựa tung vó trước và cất tiếng hí. Đoạn nó vùng lên chạy. Tôi luống cuống trên yên chẳng biết làm thế nào. Trong khi đáng lẽ phải xuyên qua cánh đồng đến mương dẫn thủy, con ngựa lại phi xuống đường đến những ruộng nho của xóm Dikran Halabian và tung vó nhảy qua những mương nhỏ. Con ngựa nhảy như vậy qua bảy mương nhỏ trước khi hất nhào tôi xuống đất. Và sau đó nó phi thẳng luôn.

Anh Mourad chạy đến và hét lên:

– Tao không sợ cho mày, nhưng mà sợ cho con ngựa. Làm sao mình cũng phải tìm cho ra nó. Bây giờ mày hãy đi về phía kia, còn tao thì phía này. Nếu tìm gặp ngựa, mày đừng có xử cộc với nó. Tao sẽ trở lại ngay lập tức.

Tôi tiếp tục rảo bước theo đường cái, còn anh Mourad thì xuyên qua cánh đồng đến nương dẫn thủy.

Phải mất đến nửa giờ đồng hồ anh mới tìm được ngựa và dẫn trở lại.

Anh nói:

– Được rồi. Mà hãy nhảy lên đi. Bây giờ mọi người đã thức dậy cả rồi.

– Mình làm gì bây giờ?

– Ờ, một là mình dẫn ngựa về chuồng hoặc là mình đem giấu nó cho đến sáng mai.

Anh không có vẻ lo phiền gì, và tôi hiểu rằng anh sẽ giấu ngựa đi chứ không dẫn nó về chuồng. Ít ra cũng trong lúc này.

– Mình dấu nó ở đâu?

– Tao không biết dấu ở đâu.

– Anh ăn trộm con ngựa này thế là đã bao lâu rồi?

Tôi vừa hiểu ra rằng anh Mourad đã khởi sự cưỡi ngựa đi dạo mỗi buổi sáng từ ít lâu nay rồi, và anh chỉ mới đến tìm tôi sáng nay là vì anh biết tôi rất thèm cưỡi ngựa.

Anh Mourad cãi:

– Ai bảo con ngựa này đã bị trộm bao giờ đấy?

Tôi đáp:

– Dù sao thì anh cũng bắt đầu cưỡi ngựa mỗi buổi sáng từ bao lâu rồi?

– Sáng nay là lần đầu tiên.

– Anh nói thật đấy chứ?

– Tất nhiên là không. Nhưng nếu lỡ chúng ta bị bắt gặp thì mà phải trả lời như thế đấy. Tao không muốn cả hai đứa mình đều là những thằng nói dối. Vậy thì mà chỉ biết một điều, đó là hai anh em mình mới cưỡi ngựa sáng nay là lần đầu tiên.

Tôi nói:

– Được rồi.

Anh Mourad bình thản dẫn con ngựa đến một vựa lúa nằm trong một vườn nho bỏ hoang mà trước kia đã là mỗi hãnh diện của một tá điền tên là Fetvadjian. Ở đấy có lúa mạch và cây linh lăng.

Đoạn chúng tôi đi bộ trở về nhà.

Anh Mourad nói:

– Tập cho con ngựa thuần tính, biết vâng lời không phải là dễ đâu. Trong những ngày đầu ngựa chỉ muốn lồng lên, nhưng mà, như tao đã nói với mày, tao biết xoay xử với ngựa. Tao biết cách làm cho nó phải tuân theo lời tao. Ngựa nó hiểu tao, mày ạ.

Tôi hỏi:

- Anh làm thế nào mà được vậy?
- Anh ăn ý với ngựa.
- Ủ, nhưng mà ăn ý với ngựa là làm sao?
- Đó là một chuyện rất giản dị và ngay thẳng.
- Em cũng muốn ăn ý với một con ngựa lắm.
- Nhưng mà em đang còn là trẻ nít. Chừng nào em mười ba tuổi em sẽ biết rõ.

Tôi trở về nhà và ăn bữa cơm sáng rất ngon miệng.

Xế trưa hôm ấy, chú Khosrove đến nhà chúng tôi để uống cà phê và hút thuốc. Chú ngồi nơi phòng khách, vừa thong thả uống cà phê, hút thuốc, vừa nhớ đến quê hương. Rồi lại có thêm, một người khách đến chơi, bác chủ trại John Byro, một người Assyrie đã cảm thấy quá cô độc ở giữa chúng tôi đến nỗi cuối cùng bác đành phải học tiếng Arménie vậy.

Mẹ tôi dọn cà phê và thuốc lá mời bác. Sau khi uống xong một tách cà phê và hút xong một điếu thuốc, bác thở dài buồn bã và nói:

– Con ngựa trắng của tôi mà người ta đã đánh cắp tháng trước, vẫn chưa thấy trở về lại. Tôi không hiểu ra làm sao cả.

Chú Khosrove tôi lập tức nổi giận và hét lên:

– Anh đừng có ngại. Không có chuyện gì nguy hại cả. Mất con ngựa mà nghĩa lý gì? Chúng ta há chẳng đã mất cả tổ quốc rồi đó sao? Tại sao cứ rối lên vì chuyện một con ngựa?

Bác John Byro đáp:

– Tại anh ở thành phố nên anh mới nói thế. Nhưng còn tôi, tôi biết xoay trở làm sao với chiếc xe ngựa của tôi đây? Không có ngựa thì xe còn được tích sự gì?

Chú Khosrove hăm hừ:

– Anh đừng có quay quắt lên thế.

Bác John Byro cãi:

– Nhưng mà tôi phải đi bộ đến mười hai cây số từ nhà đến đây!

Chú Khosrove vẫn hét:

– Thì anh có chân mà.

Bác John Byro đáp:

– Tôi bị đau chân trái.

Chú Khosrove rống lên:

– Đừng có để ý đến nó.

Bác chủ trại Assyrie nói:

– Nhưng mà con ngựa ấy tôi mua những sáu mươi đồng.

– Tiền bạc, tôi chẳng coi ra quái gì cả. Chú Khosrove kết luận và đứng dậy đi ra cửa rồi khép mạnh lại.

Mẹ tôi có ý muốn giải thích:

– Chú ấy tốt bụng lắm. Nhưng chỉ có điều là chú ấy có tâm sự buồn nhớ quê hương, và chú ấy thật to lớn, mạnh bạo.

Một lúc sau khi bác chủ trại cáo từ, tôi vội chạy đến nhà anh Mourad.

Tôi gặp anh ngồi dưới một gốc cây đào. Anh đang tìm cách chữa cho con chim cổ đỏ bị thương nơi cánh. Và anh nói chuyện với chim. Anh hỏi tôi:

– Có chuyện gì thế?

– Bác John Byro vừa đến thăm nhà em. Bác muốn tìm được con ngựa của bác. Anh đã có con ngựa từ một tháng nay, và em muốn anh hứa với em là anh chỉ trả lại ngựa chừng nào em tập cưỡi được đã.

– Mà thì ít ra cũng phải tập một năm mới cưỡi được ngựa.

Tôi ướm lời bảo:

– Mình có thể giữ con ngựa trong một năm. Anh Muorad vội vàng đứng thẳng lên:

– Sao? Mà đang khuyến dụ một người trong dòng họ Garoghlanian ăn trộm đấy hử? Con ngựa ấy phải được trả lại cho người chủ thực của nó.

Tôi hỏi anh:

– Nhưng chừng nào thì trả?

– Trễ nhất là sáu tháng nữa.

Anh tung con chim lên không. Con chim rúng sức vỗ cánh, ban đầu dợm rơi xuống đất hai lần, song cuối cùng thì bay thẳng lên cao, tận trời xanh.

Sáng nào cũng thế, trong suốt hai tuần lễ, vào lúc trời từng bừng, anh Mourad và tôi lần đến vừa lúa trồng trong khu vườn hoang dẫn ngựa ra, và chúng tôi bắt đầu cưỡi ngựa đi dạo. Và sáng nào cũng thế, hễ đến phiên tôi cưỡi một mình là con ngựa cảm đầu cảm cổ nhảy qua những mương nước nhỏ, hất tôi xuống đất và lồng chạy. Tuy thế, tôi vẫn hy vọng rằng cuối cùng thế nào tôi cũng sẽ cưỡi được giỏi như anh Mourad.

Một buổi sáng, trong lúc chúng tôi cưỡi ngựa đi đến vườn nho hoang của bác Fetvadijian, thì chúng tôi đụng đầu bác chủ trại John Byro đang đi lên phố.

Anh Mourad bảo tôi:

– Mà để mặc tao nói. Tao biết cách ăn ý với mấy người chủ trại.

Và anh cất to tiếng:

– Chào Bác John Byro.

Bác chủ trại chăm chú nhìn con ngựa và đáp:

– Chào hai cháu. Con ngựa của hai cháu tên là gì? Mourad đáp bằng tiếng Arménie:

– Dạ tên là "Lòng tôi".

Bác John Byro nói:

– Con ngựa đẹp mà cái tên cũng đẹp. Mà nó giống con ngựa của bác đã bị đánh cắp cách đây một tháng lận. Đâu, hai cháu cho bác nhìn mồm nó xem.

Mourad gật đầu:

– Bác nhìn đi. Bác chủ trại xem đi xét lại mồm con ngựa. Rồi bác kết luận:

– Đúng từng cái răng một. Nếu bác không quen biết gia đình hai cháu, thì bác có thể nghĩ rằng đích thực là con ngựa của bác. Nhưng gia đình các cháu vốn nổi tiếng là thật thà. Tuy nhiên, con ngựa là anh em sinh đôi của con ngựa bác. Ở vào địa vị bác, một người đa nghi sẽ tin ở mắt hăn hơn là ở lòng hăn. Thôi chào hai cháu nhé.

Mourad đáp:

– Dạ chào bác.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi dẫn con ngựa trở về chuồng cũ của nó trong vườn bác John Byro. Đàn chó theo sau chúng tôi, không sủa cắn gì cả.

Tôi thì thầm nói với anh:

– Em cứ tưởng mấy con chó sẽ sủa kia chứ!

– Nếu là một người khác thì chúng sẽ sủa. Nhưng tao thì tao biết cách ăn ý với chó lắm.

Mourad vòng hai tay ôm lấy cổ ngựa, áp mũi anh vào mũi ngựa và vỗ về nó trước khi lui về.

Và xế trưa chính ngày hôm đó, Bác John Byro đến nhà chúng tôi bằng xe ngựa của bác và chỉ cho mẹ tôi thấy con ngựa mà người ta đã đánh cắp rồi lại dẫn trở về chuồng.

Bác nói:

– Thật tôi không biết nghĩ ra làm sao cả. Con ngựa bây giờ lại khỏe hơn và ngoan hơn bao giờ hết, cảm ơn chúa!

Chú Khosrove, lúc ấy đang ngồi trong phòng khách, bèn ùng ùng nổi giận:

– Thôi im đi. Con ngựa của anh đã được trả lại rồi. Anh đừng có lo ngại gì cả.

LÊN ĐỈNH HOA SƠN

Nakashima Ton – Văn Hòa dịch

Lời người dịch: *Câu chuyện sau đây được giải thích bởi triết lý Lão giáo. Trong những ngày sống ẩn dật trên núi, Chi Ch'ang đã đạt được cái năng lực tối thượng mà theo các tín đồ Lão giáo, có thể lay chuyển trời đất. (Ông đạt được năng lực huyền diệu trên mọi vật nhờ sự nhập định và linh cảm).*

Nghệ thuật, dưới mọi khía cạnh, đóng một vai trò quan trọng trong triết lý của Lão giáo. Chính giáo sư Waley đã đề cập tới trong quyển "The Way and its Power" như sau:

"Những người theo đạo Lão xem ý chí phát minh của nghệ thuật gia và của người thợ là do nguyên tắc tổng quát của Lão giáo chi phối. Người thợ mộc, anh hàng thịt, viên xạ thủ, người bơi lội, đạt được sự khéo léo trong nghề chuyên môn của họ không phải là nhờ họ học hỏi hoặc nhờ vận động tay chân, mà là do một mối liên quan căn bản hiện hữu dưới mọi hình thái khác nhau của muôn vật, mối liên quan này đồng hóa nguyên tắc nội tại của họ với nguyên tắc nội tại của môi trường mà họ đang sống".

Ai đạt được năng lực tối thượng thì người đó không còn sợ bất cứ nguy hiểm nào.

Câu trả lời của ông Chi Ch'ang: "Trình độ cao nhất của hoạt động chính là bất động".

Và sau đây là quan điểm của Tao-Tê-Ching:

"Người nào chiếm hữu được năng lực tuyệt đỉnh thì không tỏ ra là vô địch về sức mạnh đối với mọi người. Người ấy bảo tồn năng lực".

"Người nào chỉ chiếm hữu một năng lực giới hạn thì không thể nào kìm hãm được mà không biểu lộ ra bên ngoài. Vậy, ta có thể nói rằng người ấy không có năng lực gì cả".

"Ai đạt được năng lực tối thượng thì không hoạt động".

"Trái lại, ai chỉ chiếm hữu được năng lực giới hạn thì hoạt động".

*

**

Ngày xưa tại Hàm-Tân, thủ đô nhà Châu nước Trung Hoa, có một thanh niên tên là Chi-Ch'ang, muốn chiếm hàng đầu trong những xạ thủ tài ba nhất thế giới.

Sau nhiều tìm kiếm, cuối cùng chàng khám phá ra rằng, vị thầy tài ba nhất của nghệ thuật bắn cung là Wei Fei. Người ta nói, ông có cái biệt tài nhìn vật nhỏ hóa ra lớn, đến nỗi đứng xa trăm thước, có thể bắn hết túi tên xuyên ngang qua chỉ một ngọn lá liễu.

Thế là Chi-Ch'ang tìm đến cái thành xa xôi nơi Wei Fei ở để thọ giáo.

Trước hết, Wei Fei bảo chàng luyện tập đôi mắt, Chi-Ch'ang về nhà, và ngay khi băng qua ngưỡng cửa vào nhà, chàng liền bò xuống nằm dưới khung cửa của vợ chàng. Chàng tập nhìn không nháy mắt, cái bàn đạp chuyển động cách mặt chàng chỉ mấy ly.

Vợ chàng không biết gì, nhìn chàng trong cái dáng điệu ấy và bảo rằng nàng sẽ không làm việc được trước mặt một người đàn ông đang nằm ở một chỗ như vậy, ngay cả người ấy là chồng nàng.

Nhưng rồi nàng cũng phải nhượng bộ và tiếp tục đạp khung cửa.

Ngày này sang ngày khác, Chi-Ch'ang nằm dài dưới khung cửa và luyện tập đôi mắt. Hai năm đầu, chàng thành công trong việc giữ yên mi mắt bất động ngay cả khi cái bàn đạp khung cửa chạm vào một trong hai hàng lông nheo của mình.

Lần cuối cùng, khi ra khỏi chỗ nằm luyện tập hàng ngày, chàng nhận thấy cái kỷ luật nghiêm khắc mà chàng phải chịu đựng bấy lâu đã mang lại cho chàng nhiều kết quả tốt. Một cú đấm như trời giáng trên mi mắt, một tia lửa bắn vào, một đám bụi cuồn cuộn tung lên trước mặt, không gì có thể làm cho đôi mắt chàng nheo lại. Chàng đã luyện cho các bắp thịt nơi mi

mắt tuyệt đối bất động, đến nỗi hai mắt chàng vẫn cứ mở lớn ngay cả lúc đang ngủ. Một hôm, trong khi chàng đang ngồi nhìn chăm chăm vào khoảng không, một con nhện đến chằng tơ lên hai hàng mi. Chàng ước đoán từ nay có thể tái kiến thầy.

Khi Chi-Ch'ang tường trình những gì chàng đã tập luyện, ông Wei Fei nói: "Luyện được đôi mắt không nháy chỉ là mới bắt đầu. Bây giờ phải học cách trông nhìn. Con hãy tập nhìn các đồ vật cho đến khi nào đạt đến mức thấy được các vật li ti, hoặc nhìn các vật nhỏ thành lớn, bấy giờ hãy trở lại tìm ta"

Chi-Ch'ang lại trở về nhà. Lần này chàng ra vườn tìm một con bọ. Khi chàng kiếm được một con bọ thật nhỏ, nhỏ đến nỗi phải hết sức chú ý mới nhìn thấy, chàng liền đặt nó lên trên một mâm cỏ buộc kỹ ở cửa sổ phòng ngủ. Chàng đến ngồi ở cuối phòng và ngày này sang ngày khác chiêm ngắm con bọ. Ban đầu chàng không thể phân biệt được nó, nhưng sau một tuần lễ, chàng cảm thấy con bọ như lớn hơn. Cuối tháng thứ ba, dường như con bọ đã lớn bằng con tằm, và Chi-Ch'ang bắt đầu phân biệt được rõ ràng các chi tiết trên mình nó.

Trong suốt thời gian này, Chi-Ch'ang không buồn lưu ý đến thời tiết đổi thay: Ánh mặt trời tươi sáng của mùa xuân biến mất, nhường bước cho những tia nắng gay gắt của mùa hè. Thế rồi mùa thu tới với đàn thiên nga bay lượn trên nền trời xanh trong vắt. Và chẳng bao lâu sau, mùa đông lù lù kéo đến với sương mù cùng mưa phùn ẩm đậm. Với Chi-Ch'ang, chàng chỉ biết có sự hiện diện của con vật trên ngọn cỏ. Nếu nó có chết đi, tên tiêu đồng liền kiếm một con khác cũng nhỏ như vậy để thay vào.

Chi-Ch'ang thật sự bất động trong phòng suốt ba năm trời. Một hôm chàng cảm thấy con bọ đặt bên cửa sổ lớn bằng con ngựa.

"Được rồi!" chàng vỗ đùi reo lên và hấp tấp bước ra ngoài. Chàng không dám tin vào mắt mình. Những con ngựa đối với chàng hình như lớn bằng những ngọn núi, những con heo như những ngọn đồi, và những con gà mái lớn bằng những tháp chuông.

Run lên vì sung sướng, chàng hấp tấp chạy về nhà lấy một mũi tên mỏng, lắp vào cung và ngắm bắn trúng con bọ, chính xác đến nỗi ngay cả không làm xước mồm cỏ chút nào.

Chàng liền đi gặp Ông Wei Fei. Lần này, ông thầy sửng sốt nói:

"Tuyệt!".

Chi-Ch'ang đã lao mình vào việc tập luyện, bây giờ chàng nhận thấy rằng sự thao dượt nghiêm nhặt không phải là vô ích. Để được chắc chắn, trước khi trở về nhà, chàng tưởng tượng ra một số thử thách rất khó khăn.

Trước hết, chàng nhất quyết đạt cho được cái thành tích hiện tại của Wei Fei, và cách xa một trăm thước, chàng đã thành công trong việc bắn sạch túi tên của chàng xuyên qua một ngọn lá liễu. Vài ngày sau, chàng dượt lại lối bắn ấy, nhưng lần này chàng dùng loại cung lớn hơn và để giữ thẳng bằng cánh tay mặt, bên trên cùi chỏ đặt một ly nước đầy. Không một giọt nước nào tràn ra ngoài và không một mũi tên nào trật mục tiêu.

Tuần kế tiếp, chàng lấy một trăm mũi tên nhẹ và bắn từng phát một vào tấm bia đặt khá xa. Mũi tên thứ nhất trúng điểm đen, mũi thứ hai cắm vào đuôi mũi thứ nhất, mũi thứ ba và mũi thứ tư cứ thế mà tiếp tục trong nháy mắt, chính xác đến nỗi một trăm mũi tên lập thành một đường thẳng bằng ngay chính giữa điểm đen mục tiêu. Ngay khi chấm dứt, một dây tên dài dính đuôi nhau rung rung trong không khí mà không rơi cái nào. Thấy thế, ngay cả ông Wei Fei, thầy của chàng, người chứng kiến cuộc biểu diễn đã không dẫn được lời tán thưởng. Ông kêu lên: "Tuyệt! Tuyệt hảo!".

Hai tháng sau, khi Chi-Ch'ang trở về nhà, chàng liền bị vợ chàng xỉ vả vì đã bỏ bê nàng quá lâu ngày. Để làm nàng câm miệng, chàng với một cử chỉ nhanh nhẹn, trương cung bắn một phát ngay dưới con mắt nàng. Mũi tên cắt đứt ba lông nheo, nhưng nó đã được bắn đi với một sức mạnh và chính xác đến nỗi ngay cả vợ chàng cũng không nhận ra, cứ tiếp tục nhe răng mà không nháy mắt.

Chi-Ch'ang không còn gì để học với ông Wei Fei nữa. Chàng đã đạt được đến cái đích mà chàng mong ước. Nhưng bây giờ hình như chính Wei

Fei lại là cái trở ngại đã làm cho chàng khó chịu.

Bao lâu ông thầy còn sống, chàng không có thể cho mình là tay xạ thủ số một được. Nếu chàng ngang tài với Wei Fei chẳng nữa, chàng biết chàng không bao giờ có thể hơn ông. Con người ấy tiêu biểu một sự đỉnh chính sống động cho cái cao vọng của chàng ở địa vị tối thượng.

Một hôm, đang khi đi dạo ngang qua một cánh đồng, Chi-Ch'ang thoáng thấy bóng dáng Wei Fei từ đằng xa. Không một chút do dự, chàng giương cung và buông tên. Tuy nhiên, ông thầy già của chàng linh cảm điều gì đang xảy ra, nên cũng đã giương cung nhanh như chớp. Hai người buông tên cùng một lượt. Hai mũi tên của họ đã gặp nhau giữa đường và rơi xuống đất. Chi Ch'ang bắn ngay mũi tên thứ hai, mũi tên này cũng bị gãy ngay giữa đường vì một mũi tên khác bởi cây cung "bất khả ngộ" của Wei Fei.

Cuộc đấu ấy tiếp tục mãi cho đến khi ống tên của ông thầy đã hết sạch, nhưng người học trò còn lại một mũi.

Chi Ch'ang rút mũi tên, lầm bầm: "Ta gặp may rồi!"

Ông Wei Fei vội bẻ một cọng cây trong một bụi sơn trà cạnh đấy. Mũi tên vừa bay vừa rít lên trong không khí, chạm mạnh vào cọng cây sơn trà và rơi xuống đất.

Nhận thấy mưu toan hiểm độc của mình bất thành, đột nhiên Chi Ch'ang cảm thấy lòng mình ngập tràn hối hận. Và chàng càng hối hận hơn nếu một trong những mũi tên của chàng đã trúng đích.

Phần Wei Fei, ông cảm thấy an ủi vì đã tránh được một hiểm họa như vậy, và ông còn cảm thấy thỏa lòng hơn khi ông khám phá ra rằng ông không may may cắm giận tên sát nhân tuyệt thủ. Đó chính là cái năng tính mới của ông. Hai người vội vàng ôm lấy nhau, tay trong tay một cách hết sức chân thành, nước mắt rưng rưng. Những phong tục và thái độ của người xưa lạ lùng thật! Thời đại bây giờ không thể tưởng tượng được! Lòng dạ con người đã đổi thay quá nhiều sau bao thế kỷ. Nếu không, làm sao có thể giải thích được việc tên đầu bếp của Hoàng cung tên là I Ya đã

nấu thịt đưa con trai của mình để dâng lên cho Hoàng tử Huân dùng, khi ông này muốn ăn một món ăn ngon lạ? Hoặc việc một chàng thanh niên Thái tử mới mười lăm tuổi đầu mà không một chút ngần ngại chần gỗi ba lần với người ái thiếp mỹ miều của Vua cha ngay cái đêm sau khi ông già nhắm mắt).

Ngay khi cầm tay tha thứ cho đứa học trò đáng sợ, Wei Fei không quên rằng mạng sống mình từ nay bị đe dọa. Để tránh khỏi cái hiểm họa thường trực này, ông chỉ có một cách là hướng tâm trí Chi Ch'ang đến một mục đích khác.

Khi hai người buông tay nhau, Wei Fei nói:

– Đệ tử! Hãn con cũng nhận thấy rằng, ta đã truyền cho con tất cả kiến thức của ta về môn xạ tiễn. Nếu con còn muốn theo đuổi nghệ thuật này một cách sâu xa hơn nữa, con hãy vượt qua ngọn đèo Ta Hsing trong vùng Thiểm Tây và lên tới đỉnh ngọn Hoa Sơn. Con sẽ gặp ở đó một vị tôn sư tên là Kan-Ying, người mà chưa có và sẽ không bao giờ có ai bằng ông về môn xạ tiễn. So với tài nghệ của ông, sự khéo léo của chúng ta dường như chỉ là những vụng về ấu trĩ. Thầy Kan-Ying là người độc nhất trên đời bây giờ có thể dạy cho con một cái gì mới mẻ. Con nên đến đây, và nếu thầy còn sống thì thụ giáo với người.

Chi-Ch'ang hướng phương Tây trực chỉ. Được biết tài nghệ mình chẳng khác nào trò trẻ con, tự ái của chàng bị tổn thương và chàng sợ khám phá ra rằng phải còn lâu mới đoạt được quyền bá chủ. Chàng muốn trèo nhanh lên đỉnh núi Hoa Sơn để được so tài với vị tôn sư già ở đây.

Chàng đã vượt khỏi ngọn đồi Ta-Hsing và trèo lên những bờ dốc thẳng đứng. Chẳng bao lâu đôi giày chàng rách tả tơi, hai chân trầy trụa đẫm máu. Không có gì có thể hãm bớt lòng hăng hái của chàng. Chàng đương đầu với những sườn núi thẳng băng, chóng mặt, và vượt qua những cầu khi cheo leo nằm trên những vực thẳm đến rợn người.

Một tháng sau chàng lên đến đỉnh núi và hăng hái phóng mình vào một sơn động, nơi cụ Kan-Ying đang ở. Chàng đối diện với một ông già có đôi

mắt hiền như cừ non. Ông cụ già hết sức! Thật, Chi-Ch'ang chưa bao giờ thấy người nào già như vậy: Lưng cụ cong gập lại và khi đi, tóc bạc kéo lê thê trên mặt đất.

Cho rằng một ông lão đã già như thế chắc sẽ điếc, Chi-Ch'ang nói lớn:

– Tôi đến xem thử tôi có đủ tài năng làm xạ thủ như tôi đã tưởng hay không!

Không đợi cụ Kan-Ying trả lời, chàng xuôi vai hạ cây cung xuống, đặt một mũi tên và nhắm bắn một đàn hậu điều đang bay ngang rất cao trên đầu, giữa bầu trời xanh biếc. Năm con chim liền rơi xuống.

Với một vẻ khoan dung, ông cụ mỉm cười:

– Nhưng đây chỉ là bắn cung với tên. Vậy cậu không còn muốn học cách đạt đến mục đích mà không cần đến các thứ ấy sao? Hãy theo tôi...

Thẹn thùng vì cái kết quả ít ỏi đã thu hoạch được trước người ẩn sĩ già đáng kính, Chi-Ch'ang lẳng lặng theo ông cụ đến bờ một vực sâu cách sơn động chừng vài trăm bước. Trông qua, chàng nhận thấy mình đang đứng trên một vách đá nổi tiếng, cao chừng ba nghìn sải mà xưa kia Chang-Tsai đã từng nói đến trong các chuyện cổ tích của ông ta. Chàng nhận thấy dưới sâu, rất xa, một dòng thác chảy xiết, lượn quanh qua các lèn đá. Chàng cảm thấy choáng váng, phải quay đầu lại.

Trong lúc đó, cụ Kan-Ying nhẹ nhàng phóng bước đứng trên một con đường dốc dựng xiên bên bờ vực, quay lại bảo chàng:

– Bây giờ cậu hãy cho tôi xem tài năng của cậu. Hãy đến đây và cho tôi xem những gì cậu có thể làm được.

Chi-Chi'ang rất kiêu ngạo, không chấp nhận bất cứ thách đố nào. Chàng không do dự đổi chỗ cho ông cụ. Nhưng chàng thật khó có thể đứng vững trên con đường dốc, vì cảm thấy đất dưới chân mình bắt đầu chuyển động. Chi-Ch'ang tỏ vẻ dạn dĩ, trương cung và đặt tên ngắm, nhưng tay chàng run lẩy bẩy. Ngay lúc đó, một hòn sạn lăn xuống rơi vào khoảng không của vực thẳm. Chàng rời mắt nhìn theo hòn sạn và cảm thấy mất thăng bằng, ngã

xoài ra con đường dốc, tay bám chặt lấy một hòn đá. Đôi chân chàng mềm nhũn, toàn thân ướt đẫm mồ hôi.

Ông già bật cười, nắm lấy tay chàng kéo trở lại chỗ đất cứng hơn. Phóng bước đứng trên con đường dốc, ông cụ nói:

– Tôi sẽ cho cậu xem thế nào là chân nghệ thuật bản cung.

Tim Chi-Ch'ang đập mạnh, mặt nhợt nhạt, nhưng chàng vẫn còn khá bình tĩnh để nhận thấy rằng ông cụ không cầm vật gì ở tay cả.

Với một giọng nói lớn và trầm, chàng hỏi:

– Vậy, cung của thầy ở đâu?

– Cung của ta? Ông lão đáp. – Cung của ta? Ông cười, lặp lại. – Bao lâu còn buộc phải nhờ đến cung và tên, thì bấy lâu người xạ thủ vẫn chỉ còn chập chững trong nghệ thuật của mình. Một bậc thầy chẳng cần gì đến những thứ ấy.

Ngay lúc ấy, trên đầu họ có con chim điêu đang lượn quanh. Ẩn sĩ quan sát, và Chi-Ch'ang rời theo nét nhìn của ông cụ. Mãnh cầm bay hết sức cao, đến nỗi đôi mắt tinh luyện của Chi-Ch'ang chỉ có thể thấy nó lớn hơn hạt mè.

Kan-Ying lắp một mũi tên vô hình vào một cây cung tưởng tượng, và trương dây bắn. Chi-Ch'ang cảm nghe tiếng réo không khí; tiếp đến, con chim điêu ngưng vỗ cánh và rơi xuống như một phiến đá.

Chi-Ch'ang sửng sờ. Bây giờ là lần đầu tiên chàng cảm thấy đó chính là cái nghệ thuật mà bấy lâu nay chàng ước mong đạt đến.

Chàng đã sống chín năm trời trong núi với vị ẩn sĩ già. Phương pháp tu luyện ra sao trong thời gian ấy, không ai biết được bao giờ. Năm thứ mười, khi chàng xuống núi, mọi người ngạc nhiên về sự đổi thay nơi chàng. Nét kiêu căng và quả quyết trên khuôn mặt chàng đã biến mất; bây giờ chỉ còn vẻ bình thản thanh tịnh. Ông Wei Fei đến thăm đã phải nói ngay khi gặp chàng:

– Ta thấy con đã trở thành bậc thầy môn xạ tiễn. Ngay ta cũng không đáng cời dây giày cho con nữa.

Dân chúng Hàm-Tân hoan hô Chi-Ch'ang và chờ đợi chàng, người mà họ suy tôn là xạ thủ tài ba nhất của quốc gia, cái võ công mà chàng sẽ không quên hoàn tất. Nhưng Chi-Ch'ang không đáp lại sự trông chờ ấy của họ. Chàng không mấy may sờ đến cung và tên. Chàng đã trở về với hai bàn tay trắng, ngay không có cả cây cung mà chàng đã mang theo khi lên núi. Khi người ta hỏi lý do, chàng chậm rãi đáp:

– Cái mức độ cao nhất của sự hoạt động là bất động. Cái mức độ cao nhất của sự hùng biện là sự câm lặng. Sự thành đạt hoàn hảo nghệ thuật bắn cung là dừng bắn.

Các thức giả trong thành Hàm-Tân hiểu ngay điều mà chàng muốn nói, và cảm thấy kính trọng một cách sâu xa bậc thầy môn xạ tiễn, người đã từ chối không sờ đến cung tên. Ngay chính sự từ chối này đã làm cho chàng càng nổi danh hơn.

Dư luận xôn xao về Chi-Ch'ang. Người ta nói, đêm vừa rồi họ có thể nghe tiếng một cây cung vô hình trướng lên trên mái nhà họ. Có người lại nói rằng đó là các vị thần xuất hiện để bảo vệ "thầy" khỏi các ác thần. Một thương gia láng giềng phao truyền rằng, một đêm nọ, anh ta thấy Chi-Ch'ang cưỡi ngựa trong mây và đang tranh tài với Hou-J và Yang-Yu-Chi, những danh tài xạ tiễn thời xưa. Theo lời thuật lại của người thương gia thì những mũi tên do ba bậc thầy bắn đi biến mất trên bầu trời đen sẫm giữa ngôi sao Cày và sao Lang tinh, để lại đằng sau một vệt dài sáng xanh.

Một tên đạo chích lại kể rằng, anh ta đã bị một luồng không khí choảng vào mặt ngay khi anh ta mở cửa định lên vào nhà Chi-Ch'ang. Anh thú nhận luồng không khí dững mãi đến đổi đã quật anh ngã nhào xuống đất. Từ ấy, những ai trong lòng chứa chấp những tư tưởng đen tối, đều tránh không dám lai vãng quanh nơi Chi-Ch'ang cư ngụ, và người ta còn cho rằng, ngay cả những con mãnh điểu cũng không dám bay ngang qua trên mái nhà chàng.

Trong khi tiếng tăm lẫy lừng khắp nước và vang lên tận chín tầng mây thì Chi-Ch'ang già dần. Ông cảm thấy tinh thần và thể xác không còn bận bịu đến ngoại giới nữa, mà sống trong sự giản dị, trầm tĩnh và ngay chính. Khuôn mặt của ông mất đi tất cả mọi đường nét cảm xúc; không một sức mạnh ngoại cảnh nào có thể làm dao động sự bình thản của ông. Bây giờ người ta rất ít khi nghe ông nói và ngay cả không biết ông có còn thở hay không. Giống như một cây đã chết, thể xác ông có vẻ như là khô đi, không còn sinh khí. Ông đồng hóa hoàn toàn với nhịp điệu nguyên lý của vũ trụ, giải thoát khỏi vận mệnh và những mâu thuẫn cố hữu bề ngoài của các vật thể mà trong quầng chiều xế bóng của đời ông, ông không còn phân biệt giữa "bản ngã" với "tha nhân", giữa "vật này" với "vật khác". Với ông, ngũ quan không còn quan hệ gì nữa, mắt có thể là tai, tai là mũi và mũi cũng có thể là miệng.

Bốn mươi năm sau ngày hạ sơn, Chi-Ch'ang lặng lẽ rời bỏ cuộc sống giống như một làn khói tan ra trong không khí. Trong bốn chục năm này, ông không bao giờ nói đến việc bản cung, hưởng hồ là sờ đến cung tên.

Người ta kể lại rằng, trong năm ông mất, một hôm nhân viếng thăm một người bạn, ông thấy trên bàn có một vật ông biết, nhưng không làm sao nhớ ra tên gọi cái vật ấy là gì và để làm gì. Sau khi cố nhớ nhưng vô hiệu, ông bèn quay sang hỏi người bạn:

– Đây, bằng hữu có thể nói cho tôi biết vật để trên bàn kia là vật gì không? tên gì? và dùng để làm gì?

Người chủ nhà bật cười cho rằng Chi-Ch'ang nói rờn. Ông bèn hỏi lại lần nữa, nhưng người bạn vẫn còn cười, dù ít thành thật hơn. Nhưng khi ông hỏi lại lần thứ ba một cách đứng đắn, bạn ông liền tái mặt. Nhìn Chi-Ch'ang một cách thận trọng, và nhận thấy mình đã nghe rõ ràng, và phần khác, ông không phải điên cũng không phải đùa cợt mình, bạn ông liền nghẹn ngào nói:

– Ôi! Thầy! Thầy thật là người vĩ đại nhất trong mọi thời, thầy đã quên mất rằng đó là cái cung và thầy cũng không biết nó dùng để làm gì.

Người ta chắc rằng sau cái việc bất ngờ này, các họa sĩ sẽ buông cọ, các nhạc sĩ sẽ buông đàn và các thợ mộc sẽ ẩn thân để thiên hạ khỏi thấy họ dùng đến cái thước của mình. Và điều đó đã xảy ra trong nhiều năm tại thành Hàm Tân.

YÊU KẸ LƯU ĐẦY

André Maurois – Trữ Vũ dịch

Kể từ lúc văn sĩ Pháp Bertrand Schmitt qua sống ở Nữu-Uớc, chàng chỉ còn cho xuất bản toàn là những thiên hồi ký và những tác phẩm lịch sử, Isabelle, vợ chàng, trách chàng về điểm đó. – Bertrand, anh hãy tiếp tục viết các tác phẩm tưởng tượng đi. Hoàn cảnh chính trị sẽ biến đổi, những cuộc tranh luận sẽ bị lãng quên, nhưng Nausicaa sống lâu hơn những chiến sĩ Hy-Lạp và Boule de Suif, hơn Napoléon III...

– Phải, đúng thế – chàng nói. Nhưng Nausicaa và Boule Suif, họ ở đâu bây giờ, nơi cái xứ New York 1644 này?

– Ngày nào chúng ta cũng gặp họ cả đấy, Isabelle nói. Nè anh, anh phải viết về câu chuyện của Solange Villier và ông đại sứ của cô ta. Đó là một đề tài tiểu thuyết hay lắm đấy.

– Tiểu thuyết à? – Bertrand nói. – Không, anh không đồng ý; chất liệu mỏng manh quá, nhưng đó là một đề tài tân truyện rất tuyệt. Somerset Maugham, Maupassant, nếu là họ viết thì sẽ thành công lắm.

– Tại sao lại không phải là anh, hử anh Bertrand?

– Bởi vì anh không thể... Solange sẽ nhận ra nàng và sẽ lòi thối với anh, mà không phải là vô cố... Hơn nữa, anh nghĩ rằng những người Pháp tha hương không nên xâu xé lẫn nhau.

– Thì sửa đổi vai tuồng đi. Biến ông đại sứ thành một vị đại tá, đem bối cảnh đặt vào một xứ khác, thay nhà kỹ nghệ Hoa Kỳ bằng một nhà chăn nuôi Argentine. Tất cả những việc đó đối với anh dễ dàng quá mà...

– Không quá dễ như em tưởng đâu, Isabelle ơi. Đã nhìn thấy anh làm việc trong hai mươi năm, em phải biết rằng chỉ có thể vẽ được khi theo sát mẫu thiên nhiên mà thôi. Đem bối cảnh đặt vào một xứ khác! Nói thì dễ thế, nhưng biết bao là đường nét căn bản sẽ trở thành giả tạo ngay tức khắc!

Hơn nữa, anh biết gì về một nhà chăn nuôi xứ Argentine, về cách nói năng của ông ta? Tuyệt đối không!... Như vậy nhân vật của anh sẽ hỏng.

– Thì anh cứ viết câu chuyện đúng như nó đã xảy ra, có gì đâu!

– Anh nhắc lại: Không thể được. Solange sẽ nhận ra nàng trong truyện và nàng sẽ nổi giận.

– Em không tin thế chút nào.

– Em không tin rằng nàng sẽ nổi giận khi tìm thấy trong một cuốn truyện của anh, là bạn thân của nàng, một câu chuyện đã gây tai tiếng sôi nổi ở New York này sao?

– Không, em không tin.

– Isabelle, em lắm lúc thật là cứng đầu lạ.

– Chẳng cứng đầu gì hết. Nhưng em hiểu đàn bà, mà anh thì cứ khăng khăng một mực nhìn họ qua mớ ảo giác đàn ông của anh... Và nhất là em biết rõ về Solange. Cái điều chị ấy lo sợ – cô bạn gái xinh đẹp của anh ấy – không phải là tai tiếng đâu, mà chính là sự im lặng kia! Người ta nói xấu chị ấy ư? Chẳng quan trọng, miễn rằng họ nói đến chị ấy... Và lại, ai buộc anh phải nói xấu về chị ấy đâu? Anh hãy biến chị ấy thành một nhân vật dễ cảm mến, thế thôi.

– Cái đề tài chẳng thuận tiện tí nào. Nó hoàn toàn nằm trong sự đối chọi tương phản giữa mối tình ngây thơ trong trắng của ông đại sứ, một kẻ còn tin tưởng nơi tình yêu lãng mạn và sự vô liêm sỉ trắng trợn của nàng. Solange chúng ta...

– Có lẽ, nhưng mà sự vô liêm sỉ chẳng cứ là đáng ghét. Còn đỡ hơn sự giả đạo đức nhiều chứ.

– Anh sẽ vẽ một Solange rần rỏi, độc ác, khinh người đã điều khiển bọn đàn ông như là những con tốt trong một bàn cờ. Bà ta sẽ thích thú lắm đấy.

– Sẽ nổi cáu lên thì có.

– Anh cứ thử xem.

– Isabelle, đừng có cứng đầu cứng cổ.

– Bertrand, anh đừng có nhút nhát.

– Anh không nhút nhát. Nhưng anh không muốn mất một người bạn. Solange xứng đáng với một truyện ngắn lắm. Isabelle này, nghe đây, anh đề nghị với em một sự hòa giải. Anh sẽ viết câu chuyện ấy.

– Có thể chứ.

– Khoan. Anh sẽ viết, nhưng trước khi xuất bản, anh sẽ đưa cái truyện ấy cho Solange đọc, mà anh sẽ không nói gì cả, cũng tỉ như để hỏi ý kiến của cô nàng vậy thôi. Lúc ấy anh sẽ xem nàng phản ứng ra làm sao...

– Tội nghiệp anh chưa!

– Sao thế? Sao lại "tội nghiệp anh"?

– Thì vì em lấy làm khâm phục sự tinh ranh lòe loẹt chồn của anh chứ sao? Mà anh sẽ không nói gì cả! Làm sao mà anh lại muốn nàng không biết là anh viết về nàng, trong khi anh cứ để nguyên sự việc, không hề thay đổi bối cảnh, nhân vật gì cả, kia chứ?

– Không phải là nàng không biết: nhưng nàng sẽ được tự do để phản đối hay chấp nhận. Nếu nàng trả lời anh: "Tôi không thích truyện này lắm. Đó không phải là một trong những tân truyện hay nhất của anh." thì anh sẽ hiểu là phải làm gì.

– Tội nghiệp anh chưa!

– Isabelle, đừng có trêu tức anh!

– Thôi được, em sẽ im. Anh làm việc đi!

Một kinh nghiệm lâu dài đã dạy cho Isabelle biết rằng, không phải là dễ mà thúc đẩy chồng quyết định trong việc viết một tân truyện hay một tiểu thuyết. Mọi đề tài đều gợi nên những chương ngại về luân lý, tình cảm, gia đình, đất nước. Cứ như thế cho đến ngày mà nhà nghệ sĩ, cuối cùng, thoát ra khỏi thực tại để bay vượt lên trên cả nền luân lý, tình bè bạn, thân quyến hay bốn phận công dân. Bấy giờ thì nghề nghiệp đã xâm chiếm nghệ sĩ trọn vẹn, và chẳng còn gì trên trái đất hiện hữu trước mắt chàng, ngoại trừ những nhân vật tiểu thuyết. Bắt đầu từ giây phút ấy, Bertrand như sống

trong một trạng thái xuất thần đầy hạnh phúc. Có lẽ vì chàng đã lường lự đợi chờ từ lâu, nên đề tài chín muồi trong trí chàng và vào thời kỳ sinh nở, tác phẩm như thoát vọt ra một cách mau chóng lạ thường, hoàn toàn cấu tạo. Đó chính là trường hợp về câu chuyện phiêu lưu giữa nàng Solange Villier và ông đại sứ. Trong ba ngày, truyện đã hoàn thành.

– Anh Bertrand! Anh vừa ý với truyện này chứ?

– Không hẳn là vừa ý, nhưng khá vừa ý thì có.

Sáu ngàn chữ, vừa đủ dài. Anh không ngờ anh lại có thể tạo một người Mỹ giống đến thế. Người đàn bà trong truyện là một phác họa, nhưng có ý vị lắm. Anh không biết quần chúng ở đây sẽ nghĩ thế nào... Độc giả người Pháp thì chắc là sẽ yêu thích đấy.

– Anh vẫn còn muốn đưa truyện này cho Solange đọc trước chứ?

– Cần phải thế. Anh thú thật với em, bây giờ câu chuyện đã viết ra rồi, anh sẽ tiếc nếu không được in ra. Nhưng anh hy vọng Solange sẽ không phản đối gì cả. Anh đã đổi khác được câu chuyện nhiều hơn ý anh tưởng.

– Vậy, em gọi khách sạn Pierre và bảo Solange cho anh một giờ hẹn, nhé.

– Khoan đã, gì mà gấp thế?

– Bởi vì, Bertrand ạ, em biết rằng nếu em để cho anh tự do hành động, thì anh sẽ kiếm ra một ngàn cơ hay ho để kéo dài thử thách. Ta không bao giờ để rày để mai những chuyện khó chịu nhưng cần thiết cả. Anh hãy coi cuộc gặp mặt này như là việc đi chữa răng, một cuộc mổ xẻ.

Ngay ngày hôm ấy, vào lúc năm giờ, Bertrand Schmitt bước vào phòng của Solange Villier, ở tầng thứ ba mươi hai của khách sạn Pierre. Chàng biết rằng sẽ thấy nàng đang đuổi người trên chiếc đi văng. Trong bước tha hương, nàng vẫn trung thành với những mảnh lối cũ ở Paris, và bao giờ cũng chú trọng che giấu sự cương quyết của những ý định dưới những dáng điệu uể oải hững hờ. Thừa biết cặp giò mình toàn bích, nàng đã cho phép chiếc váy đầm của nàng được kéo lên quá đôi đầu gối. Bên cạnh nàng, trên

tấm chăn lông chồn, là một tác phẩm của Bertrand. Nàng trao cho Bertrand một bàn tay mềm mại với những móng chuốt tuyệt kỹ.

– Quý hóa quá, anh Bertrand! Tôi lấy làm sung sướng – và hơi ngạc nhiên chút xíu – không được Isabelle gọi điện thoại. Bà đầm của anh chưa hề ân cần với tôi như thế đấy! A! hẳn là tôi đã quá già để mà có cái chuyện Isabelle gọi anh đến với tôi hôm nay. Hoặc là...

– Hoặc là sao, Solange?

– Tôi tự hiểu.

Và nàng mỉm cười với một cái nháy mắt thật nhanh. Bertrand giở chiếc cặp mang theo bên mình vừa thở ra vừa rút lấy một tập bản thảo. Chàng nói:

– Solange có nhớ cái hồi mà tôi vẫn đến Paris để đọc cho Solange nghe những cuốn tiểu thuyết của tôi không? Solange đã có mỹ ý cho rằng những cuộc duyệt văn ấy làm cho Solange vui, còn tôi, tôi chắc chắn là đã nhận được những lời khuyên đẹp nhất...

– Anh đừng có diễu tôi, anh Bertrand. Tôi – tôi mà cho những lời khuyên bảo một nhà văn thuộc hạng anh?

– Solange thừa hiểu là chính em đã giúp cho tôi hiểu về đàn bà, những phản ứng của họ, hơn là tất cả những nhà luận lý học trên thế giới. Một mình Solange đối với tôi bằng cả bà De Berny, bà De Castries và cả nữ bá tước D’Abrantès đối với Balzac nữa. Solange đã cho tôi.

– Anh Bertrand! Isabelle sẽ nói thế nào đây?

– Isabelle sẽ nói rằng tôi có lý. Tôi cũng mang ơn Isabelle nhiều. Nhưng đối với một vài mẫu phụ nữ nào đấy, Isabelle mù tịt và nàng cũng biết thế!

– Anh Bertrand ơi, có phải ý anh muốn nói rằng nàng Isabelle đoán trình trong trắng không thể nhận thức được đến cả sự hiện hữu của loại phụ nữ phóng dăng như tôi, chứ gì? Anh có biết rằng điều anh đang nói với tôi đấy không được lễ độ lắm không? Không, đừng cãi, tôi nói đùa đấy. Tóm lại anh đến đây để đọc cho tôi nghe một tác phẩm tiểu thuyết của anh, phải thế không?

– Không phải tiểu thuyết, chỉ là một tân truyện đơn sơ thôi.

– Thế thì càng thú biết mấy! Anh Bertrand!

Như vậy anh sẽ dẫn tôi trở về quãng thời gian xưa ở trên đại lộ Elyseé, nơi thư viện thân yêu của tôi. Có cả mấy thế kỷ rồi anh không cho tôi được hưởng cái vinh hạnh đó!

– Vì lâu nay tôi chỉ viết những bài báo chính trị.

Thật thế à, anh Bertrand! Thế còn cái truyện lịch sử hấp dẫn mê ly nhan đề là Atlantic Monthly thì sao? Không phải tân truyện à?... Và cả cái truyện kém hay hơn nhiều mà anh đã gửi cho tờ Texte Europeens nữa. Thôi, nói sự thực ra đi, cưng! Anh tính đọc cái truyện này cho tôi nghe là bởi vì nhân vật chính của nó là tôi đây, và anh thì anh muốn biết xem tôi có phản đối nó không... Thế nào, tôi đoán có đúng không?

– Không đâu... Thật ra thì tôi có ý đọc tân truyện này cho Solange nghe là vì nhân vật chính trong truyện, trên một vài khía cạnh cũng nằm trong những hoàn cảnh có thể gợi liên tưởng đến... à vắn tắt thì tôi muốn nói là tương tự với... Tuy nhiên, tính chất câu chuyện chẳng hề có gì trùng hợp với trường hợp của Solange cũng như của các...

– Thôi đi, thôi đi, Bertrand! Có phải anh muốn nói "của các nhân tình của tôi" phải không? Anh cứ nói đi mà!

– Thì hãy để tôi nói nốt đã: Của những người đàn ông mà thiên hạ gán cho Solange...

– Isabelle thì sẽ thêm rằng: Của những người đàn ông giàu có... Điều ấy thật giản dị, nhưng thật đúng. Tôi không có xu hướng về sự nghèo nàn đâu. Nếu vậy được, anh đọc đi, Bertrand. Khoan, anh đợi tôi tí xíu: Xin anh một điều thuốc, một mồi lửa, một đĩa gọt tàn. Cám ơn. Bây giờ, tôi xin nghe đây.

Bertrand cất tiếng đọc bài văn của mình, cây bút chì trên tay, chàng sửa bỏ chỗ này một chữ, chỗ kia một dòng để giữ cho khí văn mạnh mẽ, lời văn tự nhiên. Chàng thích cho tác phẩm mình được trải qua những buổi đọc lớn tiếng lên như thế, nhờ đó, những cọng rơm, những mảnh rác của văn

chương sẽ lộ ra rõ ràng. Thịnh thoảng, chàng ngược mắt nhìn lên Solange, Thiếu phụ đang lắng tai nghe một cách trân trọng, chăm chú về thích thú. Cuộc xướng văn diễn ra một mạch trong vòng bốn mươi phút, và Solange không hề cắt ngang một lần nào. Khi Bertrand dừng lại và bằng một vẻ làm ra hờ hững, ném tập bản thảo vào chiếc cặp của mình, Solange mới đưa mắt nhìn chàng và mỉm cười, đoạn nàng chìm vào trong một cơn mộng lặng thình.

Chàng hỏi, giọng lo lắng:

– Thế nào, Solange thấy tệ lắm à?

– Đâu có, trái lại đấy chứ. Tại sao anh hỏi thế?

– Vì Solange đã không nói gì cả.

– Trời đất! anh thật là con người thèm khát những lời khen ngợi: Tôi không nói gì cả, cưng ơi, là vì sự ngưỡng mộ vốn lặng câm.

– Solange, đừng có điều tôi. Thế nào, hay hoặc dở?

– Tuyệt diệu đấy, Bertrand, tuyệt diệu... Và thật chính là tôi đúng như anh nhìn thấy, nếu Isabelle không vì âu yếm khoan hồng của chị ấy đối với tôi, mà tôi điếm lại giúp cho anh hình ảnh của tôi. Duy chỉ...

– Duy chỉ thế nào?

– Duy chỉ có điều bất hạnh là nàng trinh nữ đức hạnh của anh lại không biết rõ lắm về những thủ đoạn kỹ thuật của chúng tôi, những "nàng trinh nữ" cuồng loạn. Đoạn tả những sự "chinh phục" của tôi có hơi ngây thơ. Anh đặt tất cả trên bình diện tình cảm. Một người đàn bà cương quyết sẽ áp dụng những...

– Ví dụ?

– Ví dụ thế này nhé! nàng sẽ thấy mình đang nằm trên một chiếc giường lạ, vào một đêm kia, y như thế là ngẫu nhiên vậy... Nàng sẽ mặc một chiếc áo mà vai áo thì tuột xuống... giả vờ say trong một chuyến trở về giữa đêm tối bằng xe tắc-xi. Đừng có ngại thêm một chút xương thịt vào các câu chuyện tình cảm của anh, anh Bertrand ạ. Tôi thừa biết anh là một tay

chuyên môn sành sỏi về tâm lý. Song trái tim không đi xa được đâu, nếu những bộ phận khác không góp sức vào.

– Tuy nhiên Solange hãy xem trường hợp của Stendhal đấy. Không có những tiểu thuyết tình nào đẹp hơn của nhà văn ấy. Thế mà nhục tình chỉ đóng có vai phụ trong tác phẩm ông.

– Có lẽ chính vì thế mà tôi đã chán Stendhal. Anh Bertrand này, tôi biết, tôi đã có lỗi phạm thượng. Nhưng làm sao được: Stendhal làm tôi chán ngán thực tình. Không biết ông ta có bị liệt dương tí nào không?... Và lại, trong tân truyện này, anh đâu có tả một nhân vật của Stendhal. Anh tả tôi, Solange Villier. Đừng có tước mất những khí giới tốt nhất của tôi chứ. Còn điều này nữa: tại sao anh lại biến ông đại sứ thành một viên đại tá?... Xét về mặt đẳng cấp, điều ấy làm tôi bị giảm giá, và về mặt văn chương, đó là sự sai lầm, bởi lẽ, trước tiên, anh đã quan sát, thu lượm được một phần nào những dáng nét của ông đại sứ, định để dựng ông ta vào tiểu thuyết, thế mà sau rốt, anh lại cho ra đời một tên lính, một tên lính, nói năng như một nhà ngoại giao! Việc đó không ổn. Về trường hợp của anh chàng Birch cũng thế. Tại sao lại bắt hắn làm trạng sư, trong khi hắn là nhà sản xuất kim loại? Ngay cả chỗ này, mọi độc giả thông minh sẽ nhận ra sự dối trá liền.

– Solange, chính là sự tinh tế đấy, Solange ạ. Không một tay nhà nghề nào có thể tìm ra được nhược điểm của truyện ngắn này hơn Solange nữa. Song nếu tôi đã phải biến chế câu chuyện, đó là vì Solange. Solange thừa hiểu rằng nếu tôi vẽ ra những bức họa về ông đại sứ và nhà sản xuất kim loại một cách quá giống, thì cả Nữ-Ước này sẽ nói ngay rằng nữ nhân vật trong truyện là Solange. Đó là điều mà tôi muốn tránh.

– Nhưng tại sao thế, anh Bertrand?

– Tại sao à? Tôi tưởng rằng nó cũng khá rõ ràng rồi chứ. Thì chính là vì tình bạn. Chính vì tôi không muốn gây những điều phiền muộn cho Solange?

– Những điều phiền muộn gì thế? Anh thực là buồn cười! Anh tưởng rằng tôi hối hận về những hành động của tôi sao? Không đâu. Cả trái đất

đều có thể biết xưa kia ông đại sứ là nhân tình của tôi, rồi đến anh chàng Birch, và hiện giờ đây là Bob Lebreton.

– Cả trái đất đều biết thế đấy, Solange ạ.

– Thế thì tại sao lại không nói ra? Nếu anh tuyệt đối nhu cầu đến tôi cho những tác phẩm của anh –và hình như nói nhu cầu này khó mà cưỡng lại được, bởi lẽ đã ba lần rồi, tôi xuất hiện trong sách của anh, dưới những tính danh thay đổi – thì ít ra cũng xin anh cho tôi một dịp may được thỏa lòng. Đừng tước lợi khí của tôi đi chứ. Đây này, gặp lúc vui vẻ, anh đã chẳng thường nói rằng tôi có cái nghệ thuật, bất kỳ đi đến đâu, cũng tái lập được riêng cho mình một bối cảnh đặc biệt, đó sao? Điều ấy, tôi tưởng là khá đúng. Nhưng đã thế, tại sao anh không vẽ ngay nó ra, cái bối cảnh đó?... Tại sao lại uốn nắn nó cho khác đi? Anh hiểu, những gì mà tôi muốn tìm thấy trong cái tân truyện của anh, đó là tấm chăn lông chồn của tôi, bức hình của Proust đặt trên bàn, đó là cuốn sách của anh với lời đề tặng khá ái này này...

– Nói cách khác tức là Solange muốn tôi la lớn cho thiên hạ biết đây là một chuyện thật, và Solange là nhân vật chính của nó, có phải thế không?

– A! Mấy ông nhà văn này! Thực không thể giấu họ điều gì hết. Họ đọc được tất cả mọi tư tưởng sâu kín trong lòng người ta.

Khi Bertrand Schmitt trở về nhà, Isabelle nóng nảy hỏi chồng:

– Còn người mẫu, nói sao anh?

– Bà ta đòi hỏi phải sửa lại không ít.

– Thực à? Đòi sửa lại những gì thế?

– Rồi em sẽ thấy. Anh không thích nói về những điều mà anh chưa viết. Chuyện đó làm tê liệt cả nguồn văn.

Bertrand làm việc suốt trong một tuần lễ, thêm, bớt, nghiền, tán, để rồi cuối cùng gửi đến Hôtel Pierre một bản thảo mới. Hai ngày sau, Bertrand được người ta gọi điện thoại từ khách sạn Pierre, người ta đây không phải là Solange Villier mà là anh chàng Bob Lebreton. Gã nói:

– Thưa ông văn sĩ, ông không biết tôi nhiều, mặc dầu chúng ta cùng có chung rất nhiều bạn, và tôi muốn được thừa chuyện với ông. Vâng, càng sớm càng tốt. Đây là một chuyện nghiêm trọng dính líu đến bà bạn Villier của chúng ta...

– Bà Villier cậy ông gặp tôi à?

–Ồ, không, không phải thế. Bà Villier không biết tôi gọi điện thoại cho ông đâu. Chính là tôi...nghĩa là...tôi sẽ giải thích với ông sau...chừng nào ông có thể tiếp tôi được?

– Chừng nào ông muốn. Ngay bây giờ, nếu ông rảnh.

– Tôi sẽ nhảy lên xe và đến ông liền bây giờ.

Robert Lebreton là một kỹ sư người Pháp, chàng ta đã ở giữa hai cuộc thế chiến, lưu ý đến cái sản nghiệp của Jacques Villier, trong tất cả mọi việc làm ăn hoạt động. Lúc mà Villier, vào thời kỳ đình chiến xảy ra trong tháng 6-1940, quyết định sang Hiệp Chúng Quốc để khai thác những cấp bằng của mình. Lebreton cũng đi theo. Hai người dựng lên một xưởng sản xuất dụng cụ quang học lớn lao. Làm sao mà nhà kỹ thuật Lebreton, phụ tá của ông chồng, lại đã, đồng một lúc, trở thành tình nhân của người vợ? Bertrand không biết. Lebreton không thiếu sức lực, gã có những nét đẹp, nhưng gã đang trở nên phì nộn và một chiếc răng hư đã làm xấu bớt dung mạo gã.

Chuông cửa reo lên. Bertrand bước ra mở cửa. Chàng nói với Lebreton:

– Ông không chậm trễ chút nào.

– Sáng hôm nay tôi bận việc lúc đầu. Và trưa nay tôi lại phải đi Washington. Nhưng tôi tuyệt đối cần gặp cho được ông.

– Mời ông ngồi... Ông dùng thuốc lá?

– Không, cảm ơn... Thưa ông Schmitt, ông sẽ nghĩ rằng tôi đã xía vào những chuyện không phải của tôi, nhưng đây là để tránh cho một người thân yêu nhất đời tôi một mối khổ tâm chắc chắn... Tôi muốn nói: tránh cho ông Jacques Villier...

– Jacques Villier? Bertrand lặp lại, vẻ ngạc nhiên.

– Vâng, Jacques Villier... Ông có vẻ ngạc nhiên, phải không ạ? Nhưng xin ông biết cho rằng Jacques Villier không những chỉ là chủ nhân ông của tôi...

"Đó cũng là chồng của tình nhân hẳn nữa", Bertrand nghĩ thầm. Mạnh mẽ thân tình là ở đó.

Lebreton nói tiếp:

– Ông ấy là bạn tôi. Đó là người đã gây dựng cho tôi và tôi hoàn toàn chịu ơn ông ấy mọi sự. Hơn nữa, dưới những hình thức có vẻ thô lỗ, ông ta là một con người nhạy cảm và sâu sắc. Vô cùng tế nhị. Hẳn là ông không biết gì về những điều tốt đẹp mà Villier đã thực hiện được trong xưởng máy cho các nhân công một cách im lặng, không kèn không trống. Tóm lại, tôi sẵn sàng hy sinh bất cứ điều gì để tránh cho ông ấy khỏi phiền muộn. Thế mà hôm qua, trong lúc tôi tình cờ đến thăm bà Villier, bà ấy đã đọc cho tôi nghe một bản thảo của ông. Tôi có thể thú thực với ông rằng truyện của ông đã làm tôi bức bối hết sức không?

– Thật sao? Bertrand hỏi, vừa cảm thấy thú vị vừa hơi lo. Nhưng tại sao lại bức bối?

– Bởi vì nó quá rõ rệt, nó gây tai tiếng, bởi vì người đọc sẽ không thể không nhận ra đó là cảnh gia đình của Villier, bởi vì nếu ông đem in nó ra, ông sẽ gây một sự buồn khổ vô ích cho người bạn thân nhất của tôi. Tôi xin lỗi, thưa ông, nhưng há ông lại không nhận thấy là quá sỗ sàng, cái việc gán cho đức ông chồng của nữ nhân vật trong truyện của ông những nét của chính Villier, những lời ăn tiếng nói đặc biệt của ông ấy, cả hình thể của ông ấy, hay sao? Xin ông ít ra cũng thay đổi tất cả những gì có thể dễ dàng thay đổi. Villier là một chàng khổng lồ, hãy cho nữ nhân vật của ông một người chồng nhỏ thó. Villier gầy còm hãy tạo hẳn thành một người phì nộn... Villier mang kính đeo mắt, hãy cho hẳn một chiếc kính kẹp mũi... Villier là một kỹ nghệ gia, hãy tạo hẳn thành một chủ tàu hay một nhà hóa học... Solange tóc vàng, ta làm nàng thành một thiếu nữ tóc đỏ hay nâu...

Tóm lại, tôi không hiểu... Tôi không phải là văn gia, nhưng nếu tôi không làm thì với một chút tưởng tượng, ông có thể đánh lạc hướng bọn độc giả xấu bụng...

– Xin ông thứ lỗi, – Bertrand nói, – nhưng tôi cần đặt lại lần thứ hai một câu hỏi: có phải chính Solange đã gợi ý cho ông trong câu chuyện điều đình này không?

–Ồ không!... Như tôi đã thưa với ông trong điện thoại, bà Villier không biết rằng tôi đã đến đây.

– Thế nghĩa là bà ấy không rửa tội về cái việc đã vẽ ra một cách trung thực những gì tôi quan sát thấy, phải không?

Lebreton ngần ngừ:

– Nghĩa là... Vâng, để hoàn toàn thành thực mà nói, nàng quả không nhận thấy sự nguy hiểm trong việc xuất bản truyện ngắn này. Tôi không hiểu sao một người đàn bà có hạng như bà Villier mà lại có thể phạm vào một điều lầm lẫn như thế. Nhưng bọn phụ nữ, họ không tinh tế đâu. Chính một mình tôi, trong tư cách người bạn thân nhất của Villier, đã tự động đến gặp ông để không phải là khẩn cầu ông bỏ đi truyện ngắn này, mà chỉ là xin ông sửa chữa lại trước khi đem in. Nãy giờ không phải tôi chỉ ngỏ lời với một nhà văn mà còn với một con người tôn trọng danh dự và là bạn thân của gia đình Villier.

– Tôi sẽ cố gắng thử xem, – Bertrand nói.

Vào buổi ăn trưa, Bertrand kể lại cuộc viếng thăm ban nãy cho vợ chàng nghe, và Isabelle hỏi chàng:

– Và anh sẽ làm cái việc người ta đã yêu cầu anh, phải không?

– Anh sẽ dàn xếp lại đôi chút.

– Tại sao? Lebreton có dính dấp gì với anh đâu!

– Anh chẳng để tâm đến gã, nhưng gã cũng đã có lý về một điểm: bức họa người chồng quá xác thực như một bức hình chụp. Anh sẽ sửa lại.

– Em đánh cuộc là Solange sẽ phản đối.

– Tại sao thế?

Nhưng Isabelle Schmitt đã hiểu một cách tài tình bộ máy trí tuệ của Solange Villier, bởi vì lúc mà Bertrand đọc lại bản thảo mới mà trong đó nhân vật Villier đã được đổi lốt, Solange quả đã phản đối kịch liệt.

– Thế là nghĩa lý gì, tại sao lại có sự thận trọng đột nhiên này, hả anh Bertrand? Tại sao anh lại gán cho tôi một ông chồng không giống thực chút nào vậy? Một anh chàng mập ú, bụng bự, mang kiếng kẹp mũi và nói năng như một chú cai phu? Nhưng tôi chẳng bao giờ lấy một người chồng như thế cả?... Anh tưởng đã làm vừa lòng cho ai đó bằng cách biến đổi nhân vật này? Cho Jacques ư? Nhưng Jacques hẳn chẳng thèm để ý đến những gì người ta nói về hẳn... Anh tưởng hẳn có những mối ảo tưởng về lòng trung thành của tôi sao? Và hơn nữa, anh tưởng hẳn sẽ đọc truyện của anh à? Jacques lưu tâm đến xưởng máy của hẳn, bọn địch thủ cạnh tranh với hẳn, đến địa vị xã hội của chúng tôi. Tôi có ích cho Jacques, tôi giúp hẳn thành công trong những ván cờ, hẳn không đòi hỏi tôi gì hơn nữa. Chồng tôi chẳng bao giờ đọc tiểu thuyết, hoàn toàn chỉ đọc những cuốn sách về lý hóa, hoặc những tác phẩm nghiên cứu về sự tái thiết hoàn cầu sau chiến tranh, trên bình diện kinh tế. Anh Bertrand, xin anh trả lại cho tôi đức ông chồng của tôi, bằng không thì xin đừng in truyện ấy ra.

Ba tháng sau, tân truyện nói trên xuất hiện dưới nhan đề: Love in exile, trong một tạp chí mà chiếc bìa màu sắc rực rỡ trình bày hình ảnh Eros, vị thần ái tình Hy Lạp đang bị trói. Bertrand, nhượng bộ trước tối hậu thư của Solange, đã giữ nguyên lại toàn thể những đoạn văn mà trước kia chàng đã xóa chữa theo lời yêu cầu của Lebreton.

Vào tuần lễ mà bản văn được xuất bản. Solange đã mời Bertrand và Isabelle đến dự một tiệc rượu. Hiện diện trong buổi tiệc có đủ mặt người Pháp, người Mỹ, những ông chủ ngân hàng, những viên sĩ quan, những trạng sư và nghệ sĩ. Trên một chiếc bàn đặt chính giữa phòng, người ta đã dựng – nhờ vào một tấm các-tông một số tạp chí màu sắc rực rỡ, cố nhiên, trong tạp chí này có cái tân truyện Love in exile của Bertrand.

Chốc chốc, trong lúc đi ngang qua chiếc bàn, Solange lại chỉ cho vài khách mời quan trọng xem tờ tạp chí bày ở đó và nói:

– Ông đã đọc cái truyện "Love in exile" của Bertrand Schmitt chưa?... Chưa hả?... Ồ! Ông phải đọc truyện đó mới được, tuyệt lắm. Bertrand là người bạn cố cựu của tôi, và chẳng hiểu tại sao, ông ấy không thể cưỡng lại được với ý muốn đưa tôi vào mọi tác phẩm của ông. Ông chưa gặp nhà văn ấy bao giờ ư? Đây này: người đàn ông ngồi trên chiếc đi văng xanh và đang nói chuyện với chồng tôi đấy. Không, ông ta không đẹp, tại sao mình lại đòi hỏi ông ta phải đẹp cơ chứ? Nhưng ông cần phải đọc cái tân truyện đó của ông ta, nó sẽ làm ông thú vị lắm, vì ông là người biết rất rõ về tôi. Ông có muốn tôi tặng ông một tờ tạp chí này không?...Không, ông đừng ngại phiền tôi. Tôi mua đến 50 tập cơ.

Nàng ngừng câu chuyện để gọi con nữ tỳ đến bảo: – Marie, cầm lại cho ông Barnès đây một bản tạp chí. Mày biết rồi chứ, cây đèn pin nằm ngay cạnh giường, trên chiếc bàn nhỏ kiểu Trung-hoa ấy. Nhanh lên.

Sau khi kiếu từ để ra về, Isabelle bảo chồng:

– Anh Bertrand, có phải anh đã nói với em rằng nếu anh mà viết câu chuyện tình ấy, Solange sẽ nổi giận không?

– Anh ấy à? – Bertrand đáp. – Không, anh có bao giờ nói thế đâu?

TÂM SỰ MỘT NGƯỜI CHA

Rabindranath Tagore – Văn Hòa dịch

Mini, con bé lên năm của tôi không thể sống mà không lú lo suốt ngày. Tôi chắc, suốt đời nó sẽ không bỏ phí một chút nào để im lặng. Mẹ nó thường bực mình vì điều này. Bà muốn chấm dứt những câu chuyện đầu Ngô mình Sở của nó, nhưng tôi không thể làm gì được. Đối với Mini, phải thình lạng là một điều trái với tự nhiên, nên tôi không thể chịu đựng được điều đó lâu. Vì vậy, câu chuyện của tôi nói với nó bao giờ cũng sống động.

Một buổi sáng nọ, khi tôi đang viết dở đoạn thứ mười bảy cuốn tiểu thuyết mới, thì Mini len vào phòng nắm lấy tay tôi nói:

– Ba! Chú Ramdayal (người gác cổng), gọi con quạ là con quạ! Chú ta không biết gì hết cả phải không ba?

Tôi chưa kịp giải thích cho nó hiểu sự khác biệt giữa tiếng nói, thì nó liền bồi thêm một câu hỏi nữa. Nó nói:

– Ba này, Bhola nói rằng, ở giữa đám mây có một con voi đưa vòi phun nước xuống làm thành mưa. Phải thế không ba?

Và, trong lúc tôi vẫn ngồi yên, cố gắng kiếm cách trả lời thì nó lại phóng ra một câu hỏi hóc búa khác:

– Ba, má là thế nào của ba, hở ba? Với một vẻ mặt nghiêm nghị, tôi xoay xở:

– Đi chơi với Bhola đi Mini! Ba đang bận.

Cửa sổ phòng tôi trông ra đường. Con bé bèn ngồi xuống chân tôi, cạnh cái bàn, và đang khẽ vỗ trên hai gối như đánh trống. Tôi đang cố gắng viết tiếp đoạn thứ mười bảy một cách khó nhọc, trong đoạn này Pratap Singh, người anh hùng ăm ỹ nữ Canchanlata trong tay và đang tìm cách thoát đi bằng khung cửa sổ thứ ba của tòa lâu đài, thì đột nhiên Mini quẳng đồ chơi, chạy đến bên cửa sổ kêu lên:

– Kabuliwallah! Kabuliwallah!

Thật vậy, ngoài đường có một người đàn ông xứ Kabul đang đi ngang qua một cách chậm rãi. Anh ta bận một cái áo chùng, dơ bẩn, đầu vấn một cái khăn thật lớn. Lưng anh mang một cái bị và hai tay bùm một nắm nho.

Tôi không hiểu con tôi đã nghĩ sao khi nó thấy người đàn ông ấy, nhưng nó đã gọi anh ta. "Ồ, anh ta sẽ vào đây, vậy thì cái chương thứ mười bảy này sẽ không bao giờ kết thúc được rồi!" tôi thầm kêu khổ. Ngay khi ấy người đàn ông xứ Kabul quay nhìn đứa bé. Thấy vậy, nó khiếp hãi chạy vào trong rúc vào mẹ nó, mất dạng. Nó tưởng tượng rằng, trong cái bị trên lưng người đàn ông ấy thế nào cũng có hai hay ba đứa trẻ giống như nó. Trong khi đó, gã bán hàng rong bước vào cửa, mỉm cười chào tôi.

Tôi đành xếp bút và mua một cái gì khi Mini đã lỡ gọi anh ta vào nhà. Tôi trả cho anh ta một món tiền nhỏ và bắt đầu nói chuyện về những người Nga, về người Anh, và về chính sách biên giới.

Khi sắp đi, anh hỏi:

– Cô bé cháu đâu rồi, thưa ông?

Lúc bấy giờ, tôi nghĩ rằng phải cắt bỏ sự sợ hãi vô lý ra khỏi lòng Mini, tôi bèn bồng nó ra.

Nó đứng cạnh ghế tôi ngồi, nhìn người Kabul và cái bị của anh ta. Anh ta đưa cho nó nào hạt dẻ, nào nho, nhưng nó chẳng thèm ngó lại, chỉ bám vào tôi với lòng nghi ngại mỗi lúc một gia tăng.

Đấy là lần đầu tiên gã Kabul và con bé Mini của tôi gặp nhau.

Tuy nhiên, chỉ vài hôm sau, một buổi sáng, khi bước ra khỏi nhà, tôi liền giật mình nhìn thấy Mini ngồi trên một cái ghế dài bên cửa lớn, đang cười và nói chuyện với anh chàng khổng lồ Kabul ngồi xõm dưới chân nó. Rõ ràng lâu nay con bé chưa từng kiếm được ai nghe chuyện một cách kiên nhẫn như vậy, trừ ba nó. Cái vạt áo nhỏ xíu của nó đựng đầy hạnh nhân và nho, tặng vật của người Kabul.

– Sao anh cho nó vậy? – tôi hỏi và lấy đưa cho anh ta một đồng bạc kẽm.

Không một chút lưỡng lự, người đàn ông cầm lấy tiền đút túi.

Một giờ sau, khi tôi trở về, tôi lại trông thấy đồng bạc cắc ấy. Gã Kabul đã cho Mini đồng bạc, vì thế má nó đã tra hỏi nó.

– Ai cho con đồng bạc này?

– Ông Kabul cho con, – Mini vui vẻ đáp.

– Ông Kabul cho con hả? – Mẹ nó xúc động thét lên. – Ôi! Mini. Sao con lại nhận của ông ta thế hả?

Khi ấy tôi bước vào và cứu nó khỏi phải bị đòn. Tôi kiếm cách tra gạn nó.

Tôi biết rằng, đây không phải là lần đầu tiên họ gặp nhau. Người Kabul đã thắng vượt được sự sợ hãi đầu tiên của đứa bé bằng cách công khai đút lót những hạt dẻ và hạnh nhân, do đó, đôi bên bây giờ đã trở nên thân thiết.

Họ đã chơi đùa với nhau một cách thích thú lạ lùng. Mini có thể ngồi trước mặt anh ta, nhìn xuống dáng dấp khổng lồ của anh trong cái vẻ đường hoàng tí tẹo của nó. Nó vừa cười, vừa hỏi:

– Này ông Kabul, ông mang gì trong cái bị thế?

Với cái giọng mũi của người sơn cước, anh ta đáp:

– Con voi!

Câu chuyện chẳng có gì đáng cười lắm, có lẽ; nhưng sao cả hai lại cười một cách thích thú đến thế! Theo tôi, trong câu chuyện giữa con bé với người đàn ông đã lớn tuổi ấy luôn luôn có một cái gì hấp dẫn lạ kỳ.

Thế rồi người Kabul không để lỡ cơ hội, anh ta lại hỏi:

– Ờ, này cô bé, vậy khi nào cô về nhà bố chồng đấy?

Thời bấy giờ, gần như hầu hết các cô trinh nữ Bengali từ nhỏ đã nghe nói đến "nhà bố chồng"; nhưng chúng tôi cho rằng đây là điều nhỏ mọn nên không nói với các con tôi làm gì. Vì vậy, khi nghe hỏi, Mini có vẻ bối rối. Nhưng nó không để lộ ra nét mặt mà lịch thiệp hỏi lại:

– Vậy thì ông có đến đấy không?

Tuy nhiên, đối với những người xứ Kabul, ai ai cũng biết rằng chữ "nhà bố chồng" có hai nghĩa. Nó còn có nghĩa là "nhà tù", nơi người ta được chăm sóc cẩn thận, khỏi phải mất tiền. Anh bán hàng rong đã hiểu theo nghĩa này. Anh ta nắm tay đấm vào một viên cảnh binh tưởng tượng và nói:

– Ô! Tôi sẽ đập nát "nhà bố chồng".

Nghe thấy vậy, Mini bật cười ròn rã và người bạn khổng lồ của nó cũng bật cười theo.

Đây là những buổi sáng mùa thu, thời gian mà ngày xưa các vị vua thường xuất quân chinh chiến; phần tôi, tuy không ra khỏi cái xóm nhỏ của mình ở Calcutta, nhưng vẫn để hồn phiếm du khắp mọi nẻo đường của thế giới. Tôi thả hồn tôi đến tận bất cứ quốc gia nào mà tôi biết tên, cũng như bất cứ người ngoại quốc nào tôi gặp trên đường phố cũng có thể làm cho hồn tôi mơ mộng đến những núi non thung lũng, những cánh rừng với ngôi nhà nhỏ của hãn ta và cuộc sống tự do độc lập hoặc hoang dã tại những miền đất xa xôi ấy. Có lẽ những cảnh viễn du hiện ra trước mắt tôi, diễn đi diễn lại trong trí tưởng tượng của tôi càng lúc càng sống động, bởi vì tôi sống một cuộc sống giống như cây cỏ, đến nỗi rằng tiếng gọi viễn du đã giáng vào tôi như một tiếng sét đánh ngang trời. Sự hiện diện của người Kabul đột nhiên đưa hồn tôi đến tận chân các ngọn núi khô khan, với những ngọn đèo nhỏ hẹp, lượn khúc giữa các chóp đá nhọn hoắt thẳng đứng. Tôi có thể thấy đoàn lạc đà mang hàng hóa và toán lái buôn đầu vấn khăn, trong số đó có vài kẻ mang những vũ khí cổ xưa kỳ dị, một vài kẻ mang những ngọn giáo dài, họ đang trong cuộc hành trình xuống vùng đồng nội. Tôi có thể thấy...

Nhưng mẹ Mini đã xen vào, bà nài xin tôi "hãy coi chừng gã ấy". Mẹ của Mini tính rất nhút nhát. Mỗi khi nghe tiếng ồn ào ngoài đường phố, thế nào bà cũng cho rằng nếu không phải vì trộm cướp cũng vì chuyện say rượu hoặc cọp beo, rắn rết v.v... Ngay cả sau bao nhiêu năm kinh nghiệm, bà vẫn không dẫn được lòng khỏi phải sợ hãi vu vơ. Vì vậy, bà hết sức lo ngại về người Kabul và thường xin tôi để mắt trông chừng hãn ta.

Nếu tôi có cười về nỗi lo xa của bà, bà liền làm ra vẻ quan trọng, đặt câu hỏi:

- Trẻ con chẳng bao giờ bị bắt cóc đấy sao?
- Sự thật không có chế độ nô lệ ở Kabul đấy sao?
- Mình không sợ cái gã khổng lồ ấy có thể bắt mất con bé tí đi sao?

Tôi nói, trên đời này không có điều gì là không có thể xảy ra, nhưng điều đó chắc không có đâu. Như thế chưa đủ, nỗi hoảng sợ cứ ám ảnh bà hoài. Nhưng vì đó là một nỗi lo sợ hết sức mơ hồ, không đáng phải cấm đoán, cho nên sự thân mật giữa bé Mini và gã Kabul vẫn tiếp tục không được kiểm soát.

Mỗi năm một lần, vào khoảng trung tuần tháng giêng, Rahman thường có thói quen trở về xứ. Vì vậy, anh rất bận đi từ nhà này sang nhà khác để thu nợ. Tuy nhiên, gã luôn luôn có thể kiếm cách tạt ngang nhà tôi thăm Mini. Hình như đã có sự ước hẹn trước giữa đôi bên, vì rằng, khi gã không có thể đến vào buổi sáng thì thế nào gã cũng có mặt vào lúc chiều tối.

Ngay đối với tôi, thỉnh thoảng tôi cũng phải giựt mình khi đột ngột thấy người đàn ông to lớn, áo quần xốc xếch, với cái bị nặng trĩu trên lưng, đứng trong góc một gian phòng tối; nhưng khi Mini chạy vào, tươi cười kêu lên: "Ồ, chú Kabul! Chú Kabul!" và hai người bạn tuổi tác quá cách biệt ấy cười đùa, nô giỡn, tôi mới cảm thấy yên tâm.

Một hôm, vài ngày trước khi anh ta có ý định khởi hành, tôi đang chữa lần cuối cùng bản thảo của tôi. Khí trời hơi lạnh. Ánh mặt trời xuyên qua cửa sổ, chiếu vào chân tôi, tạo nên một hơi ấm dễ chịu. Lúc bấy giờ đã gần tám giờ sáng, các người bộ hành đi sớm đang trên đường về nhà, đầu quần những cái khăn to tướng. Bỗng nhiên tôi nghe có tiếng huyên náo ngoài đường. Tôi nhìn ra và thấy Rahman bị hai người cảnh binh dẫn đi, một đám đông thanh thiếu niên hiếu kỳ theo sau. Trên áo anh ta có vương vết máu và một người cảnh binh đang cầm một con dao trong tay. Tôi vội vã chạy ra hỏi thăm để biết việc gì đã xảy ra. Người thì nói cách này, kẻ thì nói cách khác, cuối cùng, tôi được biết, một người láng giềng nợ của tôi nợ anh bán

hàng dạo một số tiền về việc mua một cái khăn quàng vai, nhưng đã chối rằng không có mua, vì thế trong khi đôi bên cãi vã nhau, Rahman đã đánh người ấy. Bây giờ còn xung giận, anh ta đã réo tên người ấy ra mà nhiếc mắng đủ điều. Bỗng nhiên, Mini xuất hiện ở hiên nhà tôi và lớn tiếng gọi:

– Chú Kabul! Chú Kabul!

Khuôn mặt của Rahman sáng lên khi nhìn về phía Mini. Hôm nay anh ta không mang bị trong tay nên không thể nói dối về con voi bị nhốt. Tuy nhiên, ngay khi ấy Mini hỏi:

– Chú Kabul, chú đang đi đến "nhà bố chồng" đấy à?

Rahman bật cười:

– Ủ, tôi đang đi đấy bé ạ!

Thế rồi, thấy câu trả lời của mình không làm cho đứa trẻ vui thích, gã đưa hai tay bị còng lên và nói lớn:

– À! Tôi sẽ đập nát cái "ông bố chồng" ấy, nhưng tay tôi đã bị xiềng rồi!

Bị buộc vào tội cố sát, Rahman đã phải ở tù nhiều năm.

Thời gian trôi qua, tôi đã quên mất. Các công việc chúng tôi đã quen thuộc trong một địa điểm quen thuộc tiếp tục trôi đi, và cái ý tưởng về sự tự do của một sơn nhân đang trải qua nhiều năm tù tội, họa hoằn hoặc không bao giờ chúng tôi chợt nghĩ đến. Ngay cả con Mini bé bỏng của tôi, tôi hồ thẹn mà nói rằng, nó đã quên mất người bạn già của nó. Nó có rất nhiều bạn mới. Càng ngày, nó càng lớn khôn bao nhiêu thì nó càng mất thì giờ với các cô bạn nó bấy nhiêu. Thật vậy, nó bận bịu bạn bè đến nỗi nó không còn vào phòng ba nó như trước kia nữa, đến nỗi tôi thật hiếm có cơ hội để chuyện trò với nó.

Năm tháng thấm thoát tựa thoi đưa. Một mùa thu nọ, chúng tôi thu xếp hôn lễ của Mini. Cuộc lễ dự định cử hành vào ngày lễ Puja. Khi Durga trở lại Kailas, thì cái ánh sáng của gia đình chúng tôi cũng sẽ đi sang nhà chồng nó và để ba nó lại trong bóng tối.

Buổi sáng trời quang đãng. Sau những trận mưa rào, không khí như được tắm gội sạch sẽ và ánh nắng trông giống như những tia vàng nguyên chất. Nó sáng đến nỗi đã làm cho những bức tường bẩn thỉu của những con đường hẹp ở thành phố Calcutta của chúng tôi cũng rực sáng lên. Từ khi tiếng sáo nhạc đầu tiên trời khúc, và mỗi lần nó réo rắt, nó đã làm cho tim tôi thắt lại. Tiếng nức nở của âm điệu "Bhairavi" dường như đã làm tăng cường độ đau đớn mà tôi cảm thấy vào lúc sắp đến phút chia tay. Mini, con tôi đêm ấy về nhà chồng.

Từ sáng sớm tinh sương, tiếng ồn ào náo nhiệt khắp nhà. Một cái rạp lớn đã được dựng lên giữa sân. Những cây đèn lồng có lục lạc đã được treo khắp các phòng và ngoài hàng hiên. Trong nhà, mọi người có vẻ vui tươi hào hứng. Tôi đang bận xem xét những việc chi tiêu thì có một người bước vào, chào một cách trịnh trọng và đứng trước tôi. Đó là Rahman, người xứ Kabul. Thoạt tiên, tôi không nhận ra anh ta. Anh ta không mang bị trên vai, tóc cắt ngắn và vẻ cường tráng cũ hình như biến mất. Nhưng khi anh ta mỉm cười, tôi chợt nhớ ra.

– Anh đã trở về hồi nào Rahman? – tôi hỏi.

– Tôi được phóng thích chiều hôm qua.

Câu nói đập mạnh vào tai tôi.

Lâu nay tôi chưa từng nói chuyện với một kẻ hung bạo nào, tim tôi thắt lại, vì tôi nghĩ rằng, nếu anh ta không đến thì ngày lễ hôm nay toàn hảo biết bao!

Tôi nói:

– Nhà có lễ tiệc, tôi bận lắm. Có thể, anh ghé lại chơi hôm khác được không?

Anh ta lập tức quay gót; nhưng khi vừa đến cửa, anh ngập ngừng:

– Tôi không có thể thăm cô bé một tí sao, thưa ông? Anh ta tin rằng Mini vẫn còn bé bỏng như độ nào. Anh đã hình dung nó đang chạy đến với anh như thói quen thường lệ và gọi lên:

– Ô, Kabuliwallah! Kabuliwallah!

Anh ta cũng tưởng tượng rằng, họ sẽ tươi cười và cùng nhau chuyện vãn như xưa. Thật vậy, để kỷ niệm những ngày cũ, anh ta đã cẩn thận gói trong một mảnh giấy một ít hạnh nhân và nho mà anh ta bằng cách này hay cách khác đã xin các bạn đồng hương, vì quả thật anh ta có được một ít tiền, nhưng nay đã hết sạch.

Tôi nhắc lại:

– Nhà có lễ tiệc, anh sẽ không có thể thăm bất cứ ai trong ngày hôm nay được cả!

Khuôn mặt anh ta tối sầm lại. Với đôi mắt khao khát, anh nhìn sững tôi một lát, đoạn cất tiếng chào và đi ra.

Tôi cảm thấy hối hận toan gọi lại, nhưng anh ta đã tự ý quay trở vào. Anh đến bên tôi, đưa ra một gói nhỏ và nói:

– Thưa ông, tôi đã mua những vật này cho em bé. Ông có thể vui lòng trao lại cho em không ạ?

Tôi cầm lấy gói quà và định móc tiền trả, nhưng anh ta đã giữ lấy tay tôi nói:

– Thưa ông, ông rất tử tế! Xin ông hãy nhớ đến tôi. Ông đừng cho tôi tiền! Ông có một cô gái nhỏ, tôi cũng có một đứa như vậy ở nhà. Tôi nghĩ đến con tôi nên mang những quả này đến cho con ông – tôi không có ý trục lợi.

Nói xong, anh ta thò tay vào bọc áo rộng lôi ra một mảnh giấy nhỏ dơ bẩn. Anh mở ra một cách hết sức cẩn thận, trải ra bàn tôi và đưa hai tay vuốt nhẹ. Tờ giấy mang hình một bàn tay nhỏ. Không phải là một bức ảnh, cũng không phải là một hình vẽ. Chỉ là hình dạng của một bàn tay mực in lên giấy. Cái dấu tay của chính đứa con gái bé bỏng của anh, anh đã luôn luôn mang nó bên quả tim mình, trong khi đến Calcutta năm này sang năm khác để bán hàng rong trên các đường phố.

Mắt tôi rưng rưng ngấn lệ. Tôi đã quên rằng anh ta là một người bán hàng rong nghèo nàn xứ Kabul, trong khi tôi là... Không, không, tôi đã hơn anh ta cái gì? Tôi cũng chỉ là một người cha.

Hình dáng cái bàn tay ấy của bé Parvati trong ngôi nhà của anh ta ở tận núi xa, đã làm cho tôi nhớ đến bé Mini của chính tôi.

Tôi lập tức cho tìm Mini ở tận nhà trong. Nhiều khó khăn đã được đặt ra, nhưng tôi dẹp một bên...

Trang phục cô dâu bằng lụa đỏ, trên trán có dính hạt bột trầm hương, Mini đến đứng trước mặt tôi một cách khiêm tốn.

Người Kabul có vẻ bối rối trước sự xuất hiện này, anh ta không thể khôi phục lại tình bạn cũ. Cuối cùng anh mỉm cười nói:

– Bé ơi, bé sắp về nhà bố chồng đây à?

Nhưng bây giờ Mini đã hiểu nghĩa của chữ "nhà bố chồng" nó không có thể trả lời anh ta như ngày xưa. Nghe vậy, nó thẹn đỏ mặt, cúi đầu.

Tôi nhớ lại cái ngày Rahman và Mini gặp nhau buổi đầu tiên mà cảm thấy lòng buồn vô hạn. Khi Mini đã đi rồi, Rahman thờ dãi, buồn rầu ngồi xuống đất. Đột nhiên anh nghĩ đến con gái của anh ta, nó cũng đã lớn khôn dần trong khi anh xa nhà quá lâu, lâu đến nỗi anh cũng sẽ phải làm quen lại với nó. Chắc chắn anh sẽ không còn có thể nhìn thấy lại được cái hình ảnh của con bé ngày xưa khi cùng anh già từ. Và ngoài ra, điều gì có thể đã xảy đến cho nó trên bảy năm trời nay?

Tiếng sáo trời khúc, vì ánh sáng mặt trời mùa thu chan hòa khắp chúng tôi. Nhưng Rahman ngồi trên một con đường nhỏ hẹp ở Calutta, mắt hướng nhìn về dãy núi căn cỗi của xứ Afghanistan trước mặt.

Tôi đưa cho anh ta một xấp giấy bạc và nói:

– Anh hãy trở về xứ sở với con gái của anh đi, Rahman ạ! Tôi mong rằng cái hạnh phúc anh được gặp lại con gái của anh, sẽ mang điều may mắn đến cho con gái tôi.

Biểu anh ta số tiền ấy, tôi phải tiết giảm bớt một vài chi tiết trong ngày lễ. Tôi không có thể mắc đèn điện quanh nhà như đã dự định, mà cũng không có giàn nhạc nhà binh khiến các bà trong nhà đã phải thất vọng nhiều. Nhưng đối với tôi, bữa tiệc cưới được tươi sáng hơn lên, vì tôi nghĩ

rằng, tại một miền đất xa xôi kia, có một người cha vắng mặt đã lâu, nay được gặp lại đứa con gái độc nhất của mình.

CÔ PHIPHI

Michelle Maurois – Trữ Vũ dịch

– Ông hãy nói lại với Lardet rằng hắn là một thằng ngu!

Tôi mong rằng sẽ không ai nhắc đến hắn với tôi nữa!

– Thưa ông Bộ trưởng, vâng.

– Và cô Solange phải viết lại tất cả những thư từ này: tôi không bao giờ ký tên dưới những bức thư đầy lỗi chính tả như thế.

– Thưa ông Bộ trưởng, vâng.

– Ông không thể ủi lại bộ đồ của ông sao, ông Thiénot?

Tôi không thích có một viên thư ký mặc một chiếc quần nhẵn nhúm như ruột gà chút nào cả.

– Thưa ông Bộ trưởng, tôi xin lỗi, nhưng ở nhà tôi lúc này không có ai lo việc nhà cho tôi cả... Vợ tôi bệnh.

– Việc ấy không dính dáng gì đến tôi; hãy tự thu xếp lấy làm sao cho có một bộ đồ đàng hoàng.

Viên thư ký trẻ tuổi cúi đầu và bước ra ngoài.

Thật là địa ngục. Tất cả mọi người đối đáp với ông, tất cả mọi người dám chống trả với ông, vị bộ trưởng của Bộ tài chính. Ông thừa biết cách uốn nắn bọn người này, bẻ gập họ xuống. Ông lượng chừng bề dày của tập hồ sơ. Còn phải xem xét tất cả những thứ đó... Bây giờ là mấy giờ rồi? Ông ném một cái nhìn lên chiếc đồng hồ treo. Năm giờ hai mươi. Vị bộ trưởng đứng vụt dậy, nhìn vào tấm kiếng, xốc lại vai áo, sửa lại cà-vạt, và rút chiếc lược trong túi ra, cẩn thận vạch lại một đường ngôi tưởng tượng trên nhúm tóc xám lơ thơ nằm trên chiếc trán sỏi màu hồng và mỉm cười một cách vui thỏa. Ông tự nhủ: "Với cái tuổi năm mươi sáu, nước da mình thực là tốt chứ chẳng không". Ông bấm chuông:

– Lấy mũ và áo choàng cho tôi! Mau lên!

Viên thư ký bước vào:

– Nhưng, thưa ông Bộ trưởng, còn có một vấn đề khẩn cấp cần ông giải quyết. Sáng mai phải trả lời cho nhóm...

– Tôi không có thì giờ.

– Nhưng mà... – viên thư ký cố nài.

– Chào ông!

Onésime Lebret vừa đi vừa chạy xuống bậc thềm và nhảy vào xe hơi nhà.

Ông bảo viên tài xế:

– Đến Đường Saint Louis.

Người gác cửa nói với một nhân viên:

– Tất cả những ngày thứ tư đều như thế đấy: chắc hẳn đây là ngày của gà mái ông. Những buổi chiều khác, bảy tám giờ tối ông mới ra sở, riêng ngày thứ tư, ông chuồn vào lúc năm giờ rưỡi.

Chiếc xe hơi dừng bánh trước một căn nhà xưa cũ trên một con đường hẹp. Vị bộ trưởng nhảy gấp lên hai tầng thang và bấm chuông. Ông giờ mũ. Một người đàn bà có tuổi mở cửa.

Onésime nói:

– Tôi có thể gặp cô tôi không?

– Xin ông vui lòng ngồi đợi ở phòng ăn, tôi sẽ vào thưa với bà, xem bà có thể tiếp ông không.

Onésime Lebret rón rén đi vào, ngồi trên một chiếc ghế đầu nệm theo kiểu Louis XIII và nhìn chung quanh. Trên tường dường như không có một khoảng trống nào cả: từ trên chí dưới kín mít những là hình ảnh, những là đĩa. Không biết làm thế nào mà quét dọn cho căn phòng này? Ấy thế mà con mắt người không thể tìm ra một hạt bụi nào cả!

Cái chậu trồng hoa cảnh bằng sứ ở Rouen đặt trên chiếc bàn trải khăn đỏ này ngày xưa ở nơi nhà bà nội của Onésime. Cô Phiphi, chị của cha ông, đã được thừa hưởng nó. Ngày Onésime còn bé, ông đi hái ngọc-trâm-hoa

ngoài đồng, kết thành một bó đặt vào cái chậu này để đem đến cho bà nội một sự ngạc nhiên. Bà cụ thường nói bằng một giọng êm như hát: "Bà cuộc rằng lần này cũng là thằng bé Onésime đã cưng bà". Giờ đây, ông còn như nghe thấy tiếng bà cụ.

Và chiếc đĩa được trang hoàng bằng những hình chim đủ màu này! Quanh những chiếc bánh ngọt đặt giữa đĩa, là những hình chim lông sặc sỡ. Thứ bánh ngọt mà Onésime rất thích ăn này, tên nó là gì? Bánh Verviera. Người ta thấy trong bánh là hạnh nhân, là vỏ chanh và cả những miếng đường để nguyên cục lẫn trong bột. Vào thời ấy, bà nội đã mượn một bà bếp người Bỉ. Và đây là cái chén bạc mà ông nội đã dành trong ngày chủ nhật, cho đứa cháu nào đứng đầu lớp trong tuần, và với chén bạc ấy, quyền uống rượu vang. Onésime đứng lên và mân mê chiếc chén bạc; ông không thường được hưởng nó. Ông luôn luôn đứng hạng chót ở trường trung học. Ông nội thường nói: "Mai sau thằng bé này sẽ làm nên gì được?" Nếu ông cụ còn sống và nhìn thấy bây giờ! Bộ trưởng! Bộ trưởng Bộ Tài-chánh! Cả cha ông cũng không nhìn thấy ông. May mắn làm sao, cô Phiphi còn sống! Nhưng tại sao bà bắt ông đợi lâu như thế này?

Và đây, bức tranh lớn khổ, vẽ rất xoàng xĩnh, hình của hai vợ chồng cô Phiphi lúc mới cưới; mặc dù đôi môi quá mỏng, trông cô Phiphi rất xinh đẹp; nhưng nơi mặt cô đã hiện ra cái vẻ nghiêm khắc mà tuổi già đã tô đậm thêm.

Cuối cùng Onésime được dẫn đến bên bà cụ. Bà ngồi trên một chiếc ghế "phô-tơ", dáng cứng đờ trong chiếc áo thêu dài, tóc bà gỡ lên trán thành một riềm màu trắng pha xanh, mặt bà thoa phấn và hai tay bà mang nhiều nhẫn. Lúc nào Onésime cũng chỉ thấy bà ngồi ở chỗ này, ít ra cũng từ mười lăm năm nay. Bà còn đi đứng được không? Người ta không biết được. Bà không còn đi ra ngoài nữa.

Vừa đưa tay cho cháu hôn, cô Phiphi vừa nói:

– Chiếc cà-vạt gì mà kinh khủng thế! Nếu mày muốn mang nó cho trẻ người ra, thì chưa chắc! Onésime, cháu thật không có khiếu mỹ thuật!

– Đây là của người ta tặng cháu mà, cô Phiphi... – Mà cũng chưa biết được rằng khi người ta nhận được một chiếc cà-vạt tặng, người ta phải mau mau đem cho một người khác.

– Thưa cô, cô thấy khỏe không ạ?

– Tệ lắm... Nhưng mà chuyện ấy không quan trọng vì mày đâu có lưu tâm đến sức khỏe của cô!

Onésime đáp bằng một giọng khỗ sở.

– Thưa cô, trái lại, cô hiểu rằng cháu lưu tâm sức khỏe của cô đến mực nào...

– Vào cái tuổi tám mươi chín, ít người được khỏe như cô lắm!

Onésime giật mình. Tám mươi chín tuổi.

– Thôi bỏ qua chuyện đó, –bà cụ nói.

– Hôm qua, mấy cháu ở nhà đến hầu thăm cô...

– Ủ. Hẳn là mày đã hứa thưởng cho chúng nó! Ủ, cô đã gặp thằng con trai của mày...thằng con trai sắc sảo của mày! Nó chẳng hề biết Laniel là ai, nhưng nó lại thuộc lòng những điệu vũ mới! Còn về phần con em thì sơn móng tay đỏ, thì nhuộm tóc; mười sáu tuổi mà có dáng điệu của một con đàn bà hư hỏng... Giáo dục hay lắm! Nếu cha mày còn sống để mà nhìn những đứa cháu nội của ông như thế!... Còn con vợ mày...

– Cô Phiphi!

– Không cô Phiphi Phapha gì cả! Con vợ mày quả không phải là người vợ đảm đang của gia đình! Có phải mấy đứa nhỏ đã nói thật đấy không? Rằng mày tính để cho chúng nó đi thể thao mùa đông một mình? Đi một mình với ai? Với những đứa mà không ai biết mặt mũi ra làm sao cả!

– Thưa cô, đấy là bọn bạn đồng lớp của chúng đấy ạ.

– Bọn bạn đồng lớp! Nếu mà chúng nó theo học một trường đạo, thì họa may chúng nó còn có những dây liên lạc tốt! Onésime, mày không nên cho mấy đứa nhỏ lên núi một mình không người giám thị như thế. Mày phải cấm chúng nó trong cuộc du lịch thể thao này...

– Nhưng thưa cô, cháu đã hứa với chúng nó rồi. Chúng nó đi một đoàn mười hai đứa; tất cả nhóm bạn của chúng đều sẽ đi trượt tuyết... Bác sĩ nói môn thể thao ấy có lợi cho sức khỏe của chúng...

– Có lợi cho chúng! Thế người ta có cho mày đi thể thao mùa đông không? Onésime, mày đẩy các con mày đi đến chỗ sa đọa đến thế, thật là khủng khiếp.

Vị Bộ trưởng xem chừng rất ngỡ ngàng, cắn cái. Bà nói tiếp:

– Con gái mày, một mình trên núi với bọn phóng đãng...

Bà cụ nhìn xăm xoi vào mặt người cháu. "Đôi mắt đen của ông nội", Onésime nhủ thầm; ông cảm thấy mình là một trẻ thơ và ông run lên. Điều ấy đối với ông vừa khó chịu vừa thích thú. Giờ đây, ông trở thành yếu đuối không sức lực như xưa. Hết bộ hết nha, hết trách nhiệm. Một lần nữa, ông lại trở thành cậu bé Onésime, bị cô Philomène trách phạt. Năm tháng chưa hề trôi qua, ông vẫn còn giữ nguyên mái tóc xanh trên đầu, ông không phải là chủ gia đình, với ngàn nỗi khó khăn đòi hỏi giải quyết, với một tá người trông cậy nơi ông. Ông cảm thấy bất bình vì bị đãi ngộ nặng nề, song ông lại cảm nhận một niềm hãi sợ tuyệt thú vì sự ngược đãi kia. Vâng, ông vẫn còn là một đứa trẻ con đang bị người lớn làm cho khiếp đảm; và người độc nhất trên đời có thể làm cho ông trở thành như thế, đấy là cô Phiphi. Ông nhìn bà cụ với niềm biết ơn trong mắt.

Cuối cùng ông nói:

– Thưa cô vâng ạ. Cháu sẽ cấm không cho bọn nhỏ đi.

Đôi mắt của bà cụ dịu lại. Và dường như đôi môi của bà phát một nụ cười mỉm; nhưng việc ấy không xảy ra lâu.

Cái bóng người với mái tóc màu tro vừa mở cửa đã bước đến với một chiếc khay đựng hai tách nước. Cô Phiphi cầm lấy một tách và chỉ tay vào người cháu:

– Đưa tách trà hoa cúc cho ông Onésime.

Onésime ghét món trà hoa cúc lạt lẽo này làm sao. Nhưng đã từ non bốn mươi năm nay, mỗi tuần lễ ông vẫn phải uống nó một lần ở nhà bà cô mà

ông không hề dám thú nhận là mình ghét nó.

– Cô Phiphi, cô còn bánh ngọt Verviers không? Cháu thích ăn món bánh ngọt ấy lắm.

Cô Phiphi đáp bằng một giọng dịu dàng:

– Thứ tư tuần tới cháu sẽ được ăn.

Nhưng bà cô đã lấy lại giọng nói thường ngày để hỏi ông cháu:

– Con vợ mày hiện đang lo những công việc quan trọng gì? Đã từ hai tháng nay cô không thấy mặt nó.

– Dạ, nó bận việc lắm...

– Bận việc. Việc gì thế? Việc ngồi lê nói mách với một lũ vẹt máy...

– Vợ cháu, ở địa vị của cháu, nó có rất nhiều bổn phận... Và nó phải đi công việc luôn.

– Đi công việc! Trong thời buổi này, người ta hiểu câu ấy có nghĩa là gì!... Từ mười lăm năm nay cô không hề bước chân ra khỏi nhà, vậy mà nhà cô chắc chắn là đang hoàng hơn nhà mày! Mày thật là nhẹ dạ quá, cháu Onésime tội nghiệp của cô ạ!

– Lễ Giáng sinh sắp đến. Cần phải sắm nhiều tặng vật...

– Mày định tặng món gì cho vợ mày đầu năm mới sắp đến này?

– Dạ, vợ cháu nó mong có một chiếc vòng vàng đã lâu. Tuần vừa rồi nó đã tìm được một chiếc như ý. Cháu sẽ đi xem thử.

– Mày điên rồi! Thực là quá đáng, đối với dịp Tân niên... Còn tương lai, mày không nghĩ đến à? Nếu cha mày cũng ném tiền qua cửa sổ như mày, bây giờ mày đâu có được như thế này. Mỗi khi cô nghĩ đến việc người ta đã giao tài chánh của nước Pháp cho mày...

Bà cụ nhìn Onésime từ đầu đến chân với một vẻ ác cảm, đoạn lắc đầu:

– Mày đã mập ra, Onésime ạ. Kìa, chiếc áo "gilê" của mày, mày đã không thể gài được cái nút chót! Mày không hề tập thể thao đều; mày phải tập thể dục mỗi buổi sáng và không được uống một giọt rượu nào cả.

- Thưa cô, vâng ạ.
- Mà biết rằng con Charlotte nó bị gãy chân và hiện đang được bó thạch cao... Cô nhớ rằng cô đã nói chuyện ấy với mày từ thứ tư tuần trước...
- Dạ, cháu nhớ. Bây giờ chị ấy đã khá chưa, thưa cô?
- Cô nhớ cô đã xin mày đến thăm nó...
- Nhưng thưa cô, cháu không có thì giờ...cháu bận việc lắm... Nhiệm vụ của cháu... Dù sao, cháu cũng là...
- Cô biết: mày là bộ trưởng. Mà rồi làm sao kia chứ? Nếu mày là "xếp" thì mày tự cho mày nghỉ, có thể thôi. Cháu ạ, mày phải tự dàn xếp lấy... Cô đã viết thư báo tin cho nó biết là mày sẽ đến thăm nó, cuối tuần này mày sẽ đến thăm nó. Đấy, lòng biết ơn là như thế đấy! Khi mày còn bé, Chủ nhật nào con Charlotte cũng dẫn mày vào vườn Bách thảo...
- Cháu rất ghét thú vật. Đấy là những kỷ niệm xấu nhất thời tuổi thơ của cháu. Có một lần, chị ấy đã đặt cháu lên lưng một con lạc đà và nó đã vùng lên...
- Đừng cãi gì cả.
- Lúc này, cháu rất bận việc ở bộ...
- À, phải, cô có đọc bài diễn văn mà mày đã đọc ở Clermont Ferrand. Thật là không đầu không đuôi. Ai viết đấy?
- Dạ cháu!
- Lẽ ra cô phải nhận ra cái giọng văn mà mày đã dùng trong những bài luận văn. Pháp văn của mày ấy! Nếu cha mày mà được đọc, ông ấy phải đội mồ mà trở về!...
- Bà cụ đã dùng hết tách trà hoa cúc của bà. Bà đặt tách xuống một chiếc ghế đẩu và nhìn Onésime bằng đôi mắt đe dọa:
 - Mày có biết rằng thằng cháu Marcel của cô đã bị đuổi ra khỏi sở làm không?
 - Ai kia ạ?
 - Thằng con trai của con Berthe, cháu gái của dượng mày.

– À, vâng.

– Mẹ nó đã bị chết vì bệnh thương hàn.

– Dạ phải.

– Marcel là công chức từ mười hai năm nay; nó có một vợ hai con và dùng một cái người ta bảo phải có ít nhất mười lăm năm phục vụ mới được lưu nhiệm. Quyết định của chính phủ, dường như vậy. Thế nghĩa là gì? Người ta định đuổi tất cả những người nào làm việc dưới mười lăm năm à?

– Dạ phải, Ủy ban ngân sách đã quyết định như thế. Ngân sách không dự phòng rằng...

– Các người đã tiêu tiền một cách ngu xuẩn! Hôm trước cô được biết rằng mà đã đến Bordeaux với ông Tổng thống bằng chuyến xe lửa đặc biệt. Tại sao các người lại không thể đi một chuyến xe lửa thường như tất cả mọi người? Như thế có phải là tiết kiệm được nhiều không? Nhưng không, trong lúc có những người chết đói...

– Nhưng thưa cô...

– Mà đi bộ đến đây à?

– Dạ không, bằng xe nhà.

– Phải, cố nhiên. Mà xem đó là sự thường, trong lúc còn xe "mê trô" đấy!

Cô Phiphi khịt mũi một cách giận dữ và nói:

– Người ta không có quyền thái hời những người đã làm việc cho họ từ mười hai năm nay!

– Trong khi đó nhà nước cần phải...

– Mà làm tao mệt với cái nhà nước của mà! Nhà nước là một chuyện, luân lý lại là một chuyện khác. Khi cô nghĩ đến thằng Marcel khốn khổ, mười hai năm tận tụy phục vụ... Nó có một đứa con còn chưa dứt sữa. Nó có một gia đình!

– Cô Phiphi, cháu không thể làm gì được cả. Nếu mình ngả về chính sách my dân, phái tả sẽ chống lại mình: chính phủ có thể bị sụp đổ...

– Thì nó cứ đổ đi! Có phải là lần thứ nhất đâu! Nếu mà không đủ sức làm cho mọi người tôn trọng ý kiến của mà, thì mà làm bộ trưởng làm gì cho mệt!

– Cháu đồng ý với cô, nhưng phe của cháu chủ trương một mức tối thiểu là mười lăm năm.

– Phe của mà...đảng của mà... Nếu mà là một người, mà phải nói cho họ biết những gì mà nghĩ trong đầu!

– Cô Phiphi, cô không hiểu rằng nếu mình phá hủy sự thăng bằng ngân sách thì chính phủ sẽ không tồn tại được hay sao?

– Thì người ta sẽ lập lại một chính phủ khác!

– Thưa cô, tất cả những chuyện ấy không giản dị như cô tưởng đâu.

– Onésime, cô cho mà biết trước, nếu mà hy sinh Marcel thì mà khỏi nhọc công trở lại đây nữa! Thật đáng xấu hổ! Cô lấy làm bằng lòng khi cha mà và ông nội mà đã khỏi phải nhìn thấy chuyện này. Mà suy nghĩ lại đi... Onésime, thôi chào cháu.

– Dạ, chào cô. Onésime ngờ ngàng bước ra cửa, đầu cúi thấp. Có thể đây sẽ là lần thăm viếng cuối cùng của ông. Có thể cô Phiphi sẽ từ chối không tiếp ông nữa, dám lắm. Bà lúc nào cũng tỏ ra lấn áp, nhưng lần này, bà làm quá. Dù sao, ông cũng không thể vì bà cụ này mà làm đổ cả chính phủ! Ông sẽ bế nôi gạo, chưa kể đến những hậu quả tai hại cho xứ sở!

Ông trở về nhà và vừa lúc ông vặn chìa khóa cửa, ông bỗng nảy sinh ý muốn thực thi quyền hành.

Cô con gái bước ra đón ông. Đây là một thiếu nữ xinh đẹp mười sáu tuổi, tóc bạch kim, với một màu đỏ khả nghi trên môi, một mớ tóc trước trán nhạt màu hơn toàn thể mái tóc của nàng.

Ông bố hỏi:

– Thế này là nghĩa lý gì? Với cái tuổi của cô mà đã nhuộm tóc, đã thoa son à?

– Nhưng thưa cha, mái tóc của con có màu này từ sáu tháng rồi... Cha có nói gì đâu. Đây là kiểu thời trang mà.

– Con đã trang điểm như thế thì con sẽ không được đi thể thao mùa đông nữa!

– Ô, thưa cha, cha đã hứa với con từ ngày nhập học...

– Với một bộ dạng như thế này, cha không thể cho con đi một mình được!

– Anh con sẽ cùng đi với con.

– Cái thằng phóng đãng ấy.

Vị bộ trưởng rảo bước vào phòng cậu con trai, một chàng thanh niên với đôi vai rộng.

Ông bố quát lên:

– Mà đang làm gì đấy?

– Dạ, con đang tập thể thao.

– Tập thể thao! Cha có một cậu con lực sĩ! Mà hãy trả lời cho cha biết Laniel là ai?

– Cả cha nữa!

– Cả cha nữa là sao?

– Hôm qua bà Phiphi cũng đã hỏi con câu ấy.

– Như vậy chắc mà đã biết rồi?

– Dạ không. Thưa cha, đây là ai?

– Không phải cha sẽ nói cho mà biết. Cha đặt cho mà một câu hỏi. Đừng đảo ngược lại địa vị.

– Thưa cha, nhưng con không biết. Cha muốn sao bây giờ? Cả bà Phiphi cũng không muốn dạy cho con biết nữa. Không có một lý do nào để con phải đoán ra cả.

– Cha không bảo mà nói khôi hài đâu. Vì mà đã dám dùng cái giọng ấy với cha, mà sẽ không được đi thể thao mùa đông nữa!

– Thừa cha...

– Không được cãi gì cả.

Onésime bước ra khỏi phòng con với vẻ uy quyền và bước vào văn phòng của ông. Ông đụng đầu bà vợ vừa đi phố về, trên tay mang đầy những hộp đồ.

Ông chồng nói:

– Giờ này bà mới về à?

– Nhưng mọi hôm ông có về sớm như thế này đâu?

– Bà đi những đâu?

– Tôi đấy à? Tôi đi phố xem hàng.

– Đi phố xem hàng.

– Vâng, tôi vừa đến xem lại chiếc vòng vàng mà tôi đã thừa với ông.

– Không có chuyện ấy nữa!

– Kìa! Chính ông đã bảo tôi... – Không, không phải lúc này. Tôi đã đổi ý kiến.

Bà vợ đáp, vẻ lạnh lùng:

– Thế thì thôi.

Vị bộ trưởng nói:

– Tôi muốn dùng cơm ngay bây giờ. Tôi không đủ thì giờ để lãng phí. Rõ ràng là các người đã quên lúc này tôi có nhiều trách nhiệm nặng nề.

Bà Onésime không đáp và rút lui vào phòng. Bà đóng cửa văn phòng thật mạnh.

Sáng hôm sau, trong buổi họp của nhóm ông, vấn đề công chức lại được đặt ra. Onésime giải thích rằng cần phải rút thời hạn thâm niên phục vụ lại mười hai năm. Sự thái hời hững viên chức dưới mười lăm năm quả là một giải pháp nặng nề làm tổn thương quá nhiều người. Ý kiến này làm ngạc nhiên mọi người. Không ai đồng ý với ông bộ trưởng, mỗi người đều đưa ra những lý lẽ phản đối. Onésime cảm thấy nguy cơ. Một đôi lần, ông đã

tính nhượng bộ, nhưng cô Phiphi hiện ra trước mặt ông; ông nghe thấy tiếng kêu leng keng của đôi hoa tai bà: ông mới mười tuổi và không dám bất tuân lời; ông sẽ bị trừng phạt, ông sẽ không được ăn bánh ngọt Vervicers. Ông tỏ ra thật hùng hồn đến nỗi đã thuyết phục được đa số của nhóm ông. Một hội viên nói với ông:

– Chúng ta sẽ không được nghe theo đâu. Hạ Viện cần một ngân sách thẳng băng. Chính phủ sẽ đổ.

Onésime đáp:

– Điều ấy sẽ làm kiên cố thêm địa vị của chúng ta trên quan điểm tranh cử.

Chiều hôm ấy, ở Hạ Viện, khi ông đứng lên, không phải đây là Onésime đang nói nữa, mà là cô Phiphi ở trong ông. Ông diễn thuyết những lời trái với điều mọi người mong đợi. Những người theo dõi ông không nhận ra ông nữa. Trong suốt buổi nói chuyện ông nhìn các bạn đồng sự với đôi mắt chằm chọc của bà cô, mỉm cười những nụ cười ngạo nghễ cay chua của bà cô.

Mọi người bỏ thăm và chính phủ bị đổ đúng như Onésime đã tiên liệu. Báo chí sáng hôm sau chạy những "tít" lớn: "Sự sụp đổ của chính phủ. Ảnh hưởng lan đến ngoại quốc. Diễn văn bất ngờ của ông Onésime Lebret!"

Thứ tư tuần sau, khi Onésime đến thăm bà cô của ông, bà đã bắt ông đợi lâu hơn thường lệ.

Ông đã hy vọng mơ hồ những lời cảm ơn cảm động. Không một lời! Ông không dám lên tiếng trước để nói về cái thái độ anh hùng mà ông đã bày tỏ để làm vừa lòng bà cụ. Ông không hề nhắc đến vấn đề Marcel, vấn đề Bộ, vấn đề bánh ngọt Verviers.

Cô Phiphi bàn bạc dài dòng về việc bán một sản nghiệp gia đình...

Onésime nói:

– Nhưng thưa cô, cháu không muốn bán. Một nửa sản nghiệp ấy là của cháu...

Cô Phiphi ngắt lời ông:

– Im đi! Mà không hề biết chút gì về công chuyện làm ăn. Đến nỗi người ta đã không thể giữ mà lại trong chính phủ!

VÒNG TRÒN THẬP TỰ

Paul Tabori – Văn Hòa dịch

Tôi đã hôn nàng và tưởng chừng như được lên thiên đường. Hai tay nàng quấn lấy cổ tôi và tôi cảm nghe từ thân thể nàng tiết ra một làn hương tinh khiết, thanh tân. Đôi mắt nàng khẽ nhắm lại, làn tóc nâu sẫm bao quanh khuôn mặt thanh tú. "Margo!" tôi thì thầm, miệng không rời khỏi đôi môi nàng. Nàng đã không nghe gì cả. Cũng như mọi lần trước, những ngón tay của nàng, những ngón tay của bàn tay mặt cử động. Trên gáy tôi, nàng đã vẽ một vòng tròn có hình thập tự. Tôi cảm thấy ngón tay trở của nàng khẽ di động và thế rồi, hai đường mịn màng bắt chéo lại với nhau. Tôi run lên, làn tóc ngắn trên cổ tôi rung lên. Tôi hy vọng lần này sẽ khác. Tôi đã mua chiếc nhẫn, giấy phép cưới vợ đã có sẵn trong túi tôi. Tôi đã kiếm căn nhà ấy trong làng, tại đó, chúng tôi đã ở và đi săn trong sáu tháng. "Margo!" tôi khẽ kêu lên và đẩy nàng ra. Đôi mắt nàng mở lớn, màu nâu, mướt như nhung. Tôi ngồi xuống giường và châm một điếu thuốc.

"Thật bực mình!" tôi lẩm bẩm.

Mặt nàng khẽ nhăn lại, dường như sắp khóc. Tôi nghĩ, ước gì mình có thể tìm được sau lần trán trắng ngần kia, những nỗi niềm phức tạp của tâm hồn nàng.

Đôi khi tôi có cảm giác rằng, một cái đục hoặc một cái búa, có thể làm được điều ấy. Phải, đôi khi tôi chán ghét nàng bởi vì cái vòng tròn và cái hình thập tự mà nàng đã vẽ ra trên làn da cổ tôi khi tôi hôn nàng. Tôi không dạy nàng làm cái dấu ấy. Tôi không biết nó có nghĩa gì. Nó tùy thuộc quá khứ của nàng, mà quá khứ của nàng thì lại lệ thuộc vào người đàn ông khác.

Thoạt tiên, tôi chống trả kịch liệt với một cảm giác kỳ lạ. Một hình ma đã đi ngang qua trên nấm mồ tình ái của chúng tôi. Tôi thầm nhủ, đừng có gặp điều rủi ro, bất hạnh. Đã có một người nào khác trong cuộc sống của

mọi người. Nhưng tôi cảm thấy có lỗi, bởi vì nàng đã không đến với tôi như những người đàn bà khác đã đi vào cuộc đời tôi. Chúng tôi chuyển dịch trong những vòng đời khác nhau. Nàng là một nghệ sĩ trẻ đang lên, còn tôi, tôi là một ký giả, không xuất sắc nhưng có khả năng. Lần đầu tiên khi tôi gặp nàng đang trình diễn trong một hí viện nhỏ tại Vermont, thì tôi trở nên nôn nóng một cách tuyệt vọng. Tôi đã nghỉ hè ở đấy hai tuần lễ, rượu chè, bài học đã bắt đầu làm cho tôi chán nản, và gia đình Barker đã phải kéo tôi đến xem buổi trình diễn kịch nghệ đêm thứ tư. Nàng chỉ tham gia một phần nhỏ, nhưng là cái đỉnh của đêm trình diễn ấy, làm lu mờ cả ngôi sao kịch nghệ Vera Verloyne. Tôi không nhớ rõ vở kịch ra sao, điều đó không quan trọng, tôi chăm chú nhìn nàng và nỗi đau khổ ước muốn nàng bùng dậy trong lòng tôi như nỗi giày vò của sự đói và khát; sự đau khổ bất ngờ của một vết thương nào đấy mà tôi không thể nhận ra được.

Vì thiếu kiên nhẫn, mới sáng tinh sương tôi đã mon men đến trước ngôi nhà nàng trọ; và vì không nén được khổ đau, tôi tiến vào căn phòng trang điểm nhỏ của nàng và bắt đầu tán tỉnh, mời được nàng đi dùng cơm tối với tôi. Tôi chỉ còn lại một tuần lễ, vì thế tôi cảm thấy rằng nếu tôi để phí mất một giờ, thì mọi sự sẽ trở nên quá muộn. Lúc bảy giờ nàng sống rất bình lặng, ẩn dật, như một con người phiền muộn, đau khổ, không còn tin tưởng vào thế giới bên ngoài. Tôi hết nản nỉ đến dọa dẫm nàng để được nàng ban bố chút tình yêu. Nhưng khi tôi thành công, khi những lời nài nỉ van xin của tôi đã thâm lượm được kết quả, thì tôi lại không tin tưởng vào sự may mắn lớn lao của mình. Lòng không tin tưởng dẫn đến sự nghi ngờ. Không chỉ ghen tuông mà thôi, tôi còn nuôi dưỡng một sự tò mò thô tục về tất cả mọi chi tiết riêng tư về quá khứ cũng như hiện tại của đời nàng. Trong khu phòng bé nhỏ của nàng, tôi lục xét tất cả sách vở, áo quần, tranh ảnh của nàng. Nàng rất nhân nhượng, từ tốn. Nàng không bao giờ từ chối tôi bất cứ điều gì. Khi tôi ngỏ lời xin cưới nàng, nàng chấp nhận ngay và gật đầu xem đề nghị của tôi như là một hành động xác nhận sự ước muốn bền bỉ nào đó mà nàng đã nghi ngờ.

Nàng đã nói với tôi, tất cả, ít nhất là tôi đã nghĩ như thế; tất cả, ngoại trừ cái hình tượng điên rồ ấy, và ý nghĩa của nó. Đến nỗi nó đã làm cho tôi không dám hôn nàng trong nhiều tuần; và mỗi khi hôn nàng thì tôi lo lắng, không hiểu lần này nàng có quên cái việc ấy đi không. Thỉnh thoảng nàng có quên thật, nhưng mỗi lần như thế, thân thể nàng trở nên thiếu mềm mại và đôi môi nàng đón nhận chiếc hôn của tôi một cách thiếu nồng nàn.

– Margo, em hãy nói cho anh biết. Anh van em. Nói ra thì nó có vẻ điên rồ, anh biết thế. Nhưng anh muốn cuộc hôn nhân của chúng ta bắt đầu một cách xuôi thuận. Nàng cầm lấy hai bàn tay tôi, ngồi xuống một cách gọn gàng; nạn nhân đang chờ đợi búa rìu.

– Nhưng có gì cần nói đâu anh...

– Em cho rằng không có gì cần nói cả. Nhưng nó đã làm cho anh phát điên lên được. Hẳn ta là ai?

Và lần này nàng bật khóc thật sự. Những giọt nước mắt của một nỗi tuyệt vọng âm thầm. Nàng nói:

– Nhưng nó có tạo nên điều gì khác biệt đâu...

– Anh chỉ muốn biết, thế thôi. Rồi đâu sẽ vào đấy cả. Anh hứa. Ngay cả nếu...

– Từ năm năm nay em không gặp anh ấy.

Tôi giật nảy người lên vì câu thú nhận này.

– Vậy là có một người nào đó. Tôi biết. Và hẳn...hẳn nghĩ rằng em nên ở lại với hẳn. Nếu không thì...

Nàng ngược nhìn tôi; đôi mắt mờ lệ, hoài nghi.

– Hẳn ta đã dạy em... cái hình tượng ấy? – tôi tiếp – Cái người đàn ông đã làm cho em bây giờ hoàn toàn vô ý thức mỗi khi anh hôn em. Bất cứ lúc nào anh hôn em, – tôi nhấn mạnh, và tự lao mình vào một cơn giận dữ điên cuồng – Năm ngày hoặc năm năm, khác nhau cái gì? Em vẫn còn thuộc về hẳn ta. Làm sao chúng ta có thể lấy nhau được nếu cái hồn ma kia vẫn còn

ngự trị giữa hai chúng ta, dường như hình ảnh hăn ta đã ăn sâu vào tâm khảm em, đến nỗi em không có thể từ chối hăn...

Không, không phải thế, – nàng thều thào, đôi môi run rẩy. – Không, không phải như thế anh ạ. Em đã hai mươi sáu tuổi rồi. Dick, anh có nghĩ rằng em đã bước vào cuộc đời với một cái áo giáp sắt? Anh ấy...em đã gặp anh ấy khi em vừa mới tới Broadway. Anh ấy già hơn em nhiều lắm, ảnh tử tế và không có gì ràng buộc lòng tử tế của anh cả. Nhưng không bao giờ anh ấy xem em là quan trọng. Có một người nào khác – em cảm thấy như có một người nào khác. Anh ấy có vẻ như đang tìm kiếm một người nào đó trong mọi đám đông, lắng nghe một tiếng nói. Cái hình tượng bé nhỏ này – anh ấy không bao giờ nói cho em biết nó có ý nghĩa gì. Nó chỉ là một bí mật tức cười, nó nối liền chúng em lại với nhau. Cho đến một đêm nọ anh ấy đến phòng thay áo của em – Lúc bấy giờ em đang trình diễn một phần nhỏ như thường lệ – và rất lịch sự, anh ấy nói với em rằng, mọi sự xem như chấm dứt.

– Hăn ta đã tìm ra người đàn bà ấy à? – Tôi hỏi, lòng vẫn còn xung giận nhưng đã dịu bớt. – Cái người đàn bà mà hăn ta đã tìm kiếm mãi ấy?

Margo lắc đầu.

– Em không biết. Anh ấy đã nói một cái gì hoàn toàn khác biệt. Ảnh nói, ảnh đã mất cô ta.

– Nhưng điều đó không có nghĩa gì cả! Đó không phải là vấn đề – Chắc là hăn điên. Và anh vẫn hoàn toàn không tin em. Anh phải làm cho sáng tỏ. Cứng ơ! Xin em hiểu cho anh, anh phải làm cho ra lẽ. Nếu em nói cho anh biết tên hăn ta và anh...

Chúng tôi đã cãi vã nhau và cấu xé nhau một hồi. Đó không phải là điều vinh dự gì, nhưng tôi đã qua khỏi giai đoạn phải giữ gìn. Cuối cùng, nàng nhượng bộ. Nàng nói cho tôi biết tên của cái văn phòng Cố vấn Pháp luật, nơi hăn ta đang làm việc trong thời gian nàng gặp hăn. Nàng không muốn nói và cũng không có thể nói nhiều hơn. Nhưng thế là đủ.

Tên của hắn ta ghi ở bên ngoài cửa văn phòng, hàng thứ hai. Paul Lancaster, với một dòng chữ về số vốn doanh nghiệp đằng sau. Tôi không biết chúng có nghĩa gì, nhưng chúng có tác dụng làm cho ta cảm xúc. Hắn ta còn bắt tôi chờ đợi nữa chứ. Có một đôi thanh niên nam nữ đánh máy trong một căn phòng nhỏ, nơi tôi đang ngồi đợi. Thỉnh thoảng họ nhìn tôi, cười một cách sượng. Tôi chỉ muốn bước nhanh ra ngoài, nhưng tôi làm sao có thể đi được khi tôi đã phải bỏ ra cả một tuần lễ để tìm kiếm hắn. Lancaster đã không gặp Margo từ 5 năm nay. Tôi băn khoăn không biết điều đó có đúng hay không. Tôi tự hỏi...

Lúc bấy giờ một cô gái cao lớn, lạnh lùng bước ra và nói rằng ông Lancaster có thể tiếp tôi ngay, nhưng theo lệ thường ông không tiếp các nhà báo. Và lúc bấy giờ tôi nhớ lại rằng, đây là một văn phòng chuyên môn về các vụ tố tụng đại hình, rằng thỉnh thoảng họ xuất hiện trên hàng đầu báo chí, và hắn ta hẳn phải là một nhân vận quan trọng. Điều đó không phải là vấn đề. Chỉ có điều có thể là hắn sẽ thận trọng, làm ra vẻ điềm tĩnh. Nhưng tôi đã không là người từng thực hiện năm trăm lần phỏng vấn nổi danh và được thiên hạ biết tiếng là gì. Tôi có thể chấp nhận.

Nhưng khi tôi bước qua ngưỡng cửa vào trong căn phòng rộng có treo bảng bồi thẩm danh biểu, nhiều sách vở và một cái bàn lớn bóng loáng, tôi đã bị một võ bất ngờ. Tôi đã chờ đợi một ông già hảo ngọt, một người đàn ông lớn tuổi thừa tiền bao gái. Paul Lancaster khoảng chừng năm mươi tuổi, không đẹp trai nhưng bộc trực một cách dễ chịu, nói một cách khác, hắn ta không phải là một người dễ gạt mà cũng không phải là một người có thể lợi dụng bất cứ ai. Tôi tự hào về việc xét đoán con người ngay vào lúc gặp mặt đầu tiên. Cây vợt hạng trung của tôi rất ngoạn mục trong trận tranh đua này.

Hắn ta xoay xoay tấm danh thiếp của tôi trong tay, vẻ suy nghĩ, nói:

– Thưa ông Dixon, nếu ông muốn nói chuyện về trường hợp của Grandini thì tôi sợ rằng...

– Không, tôi muốn nói về Margo, – tôi đáp và tự động ngồi xuống ghế.

Hắn lộ vẻ xúc động, nhưng rồi tự chủ được ngay. Hắn hỏi:

– Cô ta ra sao? Tôi biết, dĩ nhiên, cô ấy đã trở lại Broadway và đang thu lượm được nhiều kết quả tốt đẹp – Nhưng cái điều tôi muốn nói là...

– Cô ta bình yên mạnh khỏe lắm, – tôi đáp. Chúng tôi dự định làm lễ cưới càng sớm càng tốt.

Chính điều này đã làm cho hắn lộ vẻ xúc động hơn. Một phút thoáng qua, hắn khẽ nhắm mắt lại. Hắn đóng kịch chăng? Không, tôi chắc hắn đã thật sự nhớ đến Margo.

– Tôi xin chúc mừng ông, nàng sẽ là một người vợ tuyệt diệu. Nhưng tôi vẫn còn không hiểu tại sao ông lại đến gặp tôi. Có lẽ có một vài điều gì khó khăn về phương diện pháp lý phải không? Một sự điều đình, hay là...

Trước mặt hắn ta có một cái bàn thảm sạch sẽ. Trong một cái khay sơn nhỏ, có cả chục cây bút chì nhọn, thật đẹp. Tôi cầm lấy một cây lặng lẽ vẽ một vòng tròn và ngay bên trên, tôi vạch một hình chữ thập.

Cái hình ấy được nhận thấy trên cổ của hắn ta. Hắn đỏ mặt đưa tay sờ vòng cổ. Thế rồi, hắn đứng dậy và nhìn vào mặt tôi, hai tay đút vào túi quần. Hắn muốn đứng dậy để được cao hơn tôi. Không thể, hắn không lớn hơn tôi bao nhiêu. Chỉ chừng một phân có lẽ.

– Này ông bạn, – hắn nói. – Tôi không thể kể cho ông bạn nghe ngay bây giờ được, vì tôi quá nhiều công việc phải giải quyết. Ông bạn hãy đến căn phòng trọ của tôi, phía bờ sông. Đây địa chỉ đây, – và hắn viết ra một mảnh giấy nhỏ. – Tôi muốn được mời ông bạn dùng cơm tối với tôi, nhưng tôi phải kết thúc cho xong một hợp đồng trước khi rời khỏi nơi đây. Chín giờ rưỡi, ông thấy thuận tiện chứ?

– Được, bất cứ giờ phút nào! – tôi đáp.

*

**

– Margo là một cô bé rất đáng yêu, – hắn nói. – Hắn đã hơi say, ly này là ly thứ năm. Tôi vẫn cầm cái ly rượu của tôi, chính hắn là người phải nói. –

Thật tốt biết bao nếu tôi đừng có quen cô ấy, mặc dù – hoặc nếu tôi quen cô ấy sớm hơn mười năm. Không, hẳn cười – tôi chưa cảm thấy già, đầu năm năm đã trôi qua kể từ khi tôi gặp cô ấy lần cuối.

Để xem, tôi tự nhủ. Hay đây là một công việc được sắp đặt từ trước? Có thể Margo đã kể cho hẳn nghe trước khi mình tìm ra Lancaster! Nhưng nàng đã không biết rằng hẳn đã thay đổi nơi làm việc kia mà, biết rằng hẳn đã đạt được một chức vụ quan trọng trong một thương hội. Không, không nên quá nghi ngờ, tôi tự nhủ. Điều đó sẽ dẫn đến sự điên rồ và bất hạnh. Đúng ra, hãy để cho hẳn ta nói.

– Khi chúng tôi gặp nhau trong các cuộc vui chơi vô bổ, chúng tôi đã cùng nhau nhạo cười những kẻ ăn bận chải chuốt, trịnh trọng. Tôi đã không muốn gì khác, chỉ muốn làm một người nghe. Lòng tôi ngập tràn cay đắng. Nếu nàng phật lòng, điều đó không phải lỗi của tôi.

Hẳn đã đột ngột quay lại nắm chặt lấy cánh tay tôi một cách hung bạo.

– Ông phải tin tôi, ông Dixon. Đó không phải là lỗi của tôi. Tôi mỉm cười chế riếu:

– Tin. Tôi tin ông lắm chứ. Ông là một người đàn ông phóng túng còn cô ta là một thiếu nữ đa tình. Ông cứ tiếp tục đi.

Trong thoáng chốc, anh ta có vẻ như muốn đánh tôi, nhưng rồi lại nhún vai.

– Hai ba tháng trôi qua, tôi đã có ý tưởng nghĩ việc – ông biết những việc ấy ra sao rồi chứ. Tôi không xứng đáng chút nào với lòng yêu thương của cô ấy. Tôi là một người đứng tuổi, còn cô ấy, cô ấy chỉ là một cô gái thơ ngây. Có những lúc, khi tôi quên tất cả mọi sự, khi Ilona chỉ là một bóng ma mờ nhạt trong bức màn kỷ niệm của tâm trí tôi.

– Ilona à? tôi hỏi, vì đây là một người hoàn toàn mới lạ đối với tôi.

– Phải, Ilona. Ông không biết sao? Nàng là vợ tôi.

– Cái gì của ông? – Tôi hét lên.

– Tôi đã gặp nàng tại Chicago – hẳn tiếp, mà không quan tâm gì đến nỗi ngạc nhiên giận dữ của tôi. – Lúc bấy giờ tôi mới tốt nghiệp Đại học Luật khoa; còn nàng thì đang làm kiểu mẫu cho một nhà hàng sản xuất y phục thời trang. Tóc nàng màu nâu, làn da rất trắng, còn đôi mắt thì xanh màu nước biển. Nàng là một thiếu nữ hơn bất cứ thiếu nữ nào mà tôi đã gặp từ trước, hoặc kể từ khi tôi gặp nàng... Chúng tôi đã làm lễ thành hôn một tuần sau ngày gặp gỡ đầu tiên...

– Vậy ông đã cưới cô ấy khi ông và Margo... – Tôi nói, nhưng hẳn đã cắt ngang.

– Lấy Ilona làm vợ cũng chẳng khác nào sống với một ngọn hỏa diệm sơn âm ỉ. Ông không có thể biết được khi nào thì ngọn núi sẽ phun lên. Chúng tôi đã cấu xé nhau như hai con mèo hoang dại – và thế rồi, đột nhiên mọi sự đều êm đẹp. Nàng là một con người mê tín nhất thế giới. Cha mẹ nàng người xứ Transylvania – như ông biết, cái xứ nơi mà người ta cho rằng có rất nhiều phù thủy, ma quái lang thang khắp đồng quê nội cỏ. Nàng đã tiêu phí một phần nửa tiền lương của tôi vào những cái bầu thủy tinh quái dị, vào những người đoán số mệnh và những điều thần bí thích hợp với nàng. Nàng có những bùa mê để ếm trừ tất cả mọi sự, từ chứng đau dạ dày đến việc ngoại tình. Nàng thường làm dấu trên không, trên khăn bàn, rắc muối xuống đất, lẩm nhẩm những câu thần chú để xua đuổi tà ma. Thật là kỳ dị và phi thường; nàng như không phải thuộc thế kỷ của chúng ta, ông Dixon ạ. Tôi buộc lòng phải chịu đựng những điều đó mặc dầu trong lòng rất khó chịu. Nhưng một ngày nọ nàng đã biến mất.

– Với một người khác sao? – tôi hỏi.

– Không, tôi càng tìm hiểu càng biết rằng không phải thế. – Hẳn đáp cách tức tực. – Tôi đã tìm kiếm nàng tháng này sang tháng khác. Tôi đã bỏ bê công việc, tôi đã chi tiêu tất cả tiền bạc của tôi, nhưng không làm sao kiếm ra manh mối. Có lẽ nàng đã đi ngoại quốc. Thật tội nghiệp cho nàng đã từng hơn là một người vợ, một người tình; nàng là lẽ sống của đời tôi...tôi...

Lần này tôi đã không khuyên anh ta tiếp tục kể. Bức tranh do anh ta phác họa hình ảnh vợ anh, đã làm cho tôi suy nghĩ. Bởi vì nét chân thực của sự phác họa đã hấp dẫn tôi. Tôi hình dung ra nàng trong tâm trí và trong khi đó nó hoàn toàn là một hình ảnh sai lầm, nó cố định trong tư tưởng tôi và làm cho tôi đột nhiên khao khát được gặp nàng...

– Thế rồi tôi gặp Margo – Paul Lancaster nói tiếp – Tôi không nghĩ gì đến việc ly dị Ilona cả, tôi vẫn còn hy vọng rằng, bằng cách nào đó, trong một ngày nào đó, nàng sẽ trở về với tôi. Nhưng Margo... cô ấy đã cho tôi những ý kiến khác. Tôi đã lập tất cả giấy tờ và hy vọng rằng khi tôi được tự do, tôi sẽ có thể ngỏ lời xin cưới cô ấy... Tôi muốn nói rằng, đó là cái cách hiểu ngầm giữa hai chúng tôi.

– Nhưng ông đã không cưới Margo phải không?

Hắn ta tự rót thêm rượu vào cốc. Hắn chưa say ngoại trừ phải uống thêm vài cốc nữa, nhưng đôi mắt hắn long lanh ngời sáng. Tôi muốn biết rõ hết câu chuyện của hắn trước khi hắn say. Tôi cầm lấy cái cốc của hắn và để xuống cái bàn nhỏ. Hắn có vẻ như không quan tâm gì đến điều đó.

– Không, tôi đã không ngỏ lời xin cưới cô ấy. Một hoặc hai ngày trước đó... tôi muốn nói rằng trước khi tôi ngỏ lời với cô ấy, tôi đã nhận được một bức thư của Ilona. Một bức thư kỳ dị, lời lẽ điên cuồng. Bức thư mang dấu một xóm nhỏ nào đó ở Montana. Đó là một lời cầu cứu đồng thời cũng là một tiếng kêu vĩnh biệt. Nó rời rạc, không đâu vào đâu, nếu ông biết điều mà tôi muốn nói. Nó đã làm cho tôi xúc động và buồn rầu.

– Ông đã đến thăm bà ấy chứ? – tôi hỏi.

Hắn vùi đầu xuống, nhìn xuống tôi, đôi mắt bối rối.

– Không – hắn đáp. – Tôi không đi, không bao giờ đi cả.

– Nhưng...

– Ông xem – hắn giải thích một cách kiên nhẫn, xem như tôi là một đứa trẻ. – Tôi đã yêu Margo. Tôi sợ nếu tôi tìm đến với Ilona, chắc tôi sẽ ở lại với nàng – và cuộc hôn nhân tuyệt diệu và khủng khiếp của chúng tôi sẽ có

thể phải bắt đầu tất cả trở lại. Cho đến một ngày nào đó, nàng lại rời bỏ tôi. Cho đến...

– Được rồi, vậy là ông đã không trở lại với bà ấy, – tôi xẵng giọng nói – Nhưng còn Margo thì sao?

– Không sao cả – hần đáp. – Không có gì hết. – Tôi không bao giờ hành động cách đó. Ông suy nghĩ, ông có thể có một quyết định dứt khoát. Cái hình dấu diên rồ ấy – cái vòng tròn có hình thập tự, Ilona đã dùng nó luôn luôn. Nàng giải thích rằng, cái vòng tròn đó tượng trưng cho hai chúng tôi, ở trong cái vòng đó, chúng tôi lệ thuộc vào nhau một cách an toàn. Và hình thập tự là ơn phúc của Thượng Đế. Thượng Đế của nàng là một con người dễ sợ: nàng thường cãi cọ với Ngài hoặc cầu xin với Ngài. Bằng cách nào đó, nó đã thấm nhập vào tôi, như in khắc vào tâm khảm tôi. Khi tôi hôn Margo, tôi vẽ nó ra một cách vô ý thức, không thể tránh được, trên gò má nàng, trên vai nàng, trên gáy nàng... cho đến khi tôi nhận thức được rằng đó là Ilona đã làm cái dấu ấy qua tôi. Tôi không có thể trở lại với nàng, ông Dixon ạ, mà tôi cũng không có thể chung sống với Margo.

Tôi đứng dậy nói:

– Cám ơn ông đã cho uống rượu và tôi cũng rất cám ơn ông đã kể cho tôi nghe câu chuyện thú vị ấy. Ông đã nói gì về cái dấu Bưu điện của bức thư ấy nhỉ?

Tôi đã nguyên rủa chính mình vì một sự ngoan cố rồ dại. Đây là một sự tìm kiếm diên rồ, tìm kiếm điều bất hạnh, kiếm tìm một người đàn bà tóc hung, mê tín, người đàn bà ấy có một khả năng ngoại hạng để phá hoại đời sống của kẻ khác – và chính đời sống của mình. Nhưng tôi đã mua vé và du hành trong một toa xe lửa bám đầy bụi đường, xuyên qua rừng núi, đồng ruộng, cho đến khi tôi tới một ngôi làng bé nhỏ. Tôi là hành khách độc nhất xuống đây và đứng trên một sân ga xép, vết sơn loang lổ, mà lòng chông chất biết bao nỗi niềm khờ dại. Người xếp ga đã già, tai nghễnh ngãng. Khi tôi hỏi ông có biết bà Ilona Lancaster hay không, ông lắc đầu. Ông cho biết, ông chỉ mới tới vùng này khoản chừng chưa đến hai năm. Tốt hơn là tôi nên đi xuống dưới làng, đến tiệm của anh Joe, chắc sẽ dò ra tin tức.

Joe là một anh chàng mập như lợn, tính tình cau có, râu ria xồm xoàm vì biếng chạo. Quán hàng của anh ta nực mùi la ve và hành tỏi.

Lúc đầu, anh ta có vẻ như không muốn nói gì với tôi cả. Những khách lạ không được anh tiếp đón ân cần, mặc dù các khách quen khó có thể giữ cho gian hàng anh sống.

– Lancaster à? – Hẳn hỏi, miệng cắn cắn điều xì– gà đã tắt. – Không, tôi không nghe ai có tên như thế cả. À, ông vừa nói cái gì Lancaster nhỉ?

– Ilona, tôi nhẩn nại đáp. – Ilona Lancaster. Bà ấy tóc hung, khoản chừng ba mươi tuổi, hoặc trên ba mươi một chút. Ở đây có một trạm bưu điện phải không anh?

– Có, nhưng họ không biết gì đâu. Tôi có biết một bà tên gọi là Ilona. Một bà ngoại quốc, mặc dầu bà ấy nói tiếng Mỹ rất giỏi. Có lẽ bà ấy đấy. Để xem, phải rồi, tóc bà ấy màu hung...

Tôi mất bình tĩnh:

– Đúng, đúng đấy! Bây giờ tôi phải kiếm bà ấy ở đâu?.

Joe nhìn tôi, vẻ nghi ngại. Tôi có thể thấy được ở giữa cái đồng thịt nung núc ấy, bộ óc của hẳn đang làm việc.

– Đi thẳng xuống con đường này, hẳn nói. Khi tới cây cầu thì quay sang phía trái. Cách đó chừng nửa dặm...

– Cám ơn – tôi đáp và trả tiền cốc la–ve mà tôi chưa hề đụng tới.

Tôi đi dọc xuống con đường làng. Chẳng bao lâu nhà cửa hiện ra phía trái. Đó là một con lộ dơ bẩn và chẳng mấy chốc bùn lầy đã ngập đến mắt cá chân. Lúc bấy giờ trời đã bắt đầu đổ mưa. Phong cảnh thật u sầu ảm đạm. Rãnh nước bên đường đang chảy róc rách. Tôi là một người thành thị, không phải là hạng lang thang ngoài trời. Tôi suýt quay trở về.

Con đường dẫn tôi đến một khúc quanh và sau đó, nó chạy dài vô tận, xuyên qua một cánh đồng bao la bát ngát. Tôi không thấy có bóng dáng một ngôi nhà nào trong nhiều dặm xa. Joe đã xỏ tôi. Hẳn đã chỉ lối cho tôi đi sắn ngỗng trời, tôi nghĩ vậy và nguyên rủa hẳn ta.

Nhưng có một rặng cây cách xa vài trăm thước. Có lẽ ngôi nhà ở phía sau rặng cây ấy, tôi bắt đầu chạy.

Những hàng cây ủ rũ, nhưng bên dưới, cỏ dại mọc tốt tươi. Không có ngôi nhà nào cả. Chỉ có những hàng thập tự và những hàng mộ bia. Một nghĩa trang. Tôi đẩy cánh cửa nghĩa trang kêu kè kệt. Trước mắt tôi, ngôi mộ hiện ra trong hàng đầu. Thời gian đã làm hoen ố tấm mộ bia đôi chút nhưng hàng chữ vẫn còn khá rõ ràng. Tấm bia mang tên Ilona Lancaster. Không có ghi ngày tháng. Có lẽ nàng đã tự hào về tuổi tác của mình, ngay cả trong sự chết. Và...

Cái vòng tròn có dấu thập tự đã được khắc lên đá hoa cương màu xám. Cái vòng tròn có dấu thập tự và mấy chữ vòn vẹn:

"ILONA LANCASTER – MỘT NGƯỜI ĐÃ YÊU VÀ ĐÃ SỐNG".

Một dòng mộ minh tuyệt diệu! tôi thầm nghĩ. Nhưng nàng có "Đã sống" không? và tại sao nàng đã chết? Còn cái thư nàng đã viết hai chữ "cấp cứu", một lời kêu cứu cuối cùng là nghĩa làm sao? Nhưng tại sao nàng lại hãnh diện để hành động hơn là ám chỉ tình trạng của mình? Lúc bấy giờ tôi đâm ra ghét cay ghét đắng cái anh chàng Paul Lancaster, mặc dù tôi chưa từng thấy rõ mặt người vợ đã chết của hắn. Tôi ghét hắn và nguyên rủa hắn vì cái vẻ mặt nhai tự cao tự mãn của hắn. Nhưng cũng ngay vào lúc đó, tôi cảm thấy như mình được giải thoát hoàn toàn. Ví như tôi đã giải quyết xong một công việc mà tôi đã bị lầm lạc lâu ngày. Ví như hòa bình đã trở lại sau một trận chiến tranh dai dẳng. Tôi có thể trở lại ngôi làng bé nhỏ, tìm một người nào đó để hỏi về cái chết của Ilona. Có lẽ điều đó có thể làm cho tôi thất vọng. Có lẽ nó sẽ giới hạn cái tầm mức tưởng tượng của tôi. Nhưng tôi đã nhận ra rằng, tôi không muốn làm điều đó. Tất cả mọi điều ước muốn của tôi là đứng nơi đây, dưới cơn mưa lác đác, lắng nghe tiếng lá khê rì rào, và sau đó, đi bộ trở về sân ga xép, đón chuyến tàu sau.

*

**

Margo nhìn thấy tôi trong tấm kính trước mặt, khi tôi mở cửa bước vào căn phòng trang điểm bé nhỏ của nàng.

Nàng ngồi bất động, tay cầm cái bông phấn đang đánh dỏ trên má.

Nàng đã quăng cái bông phấn xuống bàn trang điểm và quay người lại. Thế rồi nàng ngã mình vào lòng tôi, tôi cảm nghe sự mềm mại và thơm tho từ thân thể nàng, như vừa trải qua một giấc mộng, đến nỗi tôi suýt bật cười lớn.

– Xong rồi, cưng ơi! Mọi sự đều tốt đẹp!

Tôi hôn nàng và cảm nghe đôi môi nàng đang mở ra chờ đón. Và trên chiếc cổ mềm mại có những lọn tóc quăn nhỏ của nàng, tôi đã vẽ một hình tròn và một cây thập tự.

CHIẾC MŨI

Ryunosure Akytagaw – Trữ Vũ dịch

Ở thị trấn Iekno tất cả mọi người đều biết chiếc mũi của hòa thượng Naigu. Chiếc mũi này dài từ năm đến sáu tấc xưa, treo lủng lẳng phía trên đôi môi, đến tận cằm. Hình dạng nó đầu cuối bằng nhau, giống như một miếng xúc xích, treo chính giữa mặt.

Kể từ thuở mà ông Naigu chỉ mới là một chú tiểu, cho đến ngày ông lãnh chức trụ trì, sau năm mươi năm tu hành, chiếc mũi này làm khổ ông không dứt. Cố nhiên, ông luôn giữ gìn che giấu nỗi phiền não của mình, chẳng những ông cho rằng một mối phiền não như thế thật không xứng với bậc tu hành và phận sự là tham thiền nhập định, mà còn vì ông không muốn để thiên hạ ngờ được rằng chiếc mũi đã làm bận tâm ông đến mức độ nào. Tuy nhiên, trong khi ấy, Naigu lại sợ nhất là phải nghe cái tiếng "mũi" rơi vào giữa cuộc chuyện trò.

Naigu có hai lý do để ác cảm với chiếc mũi: trước tiên, mũi mà dài đến thế rất cồng kềnh bất tiện trên quan điểm vật chất. Nó làm cho hòa thượng không thể dùng bữa một mình được, vì đầu mũi cứ đâm vào trong bát cơm. Bởi thế nên hòa thượng đã phải cắt đặt một chú đệ tử ngồi đối diện với mình trên bàn ăn với phận sự của hắn là nâng đầu mũi của sư phụ lên, nhờ một thanh gỗ bề ngang một tấc xưa và bề dài hai bộ. Hiển nhiên, cái hệ thống này hẳn là không tiện lợi cho cả vị hòa thượng và chiếc mũi của ông ta, lẫn cái kẻ có nhiệm vụ nâng đầu mũi ấy. Một hôm, đến lượt một chú "Sadi" làm công việc trên, và chú ta đã bất ngờ lên cơn nháy mũi để lọt chiếc mũi của sư phụ vào bát cháo. Câu chuyện liền được truyền từ miệng người này sang người khác lên tới tận kinh đô.

Tuy vậy, đó không phải là nguyên nhân chính khiến cho hòa thượng Naigu sầu khổ. Thực ra, Naigu đã khổ vì lòng tự ái đã bị tổn thương không ngừng, do chiếc mũi.

Toàn thể mọi người ở Ikeno–O đều cho rằng rất may mà hòa thượng Naigu không phải là một người tục, bởi vì sẽ không có một phụ nữ nào chịu làm bạn với một ông chồng trang bị một chiếc mũi như thế. Vài người còn cho rằng chính vì chiếc mũi ấy mà ông đi tu. Song Naigu không bao giờ nghĩ rằng cái việc làm của một thầy tu lại có thể giảm nhẹ những khổ tâm của mình.

Dù thế nào đi nữa vị hòa thượng cũng quyết tâm băng kín vết thương của lòng tự ái và tìm cách bù đắp lại bất cứ với phương tiện nào (hoặc tích cực, hay tiêu cực) Trước tiên, ông tìm cách chế tạo cho chiếc mũi của mình một vẻ bề ngoài ít thô quái hơn sự thật. Ông thử thí nghiệm cách này khi có một mình và nghiên cứu bộ mặt ông dưới mọi khía cạnh, trong một tấm gương soi, ông đã thử đủ cách, soi đi soi lại, dùng tay ép má bên này, nấn má bên kia, nhưng mãi vẫn chẳng được hài lòng; vì dù làm cách chi, chiếc mũi của ông chẳng hề ngắn bớt. Chẳng như thế, mà hình như hễ ông càng làm khổ ông thì chiếc mũi lại càng dài thêm ra nữa. Bấy giờ Naigu đành xếp gương soi vào hộp, vừa thở ra vừa trở lại bên chiếc bàn nhỏ để tụng kinh Quan Âm.

Hòa thượng Naigu đã dành một sự chăm chú cực điểm vào việc quan sát chiếc mũi của mọi người. Đền Ikeno–O thường có những cuộc hội họp Phật giáo. Ở đây có rất nhiều cư xá dành cho khách thập phương, và các tăng sĩ trong đền luôn luôn phải lo việc nấu nước tắm cho khách của họ.

Naigu nghiên cứu một cách chi li tỉ mỉ bộ mặt của những khách khứa này, trong hy vọng sẽ tìm thấy một chiếc mũi giống chiếc của mình. Đối với ông thì chẳng có quần Suikan áo Katabira trắng cũng chẳng có mũ màu tương cải, áo choàng lễ màu đỏ hung gì hết. Naigu không nhìn thấy những con người, ông chỉ nhìn thấy những chiếc mũi. Khốn nạn thay, nếu thỉnh thoảng cũng có vài chiếc mũi quặp thực, thì vẫn chưa bao giờ có chiếc mũi như của nhà sư. Những mối thất vọng này cứ tái đi tái lại liên tiếp, dần dà, trái tim của hòa thượng trở nên cay đắng bở hòn. Tình cảm này đã thúc đẩy ông dùng ngón tay véo đầu mũi làm cho nó đỏ lên, ngay giữa cuộc chuyện trò.

Tiếp theo, hòa thượng đã tìm cách tự an ủi bằng phương pháp thử khám phá trong những chuyện cổ vài nhân vật có chiếc mũi như của mình. Nhưng không một chuyện cổ nào nói rằng Mokuren hay Sharibotsu có mũi dài cả. Kyuju và Mennyō cũng đều là những vị hiền nhân của xứ Ấn-Độ xưa, nhưng họ mang những chiếc mũi bình thường. Ông có nghe rằng ở bên Tàu, Ryu Ghentoku, vị anh hùng thần thoại Trung– Hoa cổ, có đôi trái tai rất dài. Ông lấy làm tiếc tại sao vị đó lại không có một chiếc mũi dài, vì như vậy, ông sẽ cảm thấy đỡ cô độc đi nhiều.

Những nỗ lực kể trên của Naigu, hoàn toàn nhằm về mặt tinh thần, không ngăn cản ông dùng đến những phương tiện mãnh liệt hơn nữa. Ông đã uống thang thuốc bầu đen, ông đã thử dùng cả đến nước tiểu chuột để ngâm sát đầu mũi. Ông đã làm đủ cách, nhưng chiếc mũi vẫn cứ treo lơ lửng trên miệng ông như thường, dài từ năm đến sáu tấc xưa.

Thế rồi, vào một ngày thu kia, chú tăng sĩ đệ tử đã từ kinh đô trở lại nơi mà một nhiệm vụ đã gọi mời chú, và một y sĩ quen biết cũ đã dạy cho chú phương pháp làm ngắn đi một chiếc mũi quá dài, y sĩ này gốc ở Thiên Tân miền Trung Quốc và hiện giờ đang giữ chức trụ trì đền Choraku.

Cũng như thói thường, hòa thượng Naigu làm bộ không lưu tâm gì đến chiếc mũi của mình và lại còn làm ra tuồng không muốn thử cái phương pháp phi thường kia một chút nào, ấy vậy nhưng, đồng thời, bằng một giọng thờ ơ, vị hòa thượng lại gợi ý rằng ông đã thật khổ tâm biết bao mỗi lúc phải làm phiền các đệ tử trong mỗi lần ẩm thực. Ngoài mặt thì vậy, nhưng tận sâu trong lòng thì vị hòa thượng lại ngong ngóng chờ đợi cái khoảnh khắc mà đệ tử của ông trở lại lãnh phần nhiệm vụ thuyết phục ông áp dụng phương pháp này, cái chiến thuật đó, thật ra, không qua nổi mắt chú đệ tử, tuy vậy chẳng làm chú chán chê ghê tởm chút nào. Trái lại, chú ta còn cảm thấy thương hại ông già bất hạnh Naigu: đã tự hạ mình dùng những thủ đoạn như thế.

Đúng như điều Naigu mong mỏi, chú đệ tử này đã hăng hái khuyến khích ông chấp thuận chữa mũi theo phương pháp nói trên. Và, đúng như

điều Naigu tiên đoán, sau rốt ông đã chịu xuôi theo lời khuyên của chú đệ tử vậy.

Phương pháp này gần bằng việc ngâm mũi trong hơi nước nóng, xong rồi dùng tay chà ép mũi cho nhỏ lại.

Nước sôi thì lúc nào cũng có sẵn trong phòng tắm của đền. Chú tiểu chỉ việc múc nước nóng lên, vào một cái độ mà người ta không thể nhún ngón tay vào. Để ngừa cho bộ mặt khỏi phồng, người ta đục một cái lỗ trong tấm ván dùng làm vung đậy, và đút chiếc mũi qua đó để mà "xông". Một lát sau, chú đệ tử tuyên bố rằng "chắc là nó đã chín rừ rồi". Vị hòa thượng cười, hơi ngượng. Vì không một ai khi nghe câu nói vừa rồi mà lại có thể tưởng tượng đó là câu chuyện về một chiếc mũi. Chiếc mũi được đun chín bỗng dựng nổi giữa kinh khùng chẳng khác nào bị rệp cắn.

Khi Naigu đã rút chiếc mũi còn nóng hổi ra khỏi cái vung gỗ, chú đệ tử liền khởi sự vò xát nó thật mạnh. Vị hòa thượng nằm dài trên đất, chiếc mũi đặt trên ván nhà, và ông nhìn đôi bàn chân của chú nhỏ bước lên bước xuống.

Chốc chốc, chú đệ tử liền ném một cái nhìn thương hại lên cái đầu sói láng của Naigu và chú ta dịu dàng hỏi:

– Thầy có đau không? Bác sĩ bảo phải chà ép thực mạnh. Nhưng con không làm đau thầy chứ?

Naigu thử lắc đầu để chứng tỏ rằng ông không đau, nhưng chiếc mũi làm cho ông bất khả động và ngăn ông không nhúc nhích cần cổ, ông đáp bằng một giọng cáu kỉnh.

– Không có cảm giác gì cả.

Vì thật ra, việc đó không gây cho ông một đau khổ nào, mà còn làm cho ông đã ngứa là đặng khác.

Trong chốc lát, những thứ hạt gì như lúa mạch khởi sự mọc lên trên sống mũi và tạo cho mũi một vẻ giống da gà mái. Chú đệ tử dừng lại và khẽ tự nhủ: Cần phải có một chiếc kẹp nhổ lông mới được!

Hòa thượng Naigu đôi má sưng vù và vẻ mặt rầu rĩ, xuôi tay cho đám đệ tử làm gì thì làm. Dù ông biết rõ những ý định tốt đẹp của đám đệ tử, ông thật chẳng hài lòng mà thấy họ đối xử với chiếc mũi của ông như một đồ vật vô nghĩa nào vậy.

Ông quan sát chú đệ tử đang, chiếc kẹp trong tay, lấy đi những lớp mỡ của mũi, và ông có cái vẻ lo lắng của một con bệnh đang được mổ xẻ bởi một ông thầy thuốc mà y không đặt lòng tin tưởng. Lớp mỡ được bứng lên từng ống, chẳng khác nào những ống lông chim dài cỡ một phân tây.

Khi công việc gần xong, chú đệ tử có vẻ hoàn toàn thỏa mãn, và nói:

– Chỉ còn ngâm mũi một lần nữa là được. – Vị hòa thượng, đôi mày vẫn luôn luôn vẽ cong lên hình dấu mũ và vẻ mặt phụng phịu để mặc cho chú làm gì ông thì làm. Sau lần hôm thứ hai chiếc mũi quả đã hoàn toàn ngăn lại. Giờ đây, nó chẳng còn khác biệt là bao với những chiếc mũi quặm thông thường. Naigu ném một cái nhìn bẽn lễn vào tấm gương mà chú đệ tử trao cho, trong lúc tay ông vuốt ve chiếc đầu mũi ngắn.

Chiếc mũi – Chiếc mũi mà trước kia đã treo lủng lẳng đến tận cằm – giờ đây đã teo lại như do phép lạ và đứng chính tề ngay phía trên của môi trên. Vài vết vân đỏ, có lẽ là do việc chữa mũi vừa rồi gây nên, hiện ra đôi chỗ trên bộ mặt hòa thượng. Chắc chắn rằng bây giờ không còn ai cười chiếc mũi của ông nữa. Hình ảnh của Naigu trong gương soi nhìn bộ mặt của Naigu vẫn nhấp nháy mí mắt với một vẻ hài lòng.

Song, suốt cả ngày hôm ấy, mối lo ngại của hòa thượng Naigu vẫn còn tồn tại, không nguôi, ông lo sợ sẽ phải nhìn thấy chiếc mũi mọc dài trở lại, và chốc chốc, trong buổi tụng kinh hay giữa bữa cơm, ông lại đưa bàn tay lên sờ thăm đầu mũi.

Chiếc mũi vẫn ngoan ngoãn nằm nguyên nơi chỗ của nó, phía trên môi, và chẳng hề tỏ ý kéo dài ra một chút nào. Đêm đã qua, Naigu thức dậy thật sớm, việc đầu tiên của ông là đưa tay lên sờ mũi. Chiếc mũi vẫn ngắn y nguyên. Naigu cảm thấy nhẹ nhõm và hoan hỉ, như ông vừa hoàn thành một việc vô cùng lớn lao là chép lại toàn thể bản kinh Hokke.

Nhưng rồi vài hôm sau, Naigu khám phá ra một vài sự việc làm cho ông vô cùng bối rối.

Có một chàng Samurai đến đền Ikeno-O để lo công chuyện gì đó, đã hết sức khó nhọc mới giữ vẻ nghiêm trang khi nhìn thấy hòa thượng; chàng ta đã bỏ đi ngay, trước khi nói cho hòa thượng rõ mục đích cuộc viếng thăm, và sau khi đã không ngớt ném những cái nhìn lên chiếc mũi vị tu hành. Rồi đến chú tiểu bé con ngày xưa có lần đã để rơi chiếc mũi của hòa thượng vào bát cháo; chú bé này, trong lúc gặp hòa thượng Naigu ở phía ngoài thiền viện, đã cố thử kìm hãm một cơn cười điên dại, song cuối cùng, vô hiệu, nó đã nổ bùng ra. Cả đám ni cô cũng thế, các cô đã lắng nghe lời hòa thượng với một vẻ tôn kính khi ông mở lời với họ, để rồi sau đó phá lên cười và thậm thì thậm thì ngay khi ông vừa mới quay lưng...

Naigu thoát tiên nghĩ rằng chính sự thay đổi diện mạo của ông là nguyên nhân gây ra mọi chuyện đó. Cách giải thích ấy không làm cho ông hoàn toàn vừa lòng, và chắc chắn hẳn là còn có một lý do khác đã tạo nên những tràng cười của bọn ni cô, chú tiểu. Dầu rằng giản dị và bình thường, ông vẫn cảm thấy có một cái gì khác lạ, trong sự vui vẻ của họ, một cái gì mà trước đây không có, khi chiếc mũi của ông còn dài. Phải chăng, chiếc mũi rút ngắn của ông nó còn thô lỗ hơn chiếc mũi cũ trước đây, chiếc mũi mà họ đã quen nhìn? Hòa thượng sung sướng mà bằng lòng với giải thích đó, song vẫn cảm thấy có một cái gì khác trong những tràng cười của họ mà ông không hiểu nổi.

"Chúng chưa bao giờ cười một cách thổ lộ như thế", đôi lúc Naigu vừa thầm nói vừa khẽ gật chiếc đầu bóng loáng giữa một hồi tụng niệm.

Những lúc đó, hòa thượng Naigu đáng mến thường đưa mắt ngưỡng mộ bức tượng của đức Bồ Tát Fuken và mơ nghĩ rằng, cách đây vài hôm, chiếc mũi của ông còn dài, ông nghĩ đến điều đó như một kẻ, hiện rơi vào cảnh cơ hàn hồi tưởng lại thời huy hoàng của dĩ vãng, và ông chìm đắm trong mối sầu tư.

Khốn thay, để soi sáng bài toán trí tuệ này, hòa thượng Naigu đã thiếu hẳn sự minh mẫn cần thiết của trí tuệ.

Số là, nó vốn sẵn có hai tình cảm mâu thuẫn trong tim nhân loại. Hiển nhiên, có những con người đã động lòng thương hại trước cảnh khổ của tha nhân. Song le, vào lúc mà kẻ tha nhân tìm thế vượt qua được cảnh khổ của mình thì chính, những con người kia lại cảm thấy không được hài lòng cho lắm. Nếu bồi đen bức họa thêm chút nữa, ta còn có thể nói rằng: những con người ấy, họ còn có ý muốn xô đẩy trở lại kẻ bạc phận vào vòng đau khổ, và họ sẽ lấy làm thù ghét một khi kẻ ấy trời được đầu lên.

Như vậy đó, dẫu không hiểu rõ ràng được lý do, Naigu cũng phát giác ra sự ích kỷ trong thái độ của những con người ở Ikeno-O, người thường tục cũng như người trong tôn giáo, và ông cảm một nỗi bức dọc mơ hồ.

Và, thái độ cáu kỉnh của Naigu mỗi ngày một tăng thêm. Ông đã nhiễm thói quen nổi cáu vì những chuyện không đâu, và nạt nộ lung tung mọi người bằng một giọng chua như giấm, đến độ mà cả đến các kẻ đệ tử đã từng chữa mũi cho ông cũng phải thốt ra rằng: "Rồi ông Naigu sẽ bị trừng phạt vì tội sân si của ông ấy cho mà coi".

Chú tiểu nhỏ ranh mãnh ấy đã gây ra một cơn thịnh nộ ghê gớm cho Naigu. Một hôm, nghe thấy tiếng sủa giận dữ, hòa thượng bước xuống vườn và bắt gặp chú tiểu đang chạy theo sau một con chó gầy ốm, tay hảnh hoa một thanh gỗ dài hai bộ và miệng hãnh la inh ỏi:

– Coi chừng cái mũi này! Coi chừng cái mũi này! Naigu hung hăng giật thanh gỗ nơi tay chú tiểu nhỏ và đánh mạnh lên mặt chú. Thanh gỗ này chính là thanh gỗ mà trước kia đã dùng để nâng chiếc mũi của hòa thượng trong những bữa ngọ.

Đôi khi Naigu lấy làm tiếc rẻ chua cay là đã làm cho chiếc mũi ngăn lại.

Một buổi tối, gió nổi lên sau khi mặt trời lặn, và tiếng rít của nó quanh những chiếc chuông nhỏ đã vọng đến tận giường của Naigu. Cơn lạnh thấm người và vị hòa thượng không chớp mắt được, trong khi trần trở trên giường, ông bỗng cảm thấy một cơn ngứa bất ngờ nổi lên nơi mũi. Ông đưa tay sờ, và thấy nó sưng lên, nóng hổi. "Có lẽ nó lên cơn đau vì mình đã dùng sức mạnh làm cho nó ngăn lại". Naigu vừa lẩm bẫm vừa sờ nắn chiếc

mũi bằng một cử chỉ cung kính mà ông đã từng dùng để sửa soạn hương hoa trên bàn thờ Đức Phật.

Hôm sau, khi thức dậy, theo thói quen vào buổi sớm, Naigu đưa mắt nhìn và thấy khu vườn chói rỡ những cành lá màu hoàng kim của những gốc giẻ tây và những gốc Gingko rải rác trên mặt đất. Trên nóc chùa, vầng mặt trời nhạt của sớm mai làm sáng lên rục rờ lớp sương đọng phủ trên chín đường tròn của mái tháp.

Hòa thượng Naigu đứng trên lan can, hít sâu vào lồng ngực khí lành của buổi ban mai. Chính vào lúc đó một cảm giác mà hầu như ông đã quên đi, trở lại với ông.

Hòa thượng vội đưa tay lên mũi. Vật mà ông sờ phải không là chiếc mũi ngắn của ngày hôm qua, nó là chiếc mũi dài từ năm đến sáu tấc xưa trước kia đã treo tòn ten qua miệng, phủ xuống tận cằm. Ông hiểu rằng chiếc mũi đã lấy lại trong một phút kích tặc của ngày xưa, và ông cảm thấy lòng tràn ngập một niềm an ủi nhẹ nhàng, niềm an ủi mà ông đã cảm thấy, khi chiếc mũi ông ngắn lại.

"Bây giờ sẽ không ai cười nữa" Naigu vừa tự nhủ thầm, vừa để chiếc mũi dài đong đưa trong gió mùa thu.

SAU NGÀY HỒI HƯƠNG

Pearl Buck – Văn Hòa dịch

Tháng mười một, trời u ám và nhiều mưa; u ám đến nỗi ngay giữa ban ngày, ánh sáng bên ngoài chỉ lờ mờ lọt qua lần giấy mỏng nơi khung cửa sổ mắt cáo, chiếu vào gian phòng một ngôi nhà khá giả Trung Hoa. Một làn ánh sáng yếu ớt tuôn vào cửa lớn, lướt qua sàn nhà, và ngưng lại ở hai bức liễn treo trên tường, bên dưới có một chiếc bàn gỗ. Hai bức liễn ấy viết những châm ngôn mà mọi người đều biết và hết lòng tôn kính.

Trong gia đình, mọi người tề tựu ngồi quanh ở khoảng sáng nhất của gian phòng. Chính giữa, dưới các bức liễn, cụ già Ly, ông nội của Tân ngồi ở chỗ danh dự, phía trái chiếc bàn. Là gia trưởng, cụ phải lên tiếng trước. Bài gia huấn cụ đã soạn kỹ, nên bây giờ cụ nhịp nhàng nói, và sau mỗi câu nói tinh luyện ấy, cụ đều kết thúc bằng một câu của cổ nhân. Cụ đằng hắng và nhổ xuống nền gạch ướt. Đoạn cụ đưa bàn tay già mảnh khảnh có những móng tay vàng cong vút mơn man chòm râu lơ thơ trên thân áo dài vải xám, trước ngực có vương mấy vết đồ ăn. Bàn tay kia cụ cầm chiếc điều tre dài, đen xỉ vì năm tháng. Mỗi khi cụ hút, lòng điều kêu lọc ọc vì nhựa thuốc đóng lại quá lâu ngày.

Cụ vẫn chậm rãi vuốt chòm râu bạc, trong khi mọi người đang lắng tai nghe. Chỉ cậu em út của Tân mới có gan tỏ vẻ sốt ruột. Nó tức tối giẫm chân lạch bạch trên nền gạch. Nó là người được ông cụ nội yêu nhất nên mới ngang nhiên làm những điều không ai dám làm. Về phần Tân, chàng thận trọng giữ thái độ nghiêm chỉnh và ngồi ở chiếc ghế thấp hèn cuối vòng, gần cửa lớn. Ông cụ lần lượt nhìn người này người khác trong gia đình. Được mọi người chờ đợi, hẳn cụ thích thú. Cuối cùng, cụ mới lên tiếng. Mặc dù nói với Tân, nhưng cụ không nhìn chàng, mà đăm đăm nhìn viên nước mưa từ mái ngói trước hiên rơi xuống thềm đá đã trũng mòn.

Mắt chăm chú nhìn màn mưa, cụ già nói lớn, giọng run run:

– Mày đã về. Từ bốn tháng nay mày chỉ ăn không ngồi rồi. Nhờ ai mày được đồ đạc như ngày nay. Vậy mà mày không lo tìm một địa vị, dùng những kiến thức Tây phương của mày để nuôi sống ông nội mày, cha mẹ mày và anh chị mày một cách vinh sang. Thánh hiền dạy sao? "Con cái phải hiến dâng máu thịt mình để nuôi cha mẹ". Mày chưa làm như thế. Mày quên rằng, chúng ta đây đã phải chặt mót từng đồng xu để gửi mày đi ngoại quốc du học. Như mày đã biết đấy, chính thằng anh họ ba đời của mày chỉ là một tiểu thương nghèo với căn phố hẹp, nhưng cũng đã dành dụm cho mày tất cả hai chục đôla để mày được giáo dục theo lối Tây phương, và mau đạt được địa vị cao sang. Đối với nó, mày cũng phải có gì để đền đáp lại chứ! Thánh hiền dạy sao? "Con cái không nuôi nấng ông bà cha mẹ, thì không đáng bằng con chó".

Cụ già dừng lại để hắng giọng. Khi ấy một người đàn ông phì nộn mặc áo cụt ngắn, quần vải đen, ngồi ở chiếc ghế hàng nhì đối diện với ông cụ, vội vã nói:

– Thưa cha, còn có chuyện này mới tai hại chứ. Thằng con bất xứng của con không chịu cưới người đã hứa hôn với hăn từ thuở nhỏ. Con bé đó đã ở với chúng con như con trong nhà từ khi cha mẹ nó quá vãng. Hăn cứ nói về những tục lệ Âu Tây. Chúng con đâu có bảo hăn học những thứ ấy; hăn chỉ phải thu thập kiến thức trong sách vở ngoại quốc để chiếm một địa vị có nhiều bổng lộc. Bây giờ hăn làm cho chúng ta thất vọng. Chúng ta sẽ không có đàn cháu nhỏ; chúng ta sẽ thiếu mất những kẻ hương khói mai sau. Cái thằng cầu trệ ấy lại dám nói rằng, chúng ta, ông bà cha mẹ nó sẽ phải về chín tuổi, không cần ai săn sóc cả.

Tân lắng nghe những lời ấy, lòng vô cùng kinh ngạc. Chàng là một thanh niên nhỏ nhắn, khuôn mặt tái nhợt và thanh nhã, cái miệng nhỏ, đẹp, như miệng đàn bà. Chàng bận âu phục, bộ đồ màu xám nhạt mua ở Chicago. Ngoài đường, trông chàng có vẻ xinh trai và tự mãn. Khi chàng đi qua, tay ướm vung chiếc gậy, không nhìn đến ai. Nhưng ở đây, trong gian phòng tối tăm này, giữa những bậc cao niên, chàng tự thu mình lại thành một người

không có giá trị gì, ngực thóp lại, dáng rụt rè. Chàng ngồi, hai tay thu giữa gối, lòng bàn tay mềm mại chậm rãi xoa vào nhau.

Chàng quan sát gia đình mình – Ông nội chàng gật gù chấp nhận câu nói của cha chàng, nhưng đôi mắt toét của cụ vẫn đăm đăm nhìn màn mưa. Thân phụ chàng, người béo mập vì ăn uống quá độ; chú chàng khuôn mặt ốm teo, ích kỷ, hai bàn tay gân guốc và đầy cáu ghét; em chàng, đứa bé nghịch ngợm, sốt ruột muốn chuồn đi, và chốc chốc lại nhìn trộm ra đường. Trong một góc riêng, mẹ chàng vận áo vải xanh, ngồi ghế đẩu, lưng bà cong cong. Bà nâng chiếc khăn che trước ngực lên lau mắt. Sau bốn cái bóng ấy, chàng hình dung ra nhiều cái bóng khác: những anh em họ hàng kiết cú và tham lam, ông cậu già ác nghiệt, tất cả những người ấy đều ham muốn chia phần mỗi lợi mà nền học vấn cao cấp của chàng kể như phải mang lại cho họ. Bấy nhiêu bàn tay, bấy nhiêu nanh vuốt sẵn sàng chụp lấy những gì chàng có thể làm ra.

Bây giờ chàng đã thấy rõ, người ta cho chàng ăn học chỉ vì chàng là người con trai thông minh và lanh lợi nhất của thị tộc. Người ta đã cho chàng ăn học như đặt tiền cho vay lấy lãi để dự phòng tuổi già. Một cơn uất giận điên cuồng xâm chiếm lấy chàng. Biết bao lời hùng hổ tào bạo đang dâng lên cổ họng chàng, chỉ muốn tuôn ra. Chàng chờ đợi vài phút, nén giận. Dĩ nhiên chàng biết nói cũng vô ích. Chàng đừng hòng những người thân thuộc đối xử công bình với mình. Thời bấy giờ, cha mẹ có quyền tuyệt đối trên con cái, ngay cả cái quyền sinh sát, nếu họ muốn. Đã hẳn chàng không sợ gì, nhưng tư tưởng ấy nhắc chàng nhớ đến sự bất lực của chính mình.

Tuy nhiên, bầm sinh tự chủ, chàng đứng dậy, cúi sâu mình vái ông nội, thân phụ và thúc phụ. Cuối cùng chàng vái mẹ, người mà chàng cảm thấy yêu thương chàng tha thiết, nhưng không dám bộc lộ.

Chàng nói rất nhỏ:

– Kính thưa các bậc phụ huynh đáng kính. Con xin quý vị tha lỗi cho con. Từ rày, con sẽ cố gắng hơn để chu toàn nghĩa vụ của con.

Tân cảm nghe cơn uất giận lại trào lên cổ, chàng dẫn lòng ra khỏi phòng và đi qua sân với những bước chân cứng nhắc. Chàng ra đường. Mưa rơi từng đường thẳng, đều đặn và buồn bã: ẩm ướt dồn chứa trong các bức tường gạch cao, dọc hai bên con đường hẹp, tiết ra một cái lạnh buốt người. Những dòng rãnh cạn, đầy rác rưởi dơ bẩn và một thứ nước bầy nhầy, đen kịt, hôi tanh, loang ra trên con đường sỏi, làm bẩn đôi giày vàng bóng nhoáng của chàng thanh niên.

Chàng buông tiếng thở dài chán ngán. Chàng nhớ tuần trước đây, chàng đến gặp ông Tỉnh trưởng và xin phép thành lập hội bảo vệ vệ sinh đường phố. Ông ta đã khen ngợi tinh thần công dân tiến bộ của chàng, nhưng không hứa hẹn gì cả.

Nét nhìn u mặc của Tân chiếu ngang qua màn mưa lạnh. Với những người lãnh đạo như thế, làm sao thành phố này, quê hương của chàng có thể tiến bộ được? Chàng không có sức chống lại các nhà cầm quyền – chàng và tất cả mọi người khác.

Mưa rơi trên chiếc mũ xinh đẹp của Tân và chảy xuống quanh vành. Không mấy chốc, chiếc mũ mềm đi vì ướt và vành mũ trĩ xuống mắt chàng. Chàng bắt đầu cảm thấy quần áo ướt chạm vào da thịt. Chàng cứ tiếp tục đi...

Làm sao sáu tháng trước đây chàng có thể đứng trên chiếc bệ rộng một trường Đại học Mỹ để lãnh bằng cấp? Người ta cũng đã trao tặng chàng giải thưởng về tập tiểu luận so sánh hai nền triết học Đông và Tây. Các vị giáo sư tuyên bố, đó là một công trình nghiên cứu xuất sắc; chàng đã thỏa mãn và kiêu hãnh làm sao! Người ta xem chàng như một trong những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc nhất của trường. Lời khen còn có giá trị hơn, vì tác phẩm viết bằng ngoại ngữ. Nhưng thi đỗ xong, chàng chỉ có một nguyện vọng: trở về quê hương và hiến dâng tất cả kiến thức vào việc khuếch trương xứ sở. Chàng đã trở về, lòng tràn đầy tin tưởng, sung sướng gặp lại gia đình và đình ninh mọi người sẽ hãnh diện về mình.

Nhưng lúc bấy giờ họ bỏ vào chàng như một đàn chim quạ. Ngay buổi chiều đầu tiên, thân phụ chàng bảo chàng phải đòi tiền lương bao nhiêu nếu

dạy trường Nhà nước.

Tân đã do dự đáp:

– Trước tiên, con sẽ tìm xem con có thể giúp được gì cho đất nước. Nếu dạy học xem ra là tốt hơn cả thì...

Cha chàng chăm chăm nhìn chàng, hai má phính vàng của ông trẻ xuống và kêu lên:

– Mà chỉ nghĩ đến mà mà thôi? Tao sắp nghỉ để dưỡng già, thời thế ngày càng khó khăn, buôn bán chật vật, không đủ trả các chi phí. Còn phải lo cho em mà nữa. Chú mà thì nay ốm mai đau, không làm gì được. Và rồi còn có mấy người bà con đã giúp tiền cho mà ăn học, đang chờ mà đền đáp, ít ra bằng lúa gạo. Hơn nữa, còn con vợ tương lai của mà hiện ở trong nhà. Trong những năm mà đi vắng, nó đã mất cả cha lẫn mẹ; mẹ mà cần một người giúp việc, nhưng không cần phải thuê đầy tớ, khi trong nhà có con dâu. Tất cả những người ấy lệ thuộc vào mà. Bây giờ mà là con trưởng, mà phải lo cũng như tao đã là con trưởng trước mà. Ngày nay tao đã mệt lắm rồi.

Tân cảm thấy lúng túng thực sự. Có thể nói, chàng đã quên hẳn rằng những điều ấy có thật. Chàng xa quê hương lâu ngày quá! – tám năm rồi còn gì! Chàng nhớ đến đứa con gái lười thôi, vẻ mặt khờ dại, quanh quẩn trong nhà. Thoạt tiên, chàng cho là một con sen giúp việc. Chao ôi! Vợ chàng mà như thế ư? Nghĩ đến điều đó, chàng bưng bưng tức giận, chàng cảm thấy buồn nôn và tim đánh dồn dập. Không, không bao giờ, chàng giận cha chàng về việc này. Nhưng rồi cũng không đi đến đâu. Tất cả anh em, bà con, đều nhất quyết bắt chàng phục tùng ý muốn của họ. Họ đàn áp sức kháng cự của chàng bằng phương pháp độc nhất: sự bất đồng nặng nề. Người ta bóp nghẹt chàng. Và tệ nhất là chàng khiếp sợ khi cảm nghe mình ngã quỵ dưới áp lực bình lặng và không lay chuyển của quan niệm gia đình. Chàng không còn tự tin như trước kia. Cái lý tưởng mà chàng cảm nghe sống động trong người khi bước xuống cầu tàu, bây giờ đã thay đổi cường độ. Các lý thuyết đẹp đẽ đều mờ tan, và bây giờ xem ra khó mà đáng cho chàng tranh đấu. Chàng có thể làm được gì giữa bao nhiêu người khác

không hề lo cho bản thân họ sống cho xứng đáng và suy tưởng cho xứng đáng hơn?

Bây giờ chàng mới nhận thấy bùn lầy ở đường bết vào giày và bắn lên quần. Chàng đã ra đi vội vã, không nhớ lấy áo choàng, nên cơn mưa dầm rét buốt đã làm chàng ướt sũng. Chàng cảm nghe dòng nước giá lạnh từ gáy bò dần xuống sống lưng. Sắc trời màu xám đục. Mưa rơi thẳng đứng không ngừng.

Chàng rùng mình, tự hỏi khắp trong thành phố có được một xó góc nào ấm cúng chẳng. Về tiết này, căn phòng của chàng cũng ấm đậm như các nơi khác trong nhà. Ấm ướt từ nền gạch rỉ ra và nước đọng thành giọt long lanh trên tường. Sau những năm xa cách, cái gian phòng ấy trông có vẻ nghèo nàn đến thế mà giờ chàng còn phải ở chung với người em trai nữa! Chàng tức giận mỗi khi nhớ đến việc em chàng không cần thận xem những quyển sách yêu quý nhất của chàng, để dây vết tay bẩn cả đường lề trắng chung quanh. Mới hôm qua đây, Tân thấy quyển sách triết lý mà chàng thích nhất, bị mất trang đầu. Em chàng đã xé để gói mấy đồng xu và lặn vào cặp quần. Ở nhà chàng không có gian phòng nào riêng cả.

Mắt dăm dăm nhìn mưa lạnh, Tân tự hỏi, làm sao có thể sưởi ấm lại lòng mình! Cõi lòng có ấm áp, chàng mới có thể tìm lại một chút hăng hái để theo đuổi mục đích. Hơn tất cả, chàng sợ thiếu mất sức kháng cự, phải lấy một người vợ dốt nát và làm lãng phí đời chàng. Một nỗi lo âu khác vừa nảy ra trong lòng Tân. Chàng thầm kêu lên: "Con cái tôi!...với một người mẹ như vậy, chúng sẽ ra sao! Ta có nên sinh dựng những con người khác để nối tiếp cuộc sống hiện tại của ta không?"

Chưa bao giờ Tân nghĩ đến các con chàng sau này. Chàng hình dung chúng đang chấp những bàn tay nhỏ xíu, cầu xin để dừng đến cõi đời này. "Không, không! Ta sẽ không bao giờ làm như vậy". Tự đáy lòng, Tân hứa với chúng như thế.

Bỗng, một ngôi nhà cao đứng sừng sững trước mặt chàng; một ngôi nhà ngoại quốc. À, nơi đây trước kia là chỗ ở của ông M. Hemingway, vị giáo sư đã dạy văn phạm cho chàng hồi còn bé. Chàng ghi nhớ hình ảnh một

người Mỹ trẻ trung, nhân từ và nghiêm khắc. Chàng sẽ vào thăm ông. Có lẽ chàng được ấm áp lại chăng? Dù sao, chàng sẽ có thể nói chuyện với ông M. Hemingway, kể cho ông nghe những nỗi khó khăn và nhận ở nơi ông một đôi chút giúp đỡ, vài lời khích lệ.

Chàng bước lên những bậc thấp của vòng hiên, gõ cửa, và đứng chờ. Chàng lật cổ áo lên và đút hai tay vào túi quần cho đỡ lạnh. Hàng nho bò quanh nhà nằm rạp xuống dưới cơn mưa và sân đất mềm nhũn. Những lá khô, ướt, màu nâu, xoáy tròn rơi xuống đất. Cánh cửa chậm chậm mở, ông M. Hemingway hiện ra. Trời! ông già đi nhiều quá! Đây là một người đàn ông lớn tuổi, còng lưng và buồn bã, đang nhìn khách vẻ ngập ngừng.

Tân đưa tay ra.

– Thưa thầy, thầy không nhận ra tôi à! Lúc nhỏ, tôi là học trò của thầy. Bấy lâu nay tôi ở ngoại quốc, bây giờ tôi trở lại thăm thầy.

Ông M. Hemingway do dự:

– À phải, phải rồi. Mời anh vào.

Ông có nhiều học trò nên không nhớ ra Tân nữa.

Tân đi dọc theo tiền đình. Ở đây dễ chịu làm sao; chàng theo ông Hemingway vào thư phòng. Ấm áp và êm dịu biết bao!

Chiếc lò sưởi đang cháy kêu lách tách ở một góc phòng. Tân đến gần, quần áo chàng bốc hơi.

Ông Hemingway nhìn chàng chăm chú. Mắt ông cận thị nặng, ông nói:

– Trời, anh ướt cả rồi còn gì.

Với dáng điệu khiêm tốn, Tân đáp:

– Không sao ạ, chỉ ướt sơ...

Ông Hemingway lơ đãng nói:

– Thế à, thế à.

Đồng bài đợi chấm nằm trên bàn và ông đang mong một buổi chiều yên tĩnh. Ông cảm thấy trong người khó chịu – một cơn cảm hàn bắt đầu. Chao là mưa! Nếu ông có được một người giúp việc? – nhưng tiền quá ít, ông đã

bắt đầu túng thiếu rồi! Ông không sao kiếm đủ tiền để trả cho một trong các thanh niên Trung Hoa du học ngoại quốc về, vì ngày nay họ đòi tiền lương quá cao. Rốt cuộc, không có ai giúp ông cả.

Tân ngồi xuống. Chàng lịch sự tìm một chỗ gần bên lò sưởi nhỏ đang reo vui, rồi nhìn quanh gian phòng chật hẹp, trống trải. Chàng yêu thích và ước ao có một gian phòng như vậy: sách vở này, bầu không khí ấm áp này, một chỗ riêng biệt của mình này, ông Hemingway thật là một người sung sướng! Trong một khung cảnh như thế này mà tỏ ra đại độ, cao thượng và tài giỏi thì là chuyện dễ dàng.

Tân cảm nghe hơi ấm dịu dàng thấm vào da thịt. Chàng nôn nóng muốn cởi mở nỗi lòng với ông Hemingway. Có lẽ dịp tốt sẽ đến trong chốc lát. Những tiếng nói thành hình mau chóng, tuôn đến đầu môi sẵn sàng để chàng thốt ra.

Ông Hemingway hỏi han một vài câu. Tân lễ phép nói về quê hương ông Hemingway – một nước đẹp đẽ, một dân tộc tuyệt vời.

Ông Hemingway nói, vẻ nghiêm nghị:

– Tôi hy vọng anh sẽ dùng kiến thức để giúp ích cho xứ sở anh. Nước Trung Hoa cần đến anh. Biết bao người cùng khổ...

Tân lắng nghe. Họ đã vào đề. Trong lát nữa, chàng sẽ bày tỏ các nỗi lo sợ, các điều ước muốn của chàng. Thực sự, chàng mong ước giúp đỡ quê hương, nhưng...

– Tuy nhiên, tôi hy vọng thái độ của anh khác với thái độ của phần đông các thanh niên từ Anh, Mỹ hay Pháp trở về. Ông Hemingway nói tiếp, giọng hơi xãng. Ông nghĩ đến buổi chiều quý báu đang trôi qua và đồng bài chưa chấm bắt đầu dẫn vật ông. Đầu ông nhức như búa bổ. Chao! ước gì ông có thể có một người giúp việc, dù một người thôi! Nhưng ông ít tiền quá!

Không dẫn nỗi cơn giận đang bùng bùng, ông nói:

– Khốn nạn cho tất cả các anh, vì các anh chỉ nghĩ đến tiền bạc, các anh chỉ tìm cái đó. Các anh muốn làm những công việc dễ dàng không trách

nhiệm, và tiền lương cao. Các anh không bằng lòng chịu kém hơn thế. Trong lúc đó, những nhiệm sở khó khăn đang cần người giúp đỡ lại không có ai đảm nhận. Phải chăng không ai trong các anh tỏ ra một chút can đảm? Này, anh Tân! thú thật, những sinh viên Trung Hoa từ Âu châu về, làm tôi thất vọng quá!

Gian phòng yên tĩnh. Ông Hemingway lơ đãng ngược nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường, tay mân mê cái dao rọc giấy để giữa bàn. Ông là một người khí khái, đã chịu đựng nhiều. Ông không chịu ra đi, mặc dầu sau tám năm làm việc liên miên không nghỉ, vì người ta không cử ai đến thay thế. Ông đã mệt nhọc và chán nản. Và lại, ông là một giáo sư có lương tâm, luôn luôn làm việc với những phương tiện thiếu thốn, nên lâu ngày phải kiệt sức.

Cơn mưa độc điệu đập vào các cửa kính. Một bầu không khí căng thẳng lan dần gian phòng thình lạng. Ông Hemingway nghĩ đến tất cả những nỗi thất vọng của mình, thể hiện bởi chàng thanh niên Trung Hoa này, với bộ Âu phục cắt rất khéo. Bỗng nhiên chàng thanh niên tưởng như mình bị đưa về nhà, giữa cái vòng người không thể thỏa hiệp, hội họp trong gian phòng bần thiêu. Sự hiểu lầm phân cách hai người, làm tâm hồn họ lạnh giá. Gian phòng mất ấm cúng.

Tân đứng dậy và vái chào. Trước mặt chàng là một vị giáo sư già khả kính. Chàng vẫn giữ lễ, nói:

– Thưa thầy, tôi rất lấy làm buồn vì chúng tôi đã làm thầy thất vọng. Xin kính chào thầy.

Chàng nói cách hãnh diện như vậy, rồi trở ra đường. Một cơn giận yếu đuối đột ngột xâm chiếm lấy chàng và một tiếng nức nở trào lên cổ họng. Chàng quả quyết nhìn thẳng đặng trước để ngăn hai hàng lệ, và tiến bước, lần này không đếm xỉa gì đến làn sóng bùn vấy bẩn đôi giày bóng láng.

Chao là mưa! Hơi ẩm chàng đã góp nhặt trong vài phút vừa qua tan đi rất chóng. Mệt nhọc và chán nản xâm chiếm lấy chàng. Đi đâu bây giờ? Chàng chỉ có cách trở về nhà. Đó là nơi nương nấu độc nhất nhưng chàng phải

chịu khuất phục. Sống như vậy khổ tâm đến mức nào! Chàng sẽ phải tự hy sinh mình như các người khác đã và sẽ hy sinh ở cái nước xưa cũ này – phải từ bỏ các hoài bão, đập tan mọi nguyện vọng riêng của mình.

Chàng sẽ phải lấy vợ, luật lệ đã bắt buộc như thế – cái luật tự ngàn xưa không thể một sớm một chiều loại bỏ. Chàng nhớ đến nét mặt cau có, đầu tóc rối bù của vị hôn thê. Dù sao, nàng chỉ là một đứa nô lệ mua với giá hời. Hình ảnh những gương mặt xinh tươi vui vẻ ám ảnh tâm trí chàng một cách dữ dội, đó là hình ảnh các cô sinh viên trường Đại học Mỹ. Bên ấy, người ta lấy người mình ưa. Ngay phụ nữ cũng có quyền kết hôn tùy theo sở thích. Chàng nghĩ đến những thanh niên, những bạn học cũ. Chính họ cũng được tự do chọn lựa trong các cô gái ấy, những người ngang hàng họ. Nhưng Tân không có hy vọng gì. Nghĩ đến họ cũng bằng thừa.

Tâm hồn xao xuyến, chàng quay nhìn hai bên. Chàng nhận thấy bên đường, những ngôi nhà gạch đen sẫm chõng chất dưới cơn mưa rả rích và lạnh buốt. Chàng mong trốn thoát làm sao! Nhưng chàng không có gì cả. Nếu có thể trốn đến Thiên Tân hay Thượng Hải, chàng sẽ tìm được việc làm và được độc lập. Nhưng chàng cay đắng nghĩ rằng không bao giờ chàng có thể được giải thoát. Dù chàng đi đâu, gia đình cũng sẽ tìm đến và bắt chàng trở về. Và rồi cuộc, liệu chàng có thể tự giải thoát khỏi chính mình chăng? Bị khai trừ khỏi thị tộc, liệu chàng sẽ chịu đựng nổi chăng? Người con trưởng không thể quên mình đến mức ấy: Ít ra cũng phải giữ chút lòng tự trọng!

Bây giờ ngoài đường hầu như vắng vẻ. Vài người ăn mày đi thất thểu và ướt dầm. Một người đàn bà vượt lên trước chàng, bà ta hấp tấp đi mua nước nóng, tay cầm cái ấm, tấm khăn trước ngực vắt lên đầu che mưa, răng cắn lấy hai ché. Một em bé đi học về, khoan thai bước dưới chiếc dù giấy dầu lớn. Ngày đông vẫn vói tối sầm lại. Trời vẫn mưa và đêm sắp đến, Tân nhận thấy phải đi về một chỗ nào, vì người chàng ướt sũng và rét thấu xương. Cố nhiên chàng chỉ có cách trở về nhà. Nhưng trở về là hàng phục. Cuối cùng, không thể tìm được giải pháp nào khác, chàng quay bước hướng về nhà. Chàng thấy những năm tháng tương lai diễn qua trước mắt – cố

nhiên những năm tháng đen tối, đầy dẫy công việc, nhưng luôn luôn mang lại cái cảm giác trống rỗng trong tâm hồn. Chàng tưởng nhìn thấy lại hình ảnh kỳ dị và đầy xúc cảm của những đứa con cầu xin chàng để được đến cõi trần. Và trong một tia chớp sáng loáng, chàng hiểu phải làm gì đối với chúng. Chàng dừng lại và nhìn đăm đăm qua làn mưa lạnh. Chàng đã khờ dại làm sao trong suốt ngày mưa dài dặc này! Chàng dừng bước trước tiệm bán thuốc ở góc phố và khẽ cất tiếng hỏi mua. Người bán thuốc nhỏ bé, cẩn thận nghiêng đầu lặp lại cách điệu dàng:

– Ba viên thuốc phiện đen? Vâng, xin vâng.

Hắn ta len lén gói thuốc vào mảnh giấy nâu và trao cho người thanh niên, rồi đưa bàn tay vàng vọt nắm lấy tiền khách trả.

Bấy giờ Tân đi về nhà, đầu ngược cao, không chú ý nước mưa chảy xuống mặt. Chàng ngạc nhiên vì đã không có ý kiến ấy sớm hơn. Chàng khẽ mỉm cười. Dù sao, thời gian lưu trú ngoại quốc cũng như các phí khoản cho chàng ăn học trở nên vô ích. Trong lúc khủng hoảng này, không lời giảng dạy nào của các giáo sư Mỹ gợi cho chàng cách xử trí. Không có vị giáo sư nào dạy cho chàng cách biệt sống. Đành rằng, nhờ sự giúp đỡ của họ, chàng đã viết được thiên tiểu luận xuất sắc kia, bây giờ bọc trong giấy dầu, cất tận đáy rương cùng với các văn bằng và ít đồ vật mà chàng chỉ dùng đến khi có dịp. Không, đó là sự phục thù của các bậc tổ tiên, đó là lời phản kháng của họ đối với một thế giới đảo điên, bây giờ có thể giải quyết tất cả và chỉ cho chàng thấy cách tự hy sinh.

Chàng đi vào trong sân. Phía trái chiếc cổng sắt là nhà bếp. Cửa mở rộng và ánh lửa ở chiếc lò bằng gạch chiếu sáng khuôn mặt một thiếu nữ đờ đẫn và cau có đứng lấy rơm đun bếp. Chàng khẽ rùng mình và mím chặt môi. A! Chàng đã quyết định một cách khôn ngoan.

Căn phòng trống không khi chàng bước vào. Trên bàn có một bình trà và hai cái chén. Chàng sờ bình trà và thấy lạnh tanh. Chàng thầm nghĩ, tức giận: cái gì cũng lạnh! CƠn mưa lạnh giá khổn nạn làm sao! Chàng rót một chút nước trà tráng chén rồi đổ xuống đất. Chàng bỏ mấy viên thuốc vào

đáy chén, rót nước rất cẩn thận. Ba viên thì một chút nước sôi – chàng nốc chén thuốc và hớp thêm một ngụm nước trà nguội.

Đoạn chàng vào phòng. Căn phòng sẫm tối, và chỉ lần này chàng mới ở một mình. Em chàng chưa về. Tân tiến đến giường, cởi đôi giày bẩn và chiếc áo vét sũng nước. Rồi không buồn thay quần áo lót, chàng nằm xuống, xây mặt vào tường, kéo chăn lên vai và rùng mình nhắm mắt ngủ.

Bên ngoài, mưa vẫn rả rích rơi trên mái ngói, tiếng mưa thì thào êm dịu. Lặng lẽ ngày bước vào đêm...

BÈ SÚNG BÊN RỪNG

Marc Blancpain – Trữ Vũ dịch

Anh Bazin bạn tôi, đã kể cho tôi câu chuyện này. Bazin tuổi đã quá năm mươi, đó là theo lời anh nói, và mọi người đều tin, nhưng nhìn sắc diện anh, người ta đoán chừng anh chỉ trên bốn mươi là cùng. Bạn hãy tưởng tượng một người giò ngắn, ngực nở, vai rộng, cổ thấp, với một cái đầu tròn-cứng như sắt, tôi thề như thế! -trên đó mọc một đám tóc đen trông y như lông ngựa. Đôi má đầy và hồng hào, hàm răng đều đặn, ngời sáng, ẩn dưới một bộ râu mép đen dày: "Tôi giống với một cây dương cầm, Bazin còn nói thêm, tay chỉ vào phần dưới của mặt mình: đây là bộ phím ngà và cái nắp đàn gỗ mun"!

Bazin luôn luôn cười và hơn nữa, có vẻ chế nhạo thiên hạ. Nguyên do chỉ vì đôi mắt của anh. Đôi mắt khiến ta nghĩ tới những hạt dẻ Ấn độ lớn, tròn, lóng lánh, một đôi mắt ngây thơ giả vờ và thực sự rất tinh nhanh. Hai mắt khá gần nhau, vì chiếc mũi của Bazin tuy mỏng nhưng thật lớn, lớn một cách táo bạo, gấp đôi chiếc mũi của bạn và tôi. Bazin thường ví nó với một con dao quăm, một mũi tàu hoặc một thỏi sắt hàn. Và Bazin yêu chiếc mũi lớn của anh lắm. Anh nói:

– Với một dụng cụ cỡ này, tôi có thể chạy nhanh và bơi lội dễ dàng; nó rẽ gió rẽ sóng như chơi!

Nhưng kìa, đã quá nhiều lời về dáng dấp và diện mạo của Bazin. Thôi thì bạn hãy nhớ rằng đó là một người đàn ông mập mạnh, vui tính và mặc dù đã năm mươi tuổi vẫn thường nhật ăn ở như một trẻ thơ vô tội. Và nếu bạn hỏi anh ta:

– Ông bạn Bazin, tại sao ông bạn vui và trẻ hoài vậy?

Thì anh ta sẽ trả lời ngay:

– Bởi vì ngày xưa tôi đã đập gãy khẩu súng của tôi.

Bazin sinh sống tại Phi châu trên ba mươi năm trời, phần lớn là ở I Voan, ngay giữa lòng rừng sâu nhiệt đới.

Khí hậu nơi đây khó chịu vô cùng. Người ta mau bị kiệt sức trong cái nóng nực và ẩm ướt bao quanh. Bệnh hoạn rình rập tứ phía: sốt rét, kiết lỵ, thương hàn...thôi thì đủ thứ bệnh. Nếu Bazin mà còn đứng vững đây, đó hẳn là vì anh trời sinh vốn mạnh như voi, và nhất là vì anh biết giữ gìn sức khỏe. Anh ngủ có mùng, uống ngừa thuốc ký ninh, sợ rượu, không khi nào chịu để cho cơn lười biếng cám dỗ, luôn luôn kiểm soát hoặc để bà vợ kiểm soát các món ăn thức uống của mình. Anh nói:

– Ở Phi châu, bí quyết của sức khỏe, cũng như bí quyết của thành công, đó là cái kỷ luật mà người ta tự đặt cho mình.

Nhưng ấy! Anh bạn Bazin của tôi không phải là một lão "Tạt-Ta-Ranh" về vườn đâu nhé! Bạn đừng hòng mà thấy anh ngồi trên một chiếc ghế dựa êm ái, kê bên bếp lửa hoặc dưới gốc "xơ-ri" trong vườn để kể những chuyện phiêu lưu mạo hiểm bên Phi châu của anh cho bất cứ những ai muốn nghe đâu! Ta có thể ngồi bên cạnh anh suốt một buổi chiều mà không bao giờ nghe anh đả động đến chuyện gì thuộc về xứ Phi châu. Tôi đã làm mà nói với bạn lúc khởi đầu rằng: "Anh Bazin, bạn tôi, đã kể cho tôi câu chuyện này". Nói cho đúng ra thì: Câu chuyện sắp kể sau đây, tôi đã phải bứt nơi bạn tôi mỗi lần một mảnh mà chấp lại.

*

**

Vào thời đó – trong vòng năm 1935 – Bazin là nhân viên của một đại công ty làm gỗ, ở cách Abidane 120 cây số về phía bắc. Lúc bấy giờ, Abidane còn là một khu làng lớn thôi, nhưng đã có một đường xe lửa nối liền với nội địa của xứ này. Bazin kể:

Chuyến xe lửa chở khách khởi hành một tuần hai lần về phương bắc và quay trở lại sau khi đã đi tới đoạn cuối đường. Chiếc xe lửa đó không giống như chiếc B. B. 220 tối tân ngày nay đâu! Hẹp và đội trên đầu một cái ống khói cao nghều nghệu, nó vừa khiêu vũ trên đường ray vừa phật hơi ra tứ

phía, anh chàng thợ máy gọi nó bằng cái biệt danh là "Sùi Bọt mép", còn những kẻ xấu miệng thì kêu nó là "Vá Hót Bọt"! Khi "đề-ma-rê" thì nó khụt khịt như một con ngựa phát chứng, còn lúc xuống dốc thì nó chạy mau vù vù – mấy cha hành khách người bốn xứ thì vui đùa như trẻ con đi xem hội chợ, các bà vợ thì làm bộ thét lên vì sợ hãi, bọn con nít thì vừa khóc vừa cười, gà vịt thì kêu oang oác, trên khúc đường bằng phẳng, đoàn xe lửa trở nên biết điều, chạy đều chân và lấy điệu độ của những chiếc xe đứng đắn. Ấy, nhưng rồi nó lại trở chứng khi một cái dốc hiện ra: chẳng là Sùi Bọt Mép cần phải lấy "ê-lăng" để vượt qua chướng ngại mà!

Có một đoạn đường dốc thoải mà tất cả hành khách quen thuộc đều biết và họ nóng lòng chờ đợi... Khi còn cách chừng hai cây số, con tàu dừng lại hình như để lấy hơi, người tài xế tống than vào họng nó và kịch liệt bươi lửa, hành khách xuống xe – những người da trắng với quần dài bằng vải "toan" và áo sơ mi hở cổ, những người da đen với dáng điệu hào mục, cả lũ trẻ nữa, tò mò tiến lại gần đầu máy, đặt câu hỏi và cho ý kiến này nọ với chàng thợ máy: những người da trắng nói trước với nhiều quả quyết hơn.

Khi nghiệm rằng đã đến lúc, thì anh chàng thợ máy đưa mắt hỏi ý người tài xế, rồi kéo lên cú còi dài xé tan bầu không khí ẩm ướt và làm lũ chim chóc kêu lên inh ỏi trong cây. Hành khách lại leo lên xe và dùng hai bàn tay bám chặt vào chỗ ghế ngồi... Cần báo cho bạn rõ rằng những cái toa hạng ba không có cửa ngõ chi cả, và chỉ một cú giạt khá mạnh là đủ hất nhào xuống hố một kẻ sơ ý, hai ba kẻ sơ ý hay cả một đùm trẻ con! Thế nhưng thiên hạ lại ưa những toa này, vì ngồi ở những toa này thoáng khí dễ thở mà lại vừa hưởng hết cái cảm giác say sưa của tốc độ!

Tiếng còi tàu vừa dứt thì...phụt!...phụt!...phụt!... chuyển xe chuyển mình. Nhanh hơn nữa! Nhanh hơn nữa! Càng nhanh hơn nữa! Đoàn xe nháy nhóc trên đường ray. Khói nhả tơ lên trời. Bầy khí, ẩn trong cây, trợn tròn đôi mắt, nhìn sững. Những con dạn gan nhất và tò mò nhất, những chú chàng khi đầu chó hoặc những chú chàng đại tinh tinh thì nhào xuống những cành cây thấp để "đoái xem phong cảnh" cho gần hơn.

– Chỉ còn thiếu đàn bò nhìn đoàn tàu chạy qua – Bazin nói:

Mỗi lúc càng nhanh! Nhanh mãi! Phụt! Phụt! Phụt! Sùi Bọt Mép đã đạt đến 60, 70 cây số giờ! Và a lê hấp! Nào ta vượt dốc!

Nhưng than ôi! từ "Phụt! Phụt! người ta cứ từ từ tụt xuống "phụt! phụt! phụt!..." Anh chàng thợ máy kéo lên một hồi còi dài ảo não và mềm èo. Bàn tay của hành khách rời khỏi ghế. Mỗi người tìm lại lời nói, họ thở than:

– Tôi nghiệp thay Vá Hớt Bọt! Quả tình nó hết "nồi" nữa rồi.

Hơi nước vừa xịt vừa kêu xì xì từ hai mạn sườn của chiếc đầu máy cũ, nó đi tới, thẳng cha dững cảm, nó đi tới trong một cái thứ máy gầm rống kinh hoàng. Nhưng mà tốc độ của nó, rõ ràng sờ sờ ra đó, lại cứ xuống dần!

Tuy thế cũng có đôi khi người ta vượt lên được thấu đỉnh dốc. Mọi người bèn thở ra một hơi nhẹ nhõm, và reo mừng chiến thắng. Tất cả bọn da đen, đàn ông, đàn bà, con nít, cùng vỗ tay.

Trên đỉnh dốc, sau khi đã thét lên năm sáu cú còi vui mừng thành công, con tàu bèn lấy lại được phong độ cũ trên nẻo đường rầy!

Song le cũng có khi xảy ra – và than ôi! lại xảy ra quá nhiều lần! – Cái việc đoàn xe vượt không qua nổi chướng ngại, mặc dù tất cả sự dững cảm kịch liệt của mình. Bấy giờ hờn giận, kiệt sức, và e chùng hổ người nữa là chẳng khác, nó bèn để xì ra một hơi thở cuối cùng, đoạn rời, rời bỏ mọi hy vọng, nó để buông mình chạy lùi xuống dốc, với sức nặng của mười chiếc toa xe mà nó kéo sau lưng!

Người ta khởi sự "làm lại tất cả" bằng cách chạy lùi trên quãng đường mà họ vừa vượt qua với dáng dấp vô vàn oanh liệt đó. Họ dừng lại ở tận cuối đường dốc, người tài xế lại làm cái việc cho thêm lửa và hành khách lại cho ý kiến. Song lần này, người ta trì hoãn, cẩn thận hơn! Chẳng là không nên để "hụt vuột" thêm một lần nữa...

Nhưng tôi trở lại với anh bạn tôi. Bazin có mặt trong chuyến xe đó, anh đạp xe từ Abidane và chỉ xuống ở trạm cuối đường.

Ở đây, sau khi đã bắt tay chàng thợ máy và hỏi thăm viên xếp ga về tin tức trong rừng, anh lên đường để đến công trường cúp gỗ.

Bazin không đi bộ, cũng không đi ngựa, cũng không dùng xe hơi. Chuyến "xe lửa đặc biệt", như anh vẫn gọi để mà tự diễn, đang đợi anh một hoặc hai giờ rồi...

Cái "xe lửa đặc biệt" này nó chỉ là một chiếc đầu máy bé tí teo chạy bằng dầu, đặt trên một toa xe nhỏ.

Bazin chất hành lý của anh lên xe và ngồi xuống một chiếc ghế dài đặt phía trên bình chứa dầu, người bạn đến đợi anh ở đó bèn quay ma-ni-ven cho máy nổ và chiếc xe lên đường, cà tang cà rịch, mỗi giờ chừng 8 đến 10 cây số. Hai người đàn ông ngồi cạnh nhau, vai kề vai, họ nói chuyện như thét lên để mong át tiếng máy nổ rầm rầm, hoặc họ lặng thinh để vừa hút ống vố vừa thỉnh thoảng lại mỉm cười với nhau.

Con đường này, một con đường rầy nhỏ cỡ 6 tấc liền công trường với ga xếp cuối đường được đặt ngay trên đất. Người ta đã phóng cho nó một lối trống xuyên rừng bằng cách đốn bỏ những cây to và phát hoang bụi rậm. Nhưng công việc này cần phải làm lại luôn luôn bởi, vì cây bụi ở đây mọc lên nhanh lắm; ở Phi-châu, thiên nhiên là sức mạnh nan địch...

– Chỉ cần ba tuần lễ, – Bazin nói, – là người ta không còn nhìn thấy đường rầy đâu nữa, những chồi cây mới to bằng nắm tay sẽ đội đường rầy lên và lật tung! Tôi có dưới tay một toán sáu người chỉ chuyên để phát cây chặt rẽ liền tay trên con đường đó, khi toán người này vừa làm đến tận nhà ga thì lập tức họ đã phải khởi công trở lại từ đầu cuối đường đằng kia, phía công trường!

Bazin thở ra. Tôi nhìn thấy đôi mắt màu hạt dẻ của anh ngời ánh ranh mãnh:

– Anh biết không, ở Phi châu, không có gì khó hết: anh trồng một cây cải vào một buổi tối, và anh sẽ gặt một cây thốt nốt vào sáng hôm sau! Với các anh ở quê nhà, các anh đâu có thể tưởng tượng đến một sự phì nhiêu như thế! Thật là kinh khủng, anh bạn ôi, thật là kinh khủng!

Và đột nhiên anh tiếp, với vẻ nghiêm trang:

– Anh thấy không, cái giống thực vật, nó còn dữ hơn loài thú và ngay cả loài người nữa! Cái giống đó, nó xức tuốt!

Từ nơi "chuyến xe đặc biệt" Bazin và người cùng đi không bao giờ bắt gặp bầu trời, những cây lớn trên đầu họ đan nhánh vào nhau dường như để che cho đôi mắt của tạo hóa khỏi nhìn thấy cái vết thương nằm giữa lòng rừng hoang thẳm. Đó là những thân cây cao ba mươi, bốn mươi, năm mươi thước, chúng trở ra những tàn rậm kín bưng và vươn lên cao đến thế là chỉ để tìm gặp ánh sáng và khí trời, tuy nhiên cả một thế giới loài thảo mộc ký sinh, những tấm lá rậm màu xanh úa, những lớp rêu dày dơ bẩn đã sống nhờ vào chúng và đã bám chặt lấy nhánh cành như để níu chúng lại không cho vươn cao.

Không một bông hoa. Bóng tối màu xanh – lá đậm và buồn như một đêm không trăng, không có một tiếng động, không một tiếng thì thầm: vùng lớp cây thấp của rừng già, u uất, im lìm và bất động, gợi nghĩ đến giải nước tù, không có thú rừng; ngay cả những con rắn cũng ngại len vào đó...

Chỉ trên những tàn cây cao sáng sủa người ta mới tìm thấy bóng chim – song, phần lớn, chúng chỉ tỉnh giấc lúc về đêm để mà gậy gổ nhau inh ỏi. Ngoài ra chỉ có họ hàng nhà khỉ.

Tóm lại là "chuyến xe đặc biệt" không bao giờ rời khỏi cái đường hầm tạo bằng vòm lá. Và cái đường hầm này kéo dài ba mươi cây số mà người ta phải mất trên ba giờ để vượt qua!

– Cái tiếng nổ phịch phịch của động cơ nghe thật nhức óc nhưng nó làm bạn với chúng tôi, Bazin nói. Khi bất ngờ có một cú sự cố làm cho nó ngưng nổ, thì lập tức cái im lặng của rừng già đè nặng lên vai chúng tôi, một nỗi lo âu mơ hồ siết chặt buồng tim chúng tôi... Chúng tôi loay hoay sửa chữa, để rồi khi tiếng máy ròn rã nổ trở lại, chúng tôi khoẻ khoắn reo mừng như trẻ con...

Cái công trường Bazin làm việc là một công trường đẹp, và anh lấy làm hãnh diện giới thiệu nó với những ông lớn của công ty, những lúc các ông

lớn này chịu cho cái tấm thân ngàn vàng của họ phiêu lưu vào những vùng ve kêu vượn hú này.

Người ta đã dùng cưa và búa để khai phá một khoảng sân rộng bằng phẳng. Cố nhiên là ở đây cũng phải có ba bốn người được phân công phá hủy ngay bất cứ thứ cỏ cây gì lăm le muốn trời đầu trở lại.

Có khoảng mười con đường rầy cỡ 60 phân đổ ra theo hình sao khắp các hướng rừng sâu, chúng thông đến các khu hạ gỗ, trên các đường rầy này, những chiếc đầu máy hiệu "Đờ-Cô-Vin" kéo từng dọc toa xe chở cây đến công trường.

Nhà máy công ty nằm ngay giữa khoảng sân bằng nói trên, và các đoàn xe đều đỗ về nơi đó.

Phía nam có một sở nhà lớn mái lợp tôn sơn đỏ, đó là chỗ ở của những người thợ rừng, hoặc độc thân, hoặc cùng với gia đình, cạnh đấy còn có một sở nhà đồng kiểu dùng làm nhà bếp, kho chứa đồ và bệnh xá. Những người da trắng và anh bạn Bazin thì sống trong những ngôi nhà nhỏ nằm cách xa nhau. Trong số này có người còn độc thân, có người thì để vợ con ở Abidane hoặc ở quê nhà.

Mặc dầu tuổi còn trẻ, Bazin chỉ huy mọi việc và mọi người nơi đây – gần một trăm người tất cả – và anh được đặc biệt độc chiếm một ngôi nhà lớn hơn hết nằm kế bên xưởng cưa máy, ngay trung tâm của khoảng đất bằng.

Marie, người vợ trẻ của anh, cùng sống với anh ở đó. Trong vùng một trăm cây số vuông vùng này nàng là phụ nữ da trắng độc nhất. Mọi người, Âu cũng như Phi, đều coi nàng là một kiệt tác của hóa công, một vật từ trời sa xuống, một thứ mang lại hạnh phúc, một ngôi sao chổi đẹp lộng lẫy mà không biến mất, tóm lại, là kỳ quan thứ tám của thế giới, nếu không nói là kỳ quan thứ nhất!

Phần Bazin, anh ngại cho vợ mình buồn phiền trước cái đời sống nhọc nhằn và man dã của chốn rừng hoang nước độc này. Nhưng Marie, trái lại, nàng chẳng những đã không buồn mà còn lấy làm vui. Nàng tươi cười hoạt động, tràn đầy sức sống. Nàng yêu sự làm việc và việc làm cũng không

thiếu cho nàng, vì rằng kỳ quan thứ tám cũng còn là bà tiên từ thiện của công trường nữa, nàng lãnh vai y sĩ và khán hộ nơi đây.

Hai năm về trước, khi Marie vừa về sống ở công trường, một hôm Bazin đem về cho nàng một con khi con bị thương.

– Trong vùng này có rất nhiều giống khi đại tinh tinh, – Bazin giải thích, và cả loài đười ươi nữa... – Nhưng em đừng sợ, đây chỉ là một đại tinh tinh thôi. Nếu có sống sót được thì nó cũng không bao giờ lớn hơn em và có lẽ cũng không nặng cân hơn em...

Bazin cười. Marie, nàng Marie của thị thành hoa lệ, nghe run rẩy trong tim.

Bazin lại nói:

– Em có thể chạy chữa cho nó, rồi nó sẽ nhớ ơn em... Như một con chó vậy. Hơn cả một con chó thì đúng hơn... Giống đại tinh tinh này thông minh lắm, thông minh nhất trong loài khi và xét ra thì cũng giống với loài người hơn hết...

Marie đã can đảm mà cười theo chồng:

– Anh biết rõ về họ lắm sao?

– Về loài người?... Thì cũng kha khá. Mà về loài khi thì cũng không tệ lắm. Từ hai năm nay, bọn công nhân bản xứ đã kể cho anh nghe rất nhiều về chúng. Em biết không, theo họ thì giống đại tinh tinh và giống đười ươi chính là người đã bị phù thủy hóa phép ra! Phải đó, ngày mai biết đâu chừng anh lại không nuốt phải một cục bùa yểm, để rồi em sẽ thấy anh vừa nhảy cành cây này sang cành cây khác, vừa nhăn nhó làm trò! Và rồi mấy chàng da đen sẽ đưa tay chỉ vào anh mà hét: "Đó, ông chủ đó!"

Lẽ tự nhiên là trong lúc họ chuyện trò như thế, Marie tận lực săn sóc cho con khi. Nàng đã khám thấy một chỗ gãy nơi xương đùi, đó là thương tích nặng nhất, cổ tay trái dường như cũng bị trặc, còn vết toạc trên sườn con vật thì nhẹ thôi.

– Vì sao nó bị thương thế?

– Anh cũng không hiểu nữa. Không bao giờ có cái chuyện khi mẹ bỏ rơi con, và cũng không khi nào một toán khi – hay cứ gọi là một gia đình khi – để mặc một phần tử của chúng trong vòng tai nạn. Sau một trận đánh, dù được dù thua, chúng cũng trở lại đem những con bị thương và chở cả những xác chết về.

Trong trận chiến đấu, loài khi tỏ một tinh thần đoàn kết. Chỉ cần một con bị tấn công là cả đoàn đều xông tới cứu, dù cho kẻ địch là một con báo, một con trăn, một con người hay bất cứ mãnh thú nào khác! Và hầu như chưa từng có một mãnh thú nào có thể cự lại một cuộc phản công tập hợp như thế... Ủ, thực anh không hiểu vì sao con khi này đã bị kẹt lại dưới đó... Đầu đuôi như vậy: bọn anh đang sửa soạn đốn một cây bông gòn lớn trong rừng. Lúc anh bước lại gần gốc cây để liệu thể mà đốn, thì chợt nghe có tiếng rên nho nhỏ... Anh cúi nhìn: đó là con khi con này, đang nằm ngửa trên một cái rễ cây, nó thoi thóp thở: đôi mắt tròn của nó ngời lên ánh hoảng sợ.

Anh tự hỏi không biết có phải nhóm khi này đã có chuyện với mấy con đười ươi chăng. Cái giống đười ươi thì nó lớn lắm, hơn cả một người to con, và nó khỏe kinh khủng, đôi cánh tay nó dài và cứng như sắt nguội.

Ủ, thực là một sức mạnh khủng long! Nhưng đồng thời, lại rất nhát và rất dần!

– Coi bộ anh không mấy yêu chúng...

– Anh chỉ mô tả thật đúng đó thôi. Phần anh, anh còn cầu cho chúng nhát như vậy! Giá mà hiểu chiến thì chúng còn làm mệt mình nhiều. Trái lại, từ trước tới nay, cứ mỗi lần nghe tiếng cửa tiếng búa của bọn anh vang lên, thì chúng chỉ có một nước là chạy trốn trong rừng sâu.

– Chúng không tò mò chút nào sao?

– Có chứ, cũng như bất cứ giống khi nào! Anh biết chắc chắn là chúng luôn luôn dõi nhìn bọn anh, có điều là từ trong rừng sâu kia, mà chúng cũng không bao giờ để cho mình thấy chúng. Với lại, chúng không sống thành đàn như giống đại tinh tinh chẳng hạn, mà chỉ kết từng cặp hoặc từng bộ ba...

– Tóm lại, đó là những con thú cô độc hay là những cặp thú thận trọng và không bao giờ đánh nhau phải không anh?

– Ấy, em chớ lầm... phải nói là còn tùy trường hợp mới đúng! Một khi bị tấn công hay bị đuổi nột, đười ươi liền trở nên hung dữ và quay lại phản công ngay. Mà khi đó, thì phải biết!...

Nhưng anh hãy trở lại chuyện con khi con. Hẳn là mẹ nó đã để rơi nó từ trên cây xuống, nhưng tại sao con mẹ đã không quay lại lượm con lên ngay như thường lệ? Trong chuyện này, anh đoán chắc là phải có chú đười ươi dính dáng vào. Là bởi vì cái giống thỏ đế này, tuy vậy, với cái hình dáng khổng lồ kinh khủng của nó, đã làm cho cả rừng đều sợ khiếp... Hẳn là một vài con đười ươi đã đột ngột xuất hiện giữa đám khi làm cho chúng thất thần bỏ chạy, và để rơi lại con khi con này...

Có lẽ là ngay sau lúc đó thì anh tới. Thấy con khi con bị thương tội nghiệp, nên anh đem nó về đây. Nhưng biết đâu khi cơn hoảng sợ đã qua, con khi mẹ chắc chắn sẽ trở lại tìm con nó...

– Anh không nên tự trách mình, vì dù anh có để nó lại cho bây khi, chúng cũng không sao chữa lành thương tích cho con vật này đâu!

Con khi nhỏ, theo lời Bazin, chẳng mấy chốc đã lành. Vết toạc ở sườn nó kín miệng vào khoảng năm sáu hôm sau và chỉ còn lại một vết sẹo khuất dưới lớp lông dày. Cổ tay trặc thì ngày ba lần được Marie xoa bóp, và chỉ một tuần sau là con khi đã sử dụng được cả hai tay để bắt chí bọ trên mình nó, cũng như tuần tự dùng mười ngón để thám hiểm lỗ mũi!

Marie đã buộc những thanh gỗ dài dọc theo bắp đùi gãy, những thanh gỗ này cọ trầy da, nhưng con khi nhỏ không hề tìm cách giật bỏ ra: nó hiểu là các thanh gỗ dùng để chữa cho mình, hay đúng hơn, nó đã đặt trọn niềm tin vào Marie! Chừng năm tuần lễ thì các thanh gỗ được tháo bỏ. Con khi nhỏ – từ rày, nó tên là con Ba Ngộ, bởi vì trông nó ngộ ngộ và vì Bazin bắt gặp nó vào ngày thứ ba! – bước một, hai, ba, bước với dáng thận trọng vững tâm, nó bèn đứng thẳng người lên và đi tới một cách mạnh dạn, đoạn nó ngồi xuống bằng cái bàn hậu đỏ hoe, đưa mắt chăm chăm nhìn Marie và

tặng cho nàng một cái nhãn mặt khi kỳ cục, nó có ý nghĩa rằng, trong ngôn ngữ khi, một nụ cảm ơn!

Ba-Ngộ được tự ý đi lại trong nhà và trong vườn, nhưng trừ hai phòng là phòng bếp và phòng ngủ. Về điểm này, Bazin tỏ ra cương quyết lắm, anh nói – Cái giống khi, nhất là khi con, nó sờ mó lung tung mà lại không lấy gì làm sạch lắm.

Nói cho thật thì phải nhận rằng nó "có mùi" nữa, Marie ạ!

Để giữ mối hòa điệu giữa chồng và con thú nuôi, Marie quyết định tắm cho nó thật kỹ bằng xà phòng mỗi buổi chiều trước khi Bazin về đến nhà.

Trong mấy kỳ đầu đã xảy ra lắm màn kịch liệt. Con khi nhỏ cất lên những tiếng kêu cầu khẩn, rồi tức tối, ghen ngào, phẫn nộ, nó làm cho tất cả mọi con thú trong công trường trốn chạy và làm cho tất cả mọi người, trẻ, già, lớn, bé, trong công trường tuôn đến xem. Ba-Ngộ hất đổ thùng nước tắm, giật lấy cục xà phòng, thoát khỏi tay hai người giúp việc, cắm cổ chạy xuyên qua nhà làm đổ bàn ghế lung tung!

Lúc Sam và Dee – tên hai người giúp việc, tóm được nó lại, và trước khi nhận nó vào thùng nước ấm, Marie đã cho nó nghe một tràng khuyến dụ mà con thú vừa lắng nghe vừa run cầm cập, đôi mắt thì nhăn nhó vì nổi hãi kinh. Tuy nhiên, cơn sợ nước và sợ xà-phòng của nó dịu xuống dần dần. Rồi đến cả cái thời mà nó làm tuồng hí hửng mỗi khi nhìn thấy Sam soạn đồ tắm cho nó nữa! Một hôm, nó chớp lấy một cục xà phòng, leo tuốt lên mái nhà ngồi chễm chệ, rồi bắt đầu đem món ăn mới lạ đó ra nhai, nhưng liền đó cô ả nhãn mặt tụt xuống đất để rồi, với vẻ tên tò, trao trả lại cục xà phòng vừa gặm thử! Một giờ sau, Ba Ngộ bắt đầu lên cơn đau bụng dữ dội. Thì phải lắm mà, dạ dày của một khi con có phải dạ dày của một bác đà điểu đâu.

Hai tháng sau ngày vào ở nhà này, người ta đã có thể nhìn thấy con Ba Ngộ, vào mỗi buổi chiều trước khi mặt trời lặn, lảng xãng phụ với Sam trong lúc Sam lo soạn thùng nước, xà phòng, bông đá và khăn tắm. Cái khổ hình của thuở ban đầu nay đã biến thành lạc thú!

"Nuôi khỉ nhỏ cũng như nuôi trẻ con. Marie nghĩ thầm, trước tiên cần phải tập cho chúng những thói quen tốt".

Ba-Ngộ lớn dần. Lớn rất nhanh là đằng khác.

Một chiều, lúc mặt trời vừa ngả xuống ngọn cây, một toán đại tinh tinh mon men đến gần ranh khoảng sân bằng, vào tận công trường và khởi sự làm huyên náo. Con Ba Ngộ vừa tắm xong và để giỡn chơi Marie đã cột một miếng vải đỏ quanh cổ nó. Con khỉ nhỏ bất ngờ nổi cáu, giật lấy miếng vải và chà dưới chân, đồng thời la hét um lên, nó nhìn người chủ nó như trách móc thậm tệ...

Đêm tối xuống. Dưới trời nhiệt đới, không có hoàng hôn, mặt trời tắt và buổi ngày tắt liền theo, đêm tối chỉ cần một thoáng giây để trải quyền ngự trị lên muôn loài. Bấy giờ, một sự im lặng lớn lao làm tê liệt cả miền núi rừng này trước, khi nổ bùng ra những cuộc cãi lầy huyên náo của loài chim dơi và sâu bọ.

Đêm tối xuống và bầy khỉ liền rút vào rừng, những người thợ đốn cây đã trở về trên khoảng sân bằng, Bazin cũng trở lại nhà anh. Ba Ngộ đã dịu cơn cáu bẳn như thói quen, con thú đang dùng hai bàn tay để vuốt lông sườn.

Marie kể lại cho chồng nghe việc vừa xảy ra. Bazin nói:

– Chúng muốn bắt nó lại đó, và đó cũng là chuyện tự nhiên. Còn con Ba Ngộ, tất nhiên là nó cũng muốn đi theo chúng!

Marie đáp khẽ:

– Nó mà theo chúng thì sẽ khổ lắm, anh hiểu chứ! Nó không còn là một con thú hoàn toàn dã man nữa... Với lại, em không muốn phải mất nó!

– Vậy thì làm cái lồng. Và nhốt nó lại mỗi buổi chiều, trước khi mặt trời lặn.

Hôm sau, người ta khởi sự sửa chữa lại một cái lồng cũ đan mắt cáo, khá lớn và khá đẹp, công việc này làm con Ba Ngộ thú lắm, nó lảng xãng xen vào phụ với những người thợ, cố nhiên là để phá hơn là để giúp. Nhưng mà, con thú nhỏ mừng như chưa lúc nào mừng hơn!

Hoàn thành cái lồng rồi, việc buộc con khỉ vào trong nhà tù của nó và chịu ngồi im cũng không phải là dễ. Mà hài kịch cứ tái diễn mỗi chiều.

Marie chui vào lồng với Ba Ngộ, nhưng Ba Ngộ bám vào cổ nàng khi nàng muốn chui ra! Bazin cười thắt cả ruột. Anh nói:

– Dễ lắm, em chỉ việc ngủ luôn trong lồng với nó.

Tuy nhiên, bằng sự kiên nhẫn, cuối cùng Marie đã buộc con thú theo ý mình.

Bazin tỏ ra khâm phục:

– Chịu đàn bà thôi! Không có cái gì mà họ không làm được!

Tuy vậy, Marie vẫn không được yên lòng. Một buổi sáng, nàng đột nhiên nhận ra – là bởi chứng người ta thường đi đến chỗ không hiểu và không nhìn thấy những kẻ hằng ngày sống bên cạnh mình – rằng con Ba Ngộ đã trở nên lớn quá, lớn đến nỗi mặc dù đôi gối cong mỗi khi đứng lên, con Ba Ngộ cũng đã cao quá vai nàng! Marie còn nhận ra thêm một điều là con Ba Ngộ không còn lấy làm thích thú khi được tắm vào mỗi buổi chiều như trước nữa, có những lần nó tỏ ra dỗi buồn, và một đôi khi, thở dài sườn sượt như một cô gái gặp cảnh không may.

Một hôm nàng nói với chồng:

– Anh có để ý là độ này bọn khỉ bạo gan quá không? Sam nói rằng ban đêm chúng đã kéo đến cả đoàn trên những cây ở gần nhà bếp và kho chứa thực phẩm.

– Nếu thật như vậy thì đáng lạ lắm... Phải chăng là lũ quỷ ranh đó đang trù chuyện phỗng các món ăn dự trữ của mình? Dù sao, anh cũng ngạc nhiên... Đã đành cái giống đại tinh tinh này không đàn mà cũng thiếu gan dạ, nhưng từ đó mà đến chuyện mưu đồ một vụ xoáy thì...

– Còn con Ba Ngộ?

– Con Ba Ngộ thì sao?

– Anh không tin rằng chúng muốn bắt lại con Ba Ngộ à? Bazin nhún vai và quay mặt nhìn đi chỗ khác.

Đã đành cô khi lớn này đã trở thành quá cồng kềnh, quá chật nhà. Dù là ở Phi châu, người ta cũng không có thói quen nuôi những con gia súc to cao, và nặng hơn cả một cậu trai mười tám! Tuy nhiên, Marie và anh Bazin đều thương nó, một con thú lanh lợi và thông minh.

Hai ngày sau, vào giờ tắm, mọi người trong nhà đã hoài công mà gọi Ba Ngộ đến khô hơi khản cổ. Cô khi lớn biến mất rồi.

Đêm xuống, Marie nhận ra rằng đàn khi đại tinh tinh không đến ẩn rình trong những cây lớn đằng sau kho chứa thực phẩm như thường lệ nữa.

Nàng hỏi chồng, đôi mắt mờ lệ:

– Anh tin mình còn gặp lại nó không?

– Không, anh không tin thế. Nhưng – không phải anh nói để an ủi em đâu – anh tin chắc rằng con Ba Ngộ không bao giờ quên em.

Những tuần, những tháng trôi qua. Vợ chồng Bazin được trở về quê nhà nghỉ phép sáu tháng. Nỗi buồn tiếc của người thiếu phụ nhạt dần, để rồi hoàn toàn mất hẳn khi nàng sinh hạ được một đứa con trai – bé Philippe – vào tháng mười một năm 1936.

Mỗi ngày các địa điểm đồn cây mỗi xa dần khoảng sân bằng và xưởng cưa.

Để tránh những vòng đi lại xuyên qua rừng, rất nhiều người thợ đã tập thói quen ở lại ngủ dưới lều vải, ít nhất cũng hai đêm một lần.

Phần Bazin thì chiều nào anh cũng trở về nhà để sum họp với vợ con. Con đường rầy 60 phân của "chuyến xe đặc biệt" cách khá xa, để đi tới đó anh đã cuốc bộ vài ba cây số, trên một con đường mòn xuyên giữa rừng sâu. Thường, anh đi một mình trên quãng đường đó, và chỉ gặp những người thợ khác khi đã về tới cận đường rầy, nơi có "chuyến xe đặc biệt" chờ anh.

Đành rằng phần lớn những con thú dữ – cọp hay đười ươi chẳng hạn – đã trốn xa khỏi khu vực cúp rừng suốt ngày vang động những tiếng người, tiếng còi tàu, tiếng búa này, song le một sự bất ngờ nguy hiểm luôn luôn vẫn có thể xảy ra. Vì vậy, Bazin thường mang theo một khẩu súng đã nạp

đạn sẵn bên mình. Một buổi chiều, trong lúc anh đang tiến bước giữa hai vách tường cây lá xanh, anh nghe có tiếng chân đi sau lưng mình. Anh liền quay phắt lại, bàn tay đã hờm sẵn sàng. Đó là một cặp đại tinh tinh – con đực lớn gầy, và gân guốc, con cái thì nhỏ hơn và mập hơn – đang theo sau anh khoảng mười lăm thước.

Bazin mỉm cười với chúng và choàng lại súng lên vai, cặp khi nọ vẫn tiếp tục đi tới vừa múa tay, và, rõ ràng là chúng đang nhắm vào anh mà nói, con đực thì với một giọng khàn khàn đục và thấp, giọng con cái thì thanh và cao.

Hai Danh cười, thực tình thích thú. Đến cách anh chừng năm sáu bước, cặp khi đứng lại. Con đực ngừng nín. Con cái tiếp tục cái ngôn ngữ lộn xộn lao xao của nó. Nó có vẻ tự nhiên và không sợ sệt, đôi mắt linh động sắc sảo của nó không phản chiếu một chút gì lo ngại. Con đực, trái lại, che giấu cái nhìn của nó và tuồng như không lấy làm hoan hỉ chút nào về sự gặp mặt này. Nhìn chúng, người ta nghĩ đến một cặp vợ chồng đi thăm viếng người mà bà vợ thì kéo theo sau lưng một lão chồng mặt mày quạu quọ vì tiếc không được nằm nhà!

Phải chăng là Ba Ngộ, con Ba Ngộ mà ngày xưa đã bỏ nhà trốn đi và giờ đây đang đến trước mặt anh để "tay bắt mặt mừng" theo kiểu nó? Bazin không thể nào biết được, vì chừng giọng một con khi cái này hay giọng một con khi cái khác thì có khác gì nhau! Phải chăng con Ba Ngộ lớn hơn con này một chút. Phải hay không phải? Và đôi mắt? Và cái mũi?... Họ có trời mới biết được rằng con khi này có phải là con Ba Ngộ hay không?

Bazin kêu lớn:

– Ba Ngộ! Ba Ngộ.

Con cái nâng cao giọng để trả lời, và con đực thốt ra vài tiếng gầm gừ muốn tỏ ra thân tình, Bazin cảm biết thế.

Có phải là Ba Ngộ không? Hay không phải là Ba Ngộ? Thôi, xin chịu thôi! Bazin nhún vai và một cách điềm nhiên, tiếp tục cất bước. Cặp khi,

trước sự ngạc nhiên của anh, lại nổi gót theo. Nhưng chúng để một khoảng cách như lúc ban đầu và con cái thì vẫn vừa đi vừa không ngừng tâm sự.

Cuộc đi dạo kỳ quái này diễn ra chừng nửa tiếng đồng hồ. Chốc chốc, Bazin lại dừng bước, cặp khi tiến đến gần và đức ông chồng, thêm một lần nữa, lại đóng bộ mặt lầm lì trong lúc bà vợ tăng gấp đôi tài ăn nói.

Sau cùng, Bazin bèn lên tiếng trả lời chúng, anh nói lung tung nhưng với rất nhiều cử chỉ. Và con khi được, lần này, cũng xen vào. Cái giọng ồm ồm của nó vang lên làm át cả tiếng con khi cái. Cả hai thi nhau mạnh ai nấy múa tay và xem ra đôi bên đều lấy làm hứng thú mà được "đi vào cuộc chuyện trò"!

Về nhà, Bazin không kể lại gì cho Marie cả. Anh ngại gọi lên kỷ niệm của con Ba Ngộ làm nàng buồn.

Chiều hôm sau, trên con đường mòn, Bazin rùng mình kinh sợ mà nhận ra cặp khi, cũng như hôm qua, lại từ trong rừng tiến ra nổi gót theo mình. Anh dừng chân. Chúng xáp lại. Thế rồi, cũng như hôm qua một cuộc đối thoại giữa người và vật lại bắt đầu.

Chỉ thật lâu về sau, hay nói cho thật chính xác, là mãi bốn hôm sau, Bazin mới nhận xét thấy rằng con khi được, chiều hôm đó, đã kém hoạt bát hơn hôm trước. Nhưng con khi cái thì vẫn không ngừng nói đủ trăm chuyện, lúc thì thờ than, lúc thì van vãn, và một đôi khi còn tỏ vẻ như cầu xin tình bạn của người...

– Có lẽ đúng là con Ba Ngộ rồi...anh Bazin thăm nhủ và vô cùng xúc động.

Qua ngày hôm sau, tấn tuồng đó lại vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên sự xuất hiện của cặp khi không giống như trước, chúng không còn tiến ra từ sau lưng Bazin để rồi nổi gót theo, mà ngồi sẵn trên một thân cây sát bên đường mòn, trong một thái độ im lặng và bất đồng kỳ lạ – chuyện hiếm thấy ở loài khi và trở thành có tính cách hăm dọa – như để đợi người thợ rừng. Và khi Bazin vừa qua khỏi thân cây, chúng liền nhảy xuống và nổi gót theo... Nhưng lần này chỉ cách năm sáu bước.

Con khi cái lại khởi sự trò chuyện như mọi ngày, giọng nói nhanh, dạn dĩ, xao xuyến, đi từ than trách tới tâm tình, từ tâm tình đến khoa đại. Con khi đực chốc chốc lại gầm gừ trong cuống họng, và Bazin không hiểu được là nó tán thành hay không tán thành con cái của nó.

Khi Bazin dừng lại, cặp khi cũng dừng theo, sau khi đã tiến gần người hơn một chút. Con cái vẫn nói chuyện huyên thiên, còn con đực, nó nín thình, mắt nhìn lẫn lút và toàn thân run lên từng cơn.

Qua hôm sau mọi chuyện vẫn xảy ra như trước, nhưng Bazin có cảm tưởng là cặp khi đã tiến sát gần anh hơn nữa.

Và con khi cái, nó cũng nói nhanh hơn, với một giọng đôi lúc nghe đau xé. Con khi đực chỉ rời khỏi sự im lặng là để thốt ra từ cuống họng những tiếng gầm gừ khàn đục. "Nó hăm dọa mình" chẳng bao lâu, Bazin đã hiểu thế. Khi quay lại để nói chuyện với chúng, Bazin không rời tay khỏi cây súng nữa, anh sẵn sàng để nổ cò và mắt không rời khỏi con khi đực. Phần con đực, xem ra nó cũng không giấu sự cău bẳn của nó. Ngồi xõm, hai tay chống đất, trông nó ủ rũ và rần chắc như một gốc cây già. Bazin đưa mắt nhìn những bắp thịt cuộn cuộn nổi trên mình con thú. Anh vội rảo bước thật nhanh cho hết quãng đường mòn.

Qua hôm sau, lại vẫn cuộc đua rước đó, lại vẫn cuộc chuyện trò huyên thiên của con cái và những tiếng gầm gừ hăm dọa của con đực – tuy lần này ít hơn, nhưng khàn đục hơn, và xuất phát từ phía sâu bộ ngực rộng của con thú khổng lồ. Bazin còn cảm thấy rằng cặp đồng hành kỳ lạ của anh bám sát gần anh hơn nữa, chúng bước theo cách anh vài bước, người thợ rừng dùng tất cả sức mạnh tinh thần của mình để tránh không quay đầu lại và giữ một dáng điệu tự nhiên, nhưng anh nghe tiếng thở của hai con thú: khàn và mạnh, hơi thở của con đực khổng lồ, từng lúc lại vuốt ve trên gáy anh.

Đêm đó anh nằm mộng về những chuyện xảy ra ban ngày đã khởi sự làm anh khiếp đảm, và sáng hôm sau, Marie cho biết rằng anh đã thốt lên một tiếng kêu kinh hoàng trong lúc ngủ.

Buổi chiều ngày tiếp theo, Bazin về hơi muộn và anh đã bước nhanh chân để có thể về kịp tới đường rầy khi mặt trời lặn.

Đùng một cái, từ trong rừng, ở cách sau lưng anh hai bước, con khỉ đực phóng mình ra. Con khỉ cái đi theo, nhưng chỉ mãi vài giây sau đó nó mới hiện ra – cái khoảng vài giây nó như là dài vô tận với người thợ rừng.

Bazin quay đầu lại nhìn, nhưng không dừng bước. Con đực ở cách anh ba bước, vừa thở hổn hển vừa gầm gừ, đôi mắt nó chiếu sáng trong ánh ngày mờ nhạt, con cái theo sau, khiêm tốn xóa nhòa sau tấm thân dềnh dàng của con đực, nó không mở miệng chuyện trò nữa, nó không còn dám mở miệng chuyện trò, những tiếng kêu mà từng lúc nó còn thốt lên chỉ là những tiếng kêu kinh sợ.

Lần này thì Bazin sợ thực, sợ kinh khủng.

Vào lúc con thú khổng lồ đột nhiên buông một tiếng thở ra khàn đục và hung tợn, thì người thợ rừng, thoát một cái, liền quay mình lại, khẩu súng trên tay, và nổ cò. Con thú trúng đạn ngay tim, lao đảo một vài giây rồi ngã lăn ra, mặt úp xuống đất.

Tiếng vọng của rừng núi bao la lặp lại phát súng nổ. Tiếng vọng đó như từ bốn phương trời đổ lại để bao vây người bắn súng... Như một niềm hối hận mệnh mông.

Nhưng Bazin đã quay lưng lại và tiếp tục bước đi, tiếng của con khỉ cái im bật, nhẹ nhõm, người thợ rừng dẫn bước nhanh như chạy để sớm gặp mặt những đồng bạn của mình.

Bỗng nhiên, anh nghe có tiếng chân chạy tới đằng sau anh và một giọng kêu thét vang lên, vừa hung hăng giận dữ, vừa đau đớn xé lòng. Đó là con khỉ cái. Thì ra nó vừa chột hiểu! Con đực của nó từ nay sẽ không bao giờ còn đi đôi với nó, chuyên canh hái quả cùng nó nữa, và kẻ giết bạn nó thì đang chạy trốn kia.

Từ trong cổ họng con khỉ cái tuôn ra những tiếng nấc, những tiếng rít, những tiếng chửi, những tiếng gào. Và đột nhiên Bazin có cảm giác rằng nó

đang sắp sửa nhảy bổ lên vai anh và bóp họng anh bằng đôi bàn tay rắn chắc và đầy lông lá.

Anh vội tiến lên một bước, quay mình lại và nổ súng vào con vật. Nó cũng ngã nhào ra, mặt úp xuống đất như con đực, nhưng mà nhanh hơn.

Trong buổi đêm đang xuống, Bazin còn kịp nhìn thấy, bám trên cổ con khi cái một sinh vật bé nhỏ, một con khi con đáng thương mới sinh độ vài tuần lễ, hay chừng mới độ vài hôm, vẻ ngơ ngác, bàng hoàng, con khi con này khởi sự bò quanh thân mẹ nó.

Sau một cơn giãy giụa, con khi mẹ xoay mình vật ngửa, mặt ngược lên trời, đôi mắt nó ném ra một tia nhìn cuối cùng đầy oán trách, đầy sợ hãi, đầy tình âu yếm, một tia nhìn thật là người mà Bazin đã đón nhận vào giữa mặt anh, ngay giữa tim anh!

Anh lê chân đi, với những bước nặng nề. Nòng thép của cây súng đốt bàn tay anh cháy bỏng. Con khi con, trong bóng tối, đằng sau lưng anh, cất tiếng khóc thê thảm.

Bazin ra đến chỗ rừng thưa, nơi những người đồng bạn đang ngồi đợi anh trên những gốc cây quanh "chuyến xe đặc biệt".

Một người nói:

– Hôm nay anh về chậm thật. Phải anh bắn đó không? Anh bắn con gì đó?

Một người khác tiếp ngay, không đợi câu trả lời:

– Sắp tối đến nơi rồi, lên xe đi thôi!

– Làm ơn đợi một chút.

Bazin nói, và anh bước đến bên một gốc cây, cầm khẩu súng lên bằng phía nòng, đoạn vung súng lên như thường ngày anh vung búa và bổ mạnh nó vào gốc cây. Khẩu súng của anh gãy làm ba đoạn.

Bazin trèo lên xe. Những người khác cũng trèo lên.

– Tôi không bao giờ dùng súng nữa, Bazin nói bằng một giọng quả quyết. Không ai hỏi anh điều gì. Họ chia tay nhau như thường lệ ở ngõ vào

công trường sau khi chúc nhau một đêm tốt lành.

Đêm đã về rồi kia, cái ban đêm màu tím thẫm của vùng nhiệt đới chứa đầy những đôi cánh bay của loài sâu bọ và những màn cãi cọ của chim rừng.

Table of Contents

Lời dẫn

CHỈ MỘT LẦN THÔI

CON NGỰA TRẮNG

LÊN ĐỈNH HOA SƠN

YÊU KẼ LƯU ĐẦY

TÂM SỰ MỘT NGƯỜI CHA

CÔ PHIPHI

VÒNG TRÒN THẬP TỰ

CHIẾC MŨI

SAU NGÀY HỒI HƯƠNG

BỂ SÚNG BÊN RỪNG